

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỀ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 119, Chúa Nhật 16.05.2010

MỤC LỤC

BẢN CHẤT VÀ SỨ VỤ CỦA CHỨC LINH MỤC THỪA TÁC	ĐTC. Gioan Phaolo 2
THƯ CHỊ THÁNH TÊRÊXA VIẾT CHO NGƯỜI ANH EM LINH MỤC	Lm. TTT. Võ Tá Khánh
"NĂM THÁNH LINH MỤC" ĐI TÌM CĂN TÍNH THẬT CỦA LINH MỤC (PHẦN II)	Lm. ĐƯƠNG THI
ĐẠO ĐỂ LÀM GÌ ?	Lm. Pascal Nguyễn Ngọc Tinh
Ngày Cha Đi... Tuần	Br. J.B. Nguyễn Quốc
SỐNG - CHẾT, CHẾT - SỐNG	Lm. Anmai, CSsR
THỬ TRẢ LỜI CÂU HỎI: "TẠI SAO MỤC TỬ IM LẶNG?"	Gioan Lê Quang Vinh
THA THỨ VÌ GIÁ TRỊ SỰ SỐNG	Br. Huynhquảng
HIỂU VỢ VÀ CẢM THÔNG VỚI VỢ	Lm. Minh Anh, tổng hợp biên tập
TÍNH THÂN MẬT CỦA ĐỜI SỐNG ĐỘC THÂN LINH MỤC	Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy, PSS.
VẤN ĐÁP ẨM THỰC	Bác sĩ Nguyễn Ý- Đức, M.D.
SAU LƯNG ANH ĐÒN ÔNG	Chuyện phiếm của Gã Siêu

TÔNG HUẤN VỀ VIỆC ĐÀO TẠO LINH MỤC TRONG HOÀN CẢNH HIỆN NAY

CHƯƠNG II: NGÀI ĐÃ XỨC DẦU THÁNH HIỂN TÔI VÀ ĐÃ SAI TÔI ĐI.

BẢN CHẤT VÀ SỨ VỤ CỦA CHỨC LINH MỤC THỪA TÁC.

Hướng nhìn chức linh mục.

11. "Mọi người trong hội đường đều đưa mắt hướng nhìn Ngài" (Lc 4,20). Điều mà Thánh Luca tác giả Tin Mừng nói về những người đã có mặt trong hội đường Nagiarét ngày Sabbat hôm ấy và đã nghe Đức Giêsu giải thích đoạn sách ngôn sứ Isaia sau khi Ngài đọc lên hôm ấy có thể đem áp dụng cho tất cả mọi Kitô hữu bởi vì tất cả đều được mời gọi công nhận lời sấm đã được thực hiện trọn vẹn nơi Đức Giêsu Nagiarét: "Lúc ấy, Ngài cất tiếng nói: 'Hôm nay đoạn Sách Thánh này được ứng nghiệm cho anh em là những kẻ đang nghe' (Lc 4,24). Đoạn Sách Thánh ấy nói rằng: "Thánh Thần Chúa ngự trên tôi vì Ngài đã xức dầu thánh hiến tôi để tôi mang Tin Mừng đến cho người nghèo. Ngài đã sai tôi đi rao giảng sự giải thoát cho người bị giam cầm, sự sáng mắt cho kẻ mù loà, trả tự do cho người bị áp bức, công bố năm hồng ân của Chúa" (Lc 4,18-19;x. Is 62,1-2). Đức Giêsu tự giới thiệu mình như là đầy tràn Chúa Thánh

Thần, “được xúc dầu hiến thánh”, “để mang Tin Mừng đến cho người nghèo” : Ngài là Đấng Mêsia, một Đấng Mêsia vừa là tư tế, ngôn sứ và là vua.

Người Kitô hữu phải đưa mắt đức tin và mắt tình yêu hướng nhìn dung mạo nói trên của Đức Kitô. Chính dưới ánh sáng của sự “chiêm ngắm” này mà các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã suy tư về vấn đề đào tạo linh mục trong hoàn cảnh hiện nay. Không thể nào giải quyết vấn nạn ấy nếu trước đó không suy nghĩ về cứu cánh của tiến trình đào tạo: cứu cánh, đó chính là chức linh mục thừa tác và, nói chính xác hơn, là chức linh mục thừa tác với tư cách tham gia vào chính chức linh mục của Chúa Giêsu Kitô, trong Giáo Hội. Nhận thức về bản chất và về sứ vụ của chức linh mục thừa tác là điều tất yếu phải đi trước, đồng thời là đường lối vững chắc nhất và là động cơ mãnh liệt nhất để có thể phát triển hoạt động mục vụ trong Giáo Hội, nhằm thăng tiến và phân định các ơn gọi linh mục cũng như đào tạo những người được mời gọi tiến đến thừa tác vụ được phong ban.

Như thế, truy tầm một sự hiểu biết chính xác và sâu rộng về bản chất và sứ vụ của chức linh mục thừa tác là đường lối phải tuân theo — đây quả thực là đường lối của Thượng Hội Đồng — để có thể ra khỏi cuộc khủng hoảng về *căn tính linh mục*, như Tôi đã phát biểu trong bài diễn văn bế mạc Thượng Hội Đồng: “Cuộc khủng hoảng này đã xuất hiện trong những năm kế tiếp ngay sau Công đồng. Sở dĩ nó phát sinh là vì giáo thuyết của Huấn Quyền trong Công đồng đã bị giải thích sai lầm, có khi đã bị cố tình giải thích lệch lạc. Chắc chắn đây là một trong những nguyên nhân đã gây ra nhiều vụ hồi tục mà Giáo Hội lúc bấy giờ phải gánh chịu; những vụ hồi tục đã ảnh hưởng trầm trọng đến công việc mục vụ, đến các ơn gọi linh mục và cách riêng đến các ơn gọi thừa sai. Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 1990, bằng cách khám phá lại toàn vẹn chiều sâu của chức linh mục nhờ vào biết bao bài tham luận đã được đón nghe trong Phòng Hội Aula này, như thế đã đến để mang lại niềm hy vọng sau nhiều vụ hồi tục xót xa ấy. Những bài tham luận ấy chứng tỏ chúng tôi ý thức như thế nào về mối dây hữu thể loại biệt nối kết người linh mục với Chúa Kitô là Linh Mục Tối Cao và là Mục Tử Nhân Lành. Căn tính linh mục ấy phải làm nền để tạo bản chất cho nền đào tạo cần được tiến hành nhằm đến chức linh mục và còn nhằm đến trọn vẹn cuộc đời linh mục. Mục đích chính xác của Thượng Hội Đồng 1990 là như thế” (18).

Nhằm mục đích ấy, Thượng Hội Đồng xét rằng cần phải nhắc lại một cách tổng hợp tất cả những gì liên quan đến các nền tảng của bản chất và sứ vụ linh mục thừa tác, bản chất và sứ vụ mà đức tin Giáo Hội đã thừa nhận trong suốt dòng lịch sử qua nhiều thế hệ và Công đồng Vaticanô II đã trình bày cho con người thời đại chúng ta (19).

Trong Giáo Hội là mầu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ.

12. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã viết: “căn tính linh mục, cũng như bất cứ căn tính nào của người Kitô hữu, bắt nguồn từ Mầu Nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi” (20) là Mầu nhiệm được mạc khải, được chuyển đạt cho loài người nơi Chúa Kitô, đồng thời trong Ngài và nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần, tạo thành Giáo Hội với tư cách là “hạt mầm và khởi đầu” của Nước Trời (21). Tông Huấn *Christifideles Laici* tổng hợp giáo huấn của Công đồng bằng cách trình bày Giáo Hội như là mầu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ; “Giáo Hội là *mầu nhiệm* bởi vì tình yêu và sự sống của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là ân huệ tuyệt đối nhưng không, được ban cho tất cả những ai sinh ra bởi nước và Thần Khí (x. Ga 3,5), được kêu mời sống chính sự *hiệp thông* của Thiên Chúa, biểu lộ và lan truyền sự hiệp thông ấy trong lịch sử (*sứ vụ*) ” (22).

Chính trong lòng Giáo Hội xét như là mầu nhiệm hiệp thông giữa Thiên Chúa Ba Ngôi trong nỗi day dứt thi hành sứ vụ mà mọi căn tính Kitô hữu được mạc khải và đồng thời căn tính loại biệt của linh mục và của thừa tác vụ linh mục cũng được mạc khải. Quả vậy, linh mục, nhờ vào sự thánh hiến đã lãnh nhận qua bí tích Truyền Chức thánh, được sai đi bởi Chúa Cha, nhờ Chúa Giêsu Kitô, và một cách đặc biệt được nên đồng hình dạng với Ngài, Đấng là Đầu và Mục Tử của dân Ngài, để sống và hoạt động, trong sức mạnh của Chúa Thánh Thần, nhằm phục vụ Giáo Hội và cứu độ thế giới (23).

Nhờ đó, người ta hiểu được tính chất thiết yếu “tương giao” của căn tính linh mục : do bởi chức linh mục phát sinh từ nơi thâm sâu mầu nhiệm khôn tả của Thiên Chúa, nghĩa là từ tình yêu của Chúa Cha, từ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô và từ ơn hiệp nhất của Chúa Thánh Thần, người linh mục qua bí tích được hội nhập vào sự hiệp thông với Giám mục và với các linh mục khác (24), để phục vụ Dân Thiên Chúa là Giáo Hội và để dẫn dắt mọi người đến với Chúa Kitô, đúng như lời cầu nguyện của Ngài : “Lạy Cha rất thánh, xin Cha gìn giữ chúng con trong danh

Cha mà Cha đã ban cho Con để chúng nên một như chúng ta... Lạy Cha, cũng như Cha, Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, xin cho chúng cũng ở trong chúng ta, để cho thế gian tin rằng Cha đã sai Con" (Ga 17,11-21).

Bởi thế, không thể tìm xác định bản chất và sứ vụ của chức linh mục thừa tác ở bên ngoài nhiệm hệ đa tạp và phong phú gồm những tương quan bắt nguồn từ Mầu Nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi và nổi dài trong sự hiệp thông với Giáo Hội xét như là dấu chỉ và khí cụ, trong Chúa Kitô, của sự nối kết giữa loài người với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại (25). Từ đó, nghiên cứu Giáo Hội về phương diện hiệp thông chính là việc làm có tính định đoạt để có thể nắm vững căn tính linh mục, phẩm giá riêng biệt của linh mục, ơn gọi và sứ vụ trong Dân Thiên Chúa và trong thế giới. Chính vì vậy, qui chiếu về Giáo Hội là điều cần thiết, ngay cả khi đó không phải là điều tiên quyết trong định nghĩa về căn tính linh mục. Xét như là *mầu nhiệm*, *Giáo Hội thiết yếu gắn liền với Chúa Giêsu Kitô*; thực ra, Giáo Hội chính là sự viên mãn, là Thân Thể và là Hiền Thê của Ngài. Giáo Hội là "dấu chỉ", là "ký vật" sống động nói lên sự hiện diện liên li của Ngài và nói lên hoạt động của Ngài giữa chúng ta và cho chúng ta. Người linh mục tìm gặp trọn vẹn sự thật về căn tính của mình trong sự kiện mình tham dự một cách loại biệt vào Đức Kitô và nối tiếp chính Đức Kitô, vị tư tế Tối Cao và độc nhất của Giao Ước mới : linh mục là hình ảnh sống động và trong suốt của Chúa Kitô linh mục. Là biểu hiện "tính chất mới mẻ" tuyệt đối của Ngài trong lịch sử cứu độ, chức tư tế của Chúa Kitô chính là cội nguồn độc nhất và là bản mẫu bất khả thay thế của chức tư tế Kitô hữu và cách riêng của chức tư tế linh mục. Bởi đó, qui chiếu về Chúa Kitô là chìa khoá tuyệt đối cần thiết để có thể thấu hiểu thực tại linh mục.

Mối liên hệ cơ bản với Đức Kitô là Đầu và Mục Tử.

13. Đức Giêsu Kitô đã biểu lộ nơi chính Ngài dung mạo trọn hảo và vĩnh viễn của chức tư tế thời Tân Ước *26): Ngài đã mạc khải dung mạo ấy bằng toàn thể đời sống trần thế của Ngài, nhưng trên tất cả bằng chính biến cố trung tâm là cuộc khổ nạn, cái chết và sự phục sinh của Ngài.

Như tác giả *Thư gửi tín hữu Do Thái* đã viết, là con người như chúng ta và đồng thời là người Con độc nhất của Thiên Chúa, Đức Giêsu, ngay trong chính hữu thể của Ngài, là vị trung gian hoàn hảo giữa Chúa Cha và nhân loại (x. Dt 8-9), vị trung gian cho chúng ta được trực tiếp đến gần Thiên Chúa, nhờ ân huệ của Chúa Thánh Thần : "Thiên Chúa đã sai đến tâm hồn chúng ta Thần Khí của Con Ngài, Thần Khí ấy kêu lên : Abba, lạy Cha !" (Gl 4,6; x. Rm. 8,15).

Đức Giêsu hoàn thành nhiệm vụ trung gian bằng việc hiến dâng chính mình trên Thập Giá, nhờ đó, một lần thay cho muôn lần, Ngài mở lối vào thánh điện trên trời và vào nhà của Chúa Cha (x. Dt 9,24-28). Sánh với Đức Giêsu, Môisê và tất cả các vị "trung gian" thời Cựu Ước giữa Thiên Chúa và Dân Ngài — các vua, các tư tế và các ngôn sứ — chỉ xuất hiện như là "hình ảnh" và là "bóng mờ của những điều thiện bảo sẽ tới", chứ không như là "chính sự biểu hiện của các thực tại" (x. Dt 10,1).

Đức Giêsu là Vị Mục Tử Nhân Lành mà các ngôn sứ đã báo trước (x. Ed 34), Vị Mục Tử biết chiến mình từng con một, thí mạng sống mình cho chiến và quy tụ hết mọi con chiến lại thành một đàn duy nhất với một chủ chăn duy nhất (x. Ga 10,11-16). Ngài là vị mục tử, không phải đến "để được phục vụ nhưng để phục vụ" (Mt 20,28), với cử chỉ rửa chân ngày vượt qua (x. Ga 13,11-20), đã để lại cho những người thân thích của Ngài mẫu gương phục vụ mà họ có trách nhiệm thực thi lẫn cho nhau, và đã tự nguyện hiến dâng chính mình làm cho chiến vô tội chịu sát tế để cứu chuộc chúng ta (x. Ga 1,36; Kh 5,6-12).

Nhờ hy lễ Thập Giá tiến dâng một lần và mãi mãi. Đức Giêsu thông ban cho tất cả các môn đệ của Ngài phẩm giá và sứ vụ làm linh mục của Giao Ước mới và vĩnh cửu. Như thế là ứng nghiệm lời Thiên Chúa hứa với Ít-raen: "Ta sẽ coi các ngươi như một vương quốc tư tế, một dân tộc thánh thiện" (Xh 19,6). Thánh Phêrô viết : Chính toàn dân Giao Ước Mới được làm thành một "toà nhà thiêng liêng", "một hàng tư tế thánh thiện, nhằm dâng tiến những hy lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa, nhờ Đức Giêsu Kitô" (1 Pr 2,5). Những người đã lãnh nhận Phép Rửa là những viên đá sống động xây nên toà nhà thiêng liêng, nối kết với Thân Thể Chúa Kitô, "là đá tảng sống động... được tuyển chọn và thật quý giá bên cạnh Thiên Chúa" (1 Pr 2,4). Dân tư tế mới, là Giáo Hội, chẳng những có được nơi Chúa Kitô hình ảnh riêng biệt và chính hiệu của mình mà còn lãnh nhận từ nơi Ngài sự tham dự thiết thực trên bình diện hữu thể vào chức tư tế vĩnh cửu và độc nhất của Ngài, chức tư tế mà Dân Chúa phải thích ứng trọn cả đời mình.

14. Nhằm phục vụ chức tư tế phổ quát của Giao Ước Mới, Đức Giêsu, trong sứ vụ trần thế, đã mời gọi nhiều môn đệ đến với Ngài; với quyền bính dành cho một sứ vụ loại biệt, Ngài kêu gọi và thiết lập Nhóm Mười Hai “để làm bạn đồng hành với Ngài và để sai họ đi rao giảng, kèm theo quyền xua trừ ma quỷ” (Mc 3,14-15).

Như thế, ngay từ trong giai đoạn thi hành sứ vụ công khai (x. Mt 16,18) và sau đó, một cách viên mãn, khi đã chết và sống lại (x. Mt 28,16-20; Ga 20,21), Đức Giêsu ban cho Phêrô và Nhóm Mười Hai những quyền hành hoàn toàn loại biệt đối với cộng đoàn tương lai và nhằm mục đích rao giảng Tin Mừng cho muôn dân. Sau khi đã mời gọi họ theo Ngài. Ngài giữ họ bên cạnh Ngài và Ngài sống với họ, dùng gương sáng và lời nói thông truyền cho họ sứ điệp cứu độ sau cùng, Ngài sai họ đến với mọi người. Để cho sứ vụ ấy được hoàn thành, Đức Giêsu ban cho các Tông Đồ, cùng với sức mạnh do sự tuôn đổ Thánh Thần sau biến cố Phục Sinh, cũng một quyền bính Mêsia mà Ngài đã lãnh nhận từ nơi Chúa Cha, quyền bính đã được ban cho Ngài, quyền bính đã được biểu lộ cách viên mãn qua sự Phục Sinh của Ngài: “Mọi quyền hành trên trời dưới đất đã được ban cho Ta. Vậy, các con hãy ra đi, hãy chiêu tập môn đệ từ khắp muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, dạy họ tuân giữ mọi điều Ta đã chỉ thị. Nay đây Ta sẽ ở với các con mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,18-20).

Bằng cách ấy, Đức Giêsu thiết lập một mối liên hệ mật thiết giữa thừa tác vụ được ban cho các Tông Đồ với chính sứ vụ riêng của mình: “Ai đón nhận các con là đón nhận Ta và ai đón nhận Ta là đón nhận Đấng đã sai Ta” (Mt 10,40); “Ai nghe các con là nghe Ta, ai loại bỏ các con là loại bỏ Ta và ai loại bỏ Ta là loại bỏ Đấng đã sai Ta” (Lc 10,16). Hơn thế nữa, trong Tin Mừng thứ tư, dưới ánh sáng của biến cố vượt qua gồm cái chết và sự phục sinh, Đức Giêsu quả quyết một cách hết sức mạnh mẽ và minh bạch: “Như Cha đã sai Ta, cũng vậy Ta sai các con” (Ga 20,21; x. 13,20; 17,18). Cũng như Đức Giêsu nắm giữ một sứ vụ đến trực tiếp từ Thiên Chúa và làm cho chính quyền bính của Thiên Chúa trở nên hiện diện (x. Mt 7,29; 21,23; Mc 1,27; 11,28; Lc 20,2; 24,19), cũng vậy các Tông Đồ nắm giữ một sứ vụ đến từ Chúa Giêsu. Cũng như “Con không thể tự mình làm điều gì” (Ga 5,19) đến nỗi giáo thuyết của Ngài không phải là của riêng Ngài nhưng là giáo thuyết của Đấng đã sai Ngài (x. Ga 7,16), cũng vậy, Đức Giêsu nói với các Tông Đồ: “Ngoài Ta các con không thể làm được gì” (Ga 15,5): sứ vụ của các Tông Đồ thì không phải là sứ vụ riêng của các ngài nhưng là chính sứ vụ của Chúa Giêsu. Sở dĩ có thể hoàn thành sứ vụ ấy thì không phải do sức lực của con người nhưng chỉ nhờ vào “ơn ban” của Chúa Kitô và của Thần Khí Ngài, nhờ vào ơn bí tích: “Các con hãy nhận lấy Thánh Thần. Các con tha tội cho ai, tội người ấy được tha, các con cầm buộc tội ai, tội người ấy bị cầm buộc” (Ga 20,22-23). Vì thế, không phải vì cậy dựa vào một công nghiệp riêng tư nào nhưng chỉ vì thông phần một cách nhưng không vào ân sủng của Chúa Kitô mà các Tông Đồ, trong lịch sử, cho đến thời cùng tận, đeo đuổi sứ vụ cứu độ của chính Đức Kitô vì lợi ích cho loài người.

Dấu chỉ và điều kiện tiên quyết để cho sứ vụ ấy được chính hiệu và sai nỡ, đó là sự hiệp nhất giữa các Tông Đồ với Chúa Giêsu và trong Chúa Giêsu, giữa các Tông Đồ với Chúa Cha, như đã được nêu dẫn trong lời nguyện tư tế của Chúa, là tổng hợp của sứ vụ Ngài (x. Ga 17,20-23).

15. Đến lượt các ngài, như đã được Chúa thiết lập, các Tông Đồ sẽ dần dà làm trọn sứ vụ của các ngài bằng cách kêu mời, dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng tựu trung đồng qui với nhau, những người khác, làm giám mục, làm linh mục và làm phó tế, để hoàn thành sứ vụ đã lãnh nhận từ nơi Chúa Kitô Phục Sinh, Đấng đã sai các ngài đến với mọi người thuộc mọi thời đại.

Tân Ước nhất loại ghi chú rằng Thần Khí của chính Đức Kitô đã đưa dẫn vào trong thừa tác vụ những con người được chọn giữa các anh em. Với cử chỉ đặt tay (x. Cv 6,6; 1Tm 4,14; 5,22; 2Tm 1,6) là cử chỉ chuyển ban ơn Thần Khí, những con người ấy được mời gọi và được trang bị để tiếp nối cùng một thừa tác vụ hoà giải, chấn dặt đoàn chiên của Thiên Chúa và giảng dạy (x. Cv 20,28; 1Pr 5,2).

Như vậy, các linh mục được mời gọi nối dài sự hiện diện của Đức Kitô, vị Mục Tử duy nhất và tối cao, bằng cách noi theo lối sống của Ngài và bằng cách làm sao cho mình như thế được Ngài xuyên thấu ngay giữa đàn chiên được giao phó cho mình. Như thư thứ nhất của thánh Phêrô đã viết một cách rõ ràng và chính xác: “Với các vị niên trưởng giữa anh em, tôi, cũng thuộc hàng *niên trưởng như các vị ấy*, là chứng nhân về những nỗi thống khổ của Đức Kitô, là kẻ sẽ được thông phần vinh quang sắp được mặc khải, tôi có lời khuyên nhủ các vị ấy. Hãy chấn

dắt đàn chiên Thiên Chúa đã được giao phó cho anh em, hãy chăm lo cho chúng, không phải vì miễn cưỡng nhưng một cách sẵn lòng, thể theo ý Thiên Chúa; không phải vì lợi nhuận ô trọc nhưng vì lòng nhiệt thành; không phải bằng cách làm vua làm chúa trên những kẻ được ban cho anh em làm phần cơ nghiệp nhưng bằng cách trở nên mẫu mực cho đàn chiên. Và khi Vị Thủ Lãnh các mục tử xuất hiện, anh em sẽ lãnh nhận triều thiên vinh quang không bao giờ tàn úa” (1 Pr 5,1-4).

Trong Giáo Hội và cho Giáo Hội, như những dấu chỉ bí tích, các linh mục đại diện cho Chúa Giêsu Kitô là Đầu và Mục Tử, các linh mục công bố Lời Chúa một cách chính danh, các linh mục lập lại những cử chỉ tha thứ và ban ơn cứu độ, nhất là qua các bí tích Rửa Tội, Thống Hối và Thánh Thể, các linh mục đem sự chăm sóc đầy tình thương của Ngài, sự chăm sóc đến nỗi trao hiến trọn vẹn chính mình của Ngài, ra thi thố cho đoàn chiên mà các linh mục qui tụ lại làm một và dẫn đến Chúa Cha nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần. Nói tóm lại, các linh mục hiện hữu và hoạt động để loan báo Tin Mừng cho thế giới và để xây dựng Giáo Hội nhân danh đích thân Chúa Kitô là Đầu và Mục Tử (27).

Chính bằng thể thức kiểu mẫu và loại biệt trên đây mà các thừa tác viên được cắt đặt tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô. Nhờ việc xúc dầu trong bí tích Truyền Chức Thánh, Chúa Thánh Thần làm cho họ nên đồng hình dạng, bằng một tước hiệu mới và loại biệt, với Đức Giêsu Kitô là Đầu và Mục Tử, Chúa Thánh Thần làm cho họ nên thích ứng tự bên trong và thôi thúc họ bằng đức ái mục vụ của Ngài, và trong Giáo Hội, Chúa Thánh Thần làm cho họ trở thành những người tôi tớ có phẩm chất để họ loan báo Tin Mừng cho mọi tạo vật và để họ làm cho đời sống Kitô hữu của mọi người đã rửa tội được viên mãn.

Sự thật về linh mục phát xuất từ Lời Chúa, nghĩa là từ chính Đức Giêsu Kitô, và từ kế hoạch của Ngài liên quan tới sự cấu thành Giáo Hội, sự thật ấy đã được hát lên bằng một bài ca tạ ơn vui mừng của phụng vụ trong kinh Tiền Tụng ngày lễ Dầu: “Nhờ việc xúc dầu của Chúa Thánh Thần, Cha đã đặt Con Một Cha làm Tư Tế của Giao Ước Mới vĩnh cửu; Cha đã muốn cho chức tư tế duy nhất của Ngài luôn sống động trong Giáo Hội. Chính Ngài là Đức Kitô, là Đấng ban cho toàn dân được cứu chuộc phẩm vị làm tư tế vương giả; chính Ngài tuyển chọn trong tình yêu của Ngài đối với đàn em, những người sẽ được đặt tay và sẽ thông phần vào thừa tác vụ của Ngài... Nhân danh Ngài, các linh mục tiến dâng hy lễ cứu độ duy nhất nơi bàn tiệc vượt qua : các linh mục có trách nhiệm xả thân phục vụ Dân Cha để nuôi dưỡng họ bằng Lời của Cha và làm cho họ sống bằng các bí tích của Cha; các linh mục sẽ là những chứng nhân thực sự cho đức tin và đức ái, sẵn sàng hiến mạng sống mình như Đức Kitô đã hiến dâng mạng sống cho đàn em và cho Cha”.

Phục vụ Giáo Hội và Thế giới.

16. Mỗi liên hệ cơ bản của linh mục là mỗi liên hệ nối kết linh mục với Đức Giêsu Kitô là Đầu và Mục Tử : thực ra, bằng một thể thức loại biệt và chính hiệu, linh mục tham dự vào sự “thánh hiến” hoặc “xức dầu” và vào “sứ vụ” của Đức Kitô (x. Lc 4,18-20). Nhưng mỗi liên hệ ấy lại được mật thiết gắn liền với mỗi liên hệ nối kết linh mục với Giáo Hội. Ở đây không phải là những mối liên hệ chỉ đơn thuần chồng chất lên nhau : chính những mối liên hệ ấy được nối kết mật thiết với nhau bằng một thứ nội nhập hổ tương. Sự qui chiếu về Giáo Hội được hàm chứa trong cùng một quan hệ duy nhất giữa linh mục với Chúa Kitô, theo nghĩa là chính việc linh mục đại diện cho Chúa Kitô bằng “sự đại diện hiểu theo nghĩa bí tích” đặt nền tảng và tạo sức sống cho quan hệ giữa linh mục và Giáo Hội.

Trong chiều hướng ấy, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã viết: “Với tư cách đại diện cho Chúa Kitô là Đầu, Mục Tử và Phu Quân của Giáo Hội, linh mục chẳng những được đặt vào *trong Giáo Hội* nhưng còn là *đối diện với Giáo Hội*. Chức linh mục cũng như đồng thời Lời Chúa và các dấu chỉ bí tích mà linh mục là người phục vụ đều thuộc về những yếu tố tác thành Giáo Hội. Thừa tác vụ của linh mục hoàn toàn là để phục vụ Giáo Hội nhằm nâng cao việc thực thi chức tư tế cộng đồng của toàn thể Dân Thiên Chúa; thừa tác vụ ấy chẳng những được sắp đặt cho Giáo Hội địa phương nhưng còn cho Giáo Hội hoàn vũ (x. *Presbyterorum ordinis* , LM, số 10), trong sự hiệp thông với Giám mục, với Thánh Phêrô và dưới quyền của thánh Phêrô. Nhờ chức linh mục của Giám mục, chức linh mục bậc hai được tháp vào cơ cấu tông truyền của Giáo Hội. Bởi đó, cũng như các Tông Đồ, linh mục giữ nhiệm vụ làm sứ giả của Đức Kitô (x. 2Cr 5,20). Đó chính là nền tảng cho tính chất thừa sai của chức linh mục” (28).

Như thế, thừa tác vụ được phong ban cùng khai sinh với Giáo Hội; dầu là của giám mục hay

của các linh mục trong sự qui chiếu và trong sự hiệp thông với các giám mục, thừa tác vụ ấy có mối liên hệ đặc biệt với thừa tác vụ của các Tông Đồ buổi đầu, từ đó thừa tác vụ ấy thực sự đóng vai trò kế nhiệm, mặc dầu, so với thừa tác vụ của các Tông Đồ, thừa tác vụ ấy mặc những hình thái hiện sinh khác biệt.

Bởi đó, không được coi chức linh mục được thụ phong như là đến trước Giáo Hội : chức linh mục ấy hoàn toàn là để phục vụ chính Giáo Hội; cũng không được quan niệm chức linh mục ấy là đến sau cộng đoàn Giáo Hội, như thế có thể hiểu Giáo Hội đã được thành lập mà không cần chức linh mục ấy.

Quan hệ giữa linh mục với Đức Giêsu Kitô và, trong Ngài, với Giáo Hội được hàm chứa trong chính *hữu thể* của linh mục, do bởi đã được thánh hiến và đã được xức dầu trong bí tích, và được hàm chứa trong hành động của linh mục, nghĩa là trong sứ vụ hay trong thừa tác vụ của linh mục. Một cách đặc biệt, “linh mục thừa tác là *tôi tớ* của Đức Kitô hiện diện trong Giáo Hội xét như là mầu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ. Do sự kiện linh mục thông phần vào việc “xức dầu” và vào “sứ vụ” của Đức Kitô, linh mục có khả năng nối dài kinh nghiệm, lời nói, hy lễ và hoạt động cứu độ của Ngài trong Giáo Hội. Linh mục bởi đó là *tôi tớ của Giáo Hội xét như là mầu nhiệm*, bởi vì linh mục thực thi những dấu chỉ Giáo Hội và bí tích nói lên sự hiện diện của Chúa Kitô Phục Sinh. Linh mục là *tôi tớ của Giáo Hội xét như là hiệp thông*, bởi vì — trong sự hiệp nhất với giám mục và mối liên kết chặt chẽ với linh mục đoàn — linh mục xây dựng sự hiệp nhất của cộng đoàn Giáo Hội trong sự hoà điệu của nhiều ơn gọi, nhiều đặc sủng và nhiều hình thức phục vụ khác nhau; cuối cùng, linh mục là *tôi tớ của Giáo Hội xét như là sứ vụ*, bởi vì linh mục làm cho cộng đoàn trở thành cộng đoàn loan báo và làm chứng về Tin Mừng” (29).

Do đó, trong chính hữu thể và trong sứ vụ bí tích của mình, linh mục đến trong cơ cấu Giáo Hội để làm dấu chỉ cho tính ưu việt tuyệt đối và cho tính nhưng không của ân sủng được ban cho Giáo Hội nhờ Chúa Kitô Phục Sinh. Nhờ chức linh mục thừa tác. Giáo Hội ý thức trong đức tin rằng Giáo Hội không hiện hữu tự mình nhưng là nhờ ân sủng của Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần. Các Tông Đồ và những người kế nhiệm các ngài, với tư cách là những người nắm giữ quyền bính đến từ Đức Kitô là Đầu và Mục Tử, do bởi thừa tác vụ của mình, được sắp đặt *đối diện với Giáo Hội*, như là sự nối dài hữu hình và là dấu chỉ bí tích của Đức Kitô, thay cho chính Ngài trước mặt Giáo Hội và thế giới, như là cội nguồn cứu độ trường tồn và luôn mãi mới mẻ, “Ngài, Đấng cứu độ Thân Thể” (Ep 5,23).

17. Thừa tác vụ được phong ban, do tự bản chất, chỉ có thể được hoàn thành trong mức độ mà linh mục hiệp nhất với Chúa Kitô bằng sự hội nhập hiểu theo nghĩa bí tích vào trong hàng ngũ linh mục và bởi đó trong mức độ mà linh mục hiệp thông với giám mục về phương diện phẩm trật. Tự căn rễ, thừa tác vụ được phong ban mang “*bản chất cộng đồng*” và chỉ có thể được hoàn thành như là “*công trình thập thể*” (30). Công đồng đã diễn tả rất nhiều về bản chất hiệp thông ấy của chức linh mục, đã lần lượt nghiên cứu các quan hệ giữa linh mục với giám mục của mình, với các linh mục khác và với giáo dân (31). Thừa tác vụ linh mục trước hết là sự hiệp thông, sự hợp tác thiết yếu và có trách nhiệm vào thừa tác vụ của giám mục, trong việc chăm lo cho Giáo Hội hoàn vũ và cho Giáo Hội đặc thù và, cùng với giám mục, làm thành một linh mục đoàn duy nhất trong khi phục vụ Giáo Hội ấy.

Mỗi một linh mục, là triều hoặc dòng, được liên kết nên một với các thành phần khác thuộc linh mục đoàn, tùy theo bí tích Truyền Chức Thánh, bằng những mối liên hệ riêng biệt về đức ái tông đồ, về thừa tác vụ và về tình huynh đệ. Thực vậy, tất cả các linh mục triều hoặc dòng đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Đức Kitô là Đầu và Mục Tử, “cùng nhắm một mục đích : xây dựng Thân Thể Đức Kitô; nhất là vào thời đại chúng ta, công việc ấy đòi hỏi những nhiệm vụ đa dạng và những thích nghi mới”, và thừa tác vụ được nên phong phú trải qua các thời đại nhờ vào những đặc sủng luôn mới mẻ (32).

Sau hết, bởi vì dung mạo của mình cũng như sự dẫn thân của mình không phải là để thay thế nhưng đúng hơn để nâng cao chức tư tế lãnh nhận từ Bí Tích Rửa tội của toàn thể Dân Thiên Chúa và để hướng dẫn chức tư tế ấy đến chỗ thể hiện trọn vẹn trong Giáo Hội, các linh mục sống trong một tương quan tích cực và xây dựng đối với người giáo dân. Các linh mục phục vụ cho đức tin, cho niềm trông cậy và cho đức ái của họ. Các linh mục công nhận những điều ấy và, với tư cách là anh em và là bạn hữu, các linh mục bảo tồn phẩm giá cho những người làm con Thiên Chúa và giúp họ thực thi trọn vẹn vai trò loại biệt của họ trong khuôn khổ sứ vụ của Giáo Hội (33).

Chức tư tế thừa tác được phong ban nhờ bí tích Truyền Chức Thánh và chức tư tế cộng đồng hay “vương giả” của các tín hữu, mặc dầu khác biệt với nhau chẳng những về cấp trật nhưng còn về yếu tính (34), vẫn liên quan với nhau và lệ thuộc lẫn nhau; cả hai — dưới những hình thức khác nhau — đều bắt nguồn từ chức tư tế duy nhất của Đức Kitô. Thực ra, chức tư tế thừa tác tự nó không là dấu chỉ cho một cấp độ thánh thiện cao hơn so với chức tư tế cộng đồng của các tín hữu; nhưng, do bởi chức tư tế thừa tác, các linh mục đã lãnh nhận từ Chúa Kitô, bởi Chúa Thánh Thần, một ân huệ loại biệt, hầu có thể giúp Dân Thiên Chúa thực thi một cách trung thành và trọn vẹn chức tư tế cộng đồng được ban cho họ (35).

18. Như Công Đồng ghi nhận, “ân huệ thiêng liêng mà các linh mục đã lãnh nhận ngày thụ phong chuẩn bị cho các linh mục không phải đi vào một sứ vụ hạn hẹp và gò bó, nhưng đi vào một số vụ cứu độ có tầm cỡ phổ quát, “cho đến tận cùng bờ cõi trái đất”; thật ra bất cứ thừa tác vụ linh mục nào cũng thông phần vào những chiều kích phổ quát của sứ vụ được Đức Kitô giao phó cho các Tông Đồ” (36). Do bởi chính bản chất của thừa tác vụ, các linh mục cần phải được thẩm nhuần và thôi thúc bởi một tinh thần thừa sai sâu xa và bởi “tinh thần công giáo thực sự sẽ giúp các linh mục quen vượt khỏi những ranh giới của riêng giáo phận mình, quốc gia mình và lễ chế mình để rồi đáp ứng nhu cầu của Giáo Hội toàn cầu, sẵn sàng tận đáy lòng rao giảng Tin Mừng cho đến tận cùng bờ cõi trái đất” (37).

Ngoài ra, một cách đặc biệt, bởi vì trong nội bộ Giáo Hội, linh mục là con người của hiệp thông, cho nên đối với mọi người, linh mục phải là con người của sứ vụ và đối thoại. Bền rễ sâu xa trong sự thật và trong đức ái của Chúa Kitô, được thôi thúc bởi ước vọng và sự cần thiết nội tại phải loan báo ơn cứu độ cho mọi người, linh mục được mời gọi nối kết với mọi người những mối quan hệ huynh đệ và phục vụ, cùng nhau truy tầm chân lý bằng cách làm việc để thăng tiến công bằng và hoà bình. Linh mục phải nối kết những quan hệ huynh đệ trước hết với các anh em thuộc các Giáo Hội khác và thuộc các hệ phái Kitô giáo, nhưng cũng phải nối kết những quan hệ huynh đệ với các tín hữu thuộc các tôn giáo khác, với mọi người thiện chí, và một cách đặc biệt, với những người nghèo và những người yếu đuối hơn hết, cũng như với hết mọi người, hoặc không nhận thức hoặc không diễn đạt ra được, đang ngưỡng vọng về chân lý và ơn cứu độ mà Đức Kitô mang đến, theo lời và theo gương Đức Giêsu như Ngài đã nói : “Không phải những người khỏe mạnh cần thấy thuốc nhưng là những người đau yếu... Ta không đến để kêu gọi người công chính nhưng kêu gọi người có tội” (Mc 2,17).

Ngày nay, một cách đặc biệt, trách nhiệm mục vụ mà ưu tiên là ‘công cuộc phúc âm hoá mới’ là trách nhiệm của toàn thể Dân Chúa và đòi hỏi một nhiệt tình mới, những phương pháp mới và một ngôn ngữ mới dành cho việc loan báo và làm chứng về Tin Mừng. Đòi buộc các linh mục phải triệt để và hoàn toàn đắm mình trong mầu nhiệm Chúa Kitô và phải có khả năng thể hiện một lối sống mục vụ mới, đánh dấu bằng một sự hiệp thông sâu xa với Đức Giáo Hoàng, với các Giám mục và giữa các linh mục với nhau, và bằng một sự hợp tác sai hoa sai trái với giáo dân, tôn trọng và thăng tiến các vai trò khác nhau, các đặc sủng và các thừa tác vụ giữa lòng cộng đoàn Giáo Hội (38).

“Hôm nay, lời Sách Thánh này ứng nghiệm cho anh em là những kẻ đang nghe” (Lc 4,21). Chúng ta hãy lắng nghe một lần nữa những lời ấy của Chúa Giêsu dưới ánh sáng của chức linh mục thừa tác mà chúng ta đã trình bày về bản chất và sứ vụ. Cái “hôm nay” mà Đức Giêsu đề cập, bởi vì nằm trong “thời gian viên mãn” và xác định ý nghĩa cho thời gian viên mãn — là thời gian cứu độ đã hoàn thành và dứt khoát — cái “hôm nay” ấy ám chỉ thời gian của Giáo Hội. Sự thánh thiện và sứ vụ của Đức Kitô, như được diễn tả bằng những lời sau đây : “Thần Khí Chúa... đã xức dầu thánh hiến tôi, để tôi mang Tin Mừng đến cho người nghèo”, chính là nguồn cội sống động từ đó nảy mầm sự hiến thánh và sứ vụ của Giáo Hội, “sự viên mãn” của Đức Kitô (x. Ep 1,23); được tái sinh nhờ bí tích Rửa tội, hết mọi Kitô hữu đã lãnh nhận sự tuôn đổ Thần Khí Chúa, Đấng thánh hiến họ để tạo thành một đền thờ thiêng liêng và một hàng tư tế thánh thiện. Thần Khí sai họ đi công bố những kỳ công đã được thực hiện do Đấng đã kêu gọi họ từ bóng đêm sang ánh sáng diệu vợi của Ngài (x. 1 Pr 2,4-10). *Linh mục thông phần vào sự thánh hiến và vào sứ vụ của Đức Kitô bằng một thể thức loại biệt và chính hiệu*, nghĩa là bằng bí tích Truyền Chức Thánh là bí tích đã biến đổi linh mục, ngay trong chính hữu thể của mình, nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô Đầu và Mục Tử; linh mục tham dự vào sứ vụ “loan báo Tin Mừng cho người nghèo” nhân danh Chúa Kitô và thay mặt Chúa Kitô.

Trong sứ điệp chung kết, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã cô đọng trong một công thức vắn gọn nhưng giàu ý nghĩa tất cả những gì là “sự thật” hay đúng hơn “mầu nhiệm” và “ơn huệ”

của chức linh mục thừa tác được phát biểu như sau: “Nguồn cội tốt cùng của căn tính chúng ta ở trong tình yêu của Chúa Cha. Hiểu theo nghĩa bí tích, chúng ta được kết hợp làm một với Chúa Con mà Cha đã sai đến, là Thượng Tế và là Mục Tử Nhân Lành, bằng chức tư tế thừa tác trong quyền lực của Chúa Thánh Thần. Đời sống và thừa tác vụ linh mục là sự nối dài đời sống và hoạt động của chính Đức Kitô. Căn tính của chúng ta nằm ở đó, cũng như phẩm giá thực sự của chúng ta, nguồn mạch vui mừng của chúng ta, và niềm tin vững chắc của chúng ta về sự sống” (39).

còn tiếp

chú thích: Lưu ý: những số chú thích nhỏ hơn đã được ghi vào số báo kỳ trước

18) Diễn văn bế mạc của Thượng hội Đồng (27/10/1990), số 4 : 1.c. ; x. Thư gửi các linh mục nhân ngày Thứ Năm Tuần Thánh 1991 (10/3/91): *Osservatore Romano*, 15/3/1991.

19) X. Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, GH; Sắc lệnh về Thừa tác vụ và đời sống linh mục *Optatam totius*, LM; Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo. *Ratio fundamentalis institutionis sacerdotalis* (6/1/1970) : 1.c, tr 321-384; Thượng Hội Đồng Giám Mục, phiên họp khoáng đại thường kỳ II, 1971.

20) *Propositio 7*.

21) CD Vat.II, Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, GH số 5.

22) Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles laici* (30/12/1988), số 8 : AAS 81 (1989), tr.405; X. Thượng Hội Đồng Giám Mục, Phiên họp khoáng đại ngoại thường II, 1985.

23) X. *Propositio 7*.

24) X. Công Đồng Vat, II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis*, LM, số 7-8.

25) X. Công Đồng Vat. II, Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium*, GH, số 1.

26) X. *Propositio 7*.

27) X. Như trên.

28) *Propositio 7*.

29) Thượng Hội Đồng Giám Mục, phiên họp khoáng đại thường kỳ VIII, *Việc đào tạo linh mục trong hoàn cảnh hiện nay – “Instrumentum laboris”*, số 16; x. *Propositio 7*.

30) Kinh Truyền Tin (25/2/1990) : *Osservatore Romano*, 26-27/2/1990.

31) X. Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis*, LM, số 7-9.

32) Như trên số 8; x. *Propositio 7*.

33) X. Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis*, LM số 9.

34) Công Đồng Vat. II, Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium*, GH, số 10.

35) X. *Propositio 7*.

36) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis*, LM, số 10.

37) Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius*, ĐT, số 20.

38) X. *Propositio 12*.

39) Sứ điệp của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng gửi Dân Chúa (28/10/1990), III : 1.c.

VỀ MỤC LỤC

THƯ CHỊ THÁNH TÊRÊXA VIẾT CHO NGƯỜI ANH EM LINH MỤC

Năm thánh linh mục đang dần dần kết thúc để đẩy các linh mục của Chúa vững bước hành trình trên nẻo đường hy vọng. Chông gai thử thách không thiếu nhưng lời cầu nguyện thiết tha của Dân Chúa vẫn luôn bám sát bước chân từng linh mục. Hơn nữa, còn có lời cầu nguyện của chính Chúa Giêsu đã khởi sự từ giữa đêm cực thánh và tình yêu ấp ủ của Ngài từ muôn thuở cho đến muôn đời. Rồi một cách thân thương gần gũi, còn có lời cầu nguyện của Mẹ Maria và biết bao vị thánh khác.

Cách riêng, giữa những nhiễu nhương của thời cuộc và giữa những giây phút cam go nhất trên bước đường thiêng liêng của Hội Thánh Việt Nam, từ trời cao, có một thụ tạo bé nhỏ của Thiên Chúa vẫn không ngớt mưa hoa hồng trên mảnh đất và dân tộc mà Chị vẫn hằng giấu kín trong lòng.

Xin trân trọng giới thiệu với quý độc giả, cách riêng là anh em linh mục, 6 lá thư của Chị thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu viết cho Cha Roulland và 11 lá thư cho một thầy đại chủng sinh, người mà sau khi Chị Thánh qua đời mới được thụ phong linh mục: Cha Bellière. Những thư này được trích từ sưu tập “Những cánh thư một cuộc đời” do Nôbertô Thái Văn Hiến dịch. Bộ sưu tập cống hiến cho ta một sự kiện hiếm thấy, dường như có một không hai: Hầu như toàn bộ những lá thư của Têrêxa viết ra từ thuở tằm bé đến cuối đời đều được người nhận giữ lại và sau khi tác giả qua đời, đã được gom lại (Ấy là chưa kể cả những thư Têrêxa đã nhận cũng được bảo tồn đến nay). Đó là những lá thư viết cho người thân trong gia đình và gia tộc, cho nữ tu, chủng sinh, linh mục, cho người sắp kết bạn và cả các phụ huynh.

Chúng tôi ước mơ có được một bản dịch chính xác và dễ đọc ***toàn bộ tác phẩm của Thánh Nữ Têrêxa Hải Đồng Giêsu*** và đã nhờ ông Thái Văn Hiến thực hiện, với định hướng là luôn trung thành hết mực với nội dung các Thư, và không hề có ý định vận dụng đến phương pháp tu từ để trau chuốt lại, e rằng sẽ xa lệch những tâm tư tình cảm chân chất bình dị của Chị Thánh Nhỏ nhưng hết sức tằm cỡ của Hội Thánh.

Đến nay đã xong phần sưu tập các thư, sưu tập các bài thơ, các vở kịch. Phần sưu tập “Những lời cuối hết” mới được một nửa. Còn lại một số ghi chú nhỏ của Chị Thánh và tác phẩm chính của chị là các Thủ Bản A, B và C. Tác phẩm chính này đã có ấn bản Việt ngữ tựa đề “Thủ Bản Tự Thuật” nhưng chúng tôi ước mong thực hiện lại do cùng một dịch giả với các phần khác và theo sát những nghiên cứu mới và có đầy đủ chú thích như trong ấn bản phê bình được phát hành dịp kỷ niệm 100 năm Chị Thánh qua đời (1897-1997). Tuy nhiên công việc gần như không được tiếp tục một cách suôn sẻ từ hai năm nay, do sức khoẻ của người dịch có nhiều hạn chế (vì chứng bệnh vảy nến).

Chúng tôi thành tâm kính xin quý độc giả yêu thích Chị Thánh Têrêxa góp lời cầu nguyện cho chúng tôi đủ sức tiếp tục hoàn thành công việc như lòng mong ước. Chân thành cảm tạ.

Dưới đây là phần giới thiệu gồm hai lá thư đầu tiên Chị Thánh gửi cha Rolland. Phần dẫn nhập vào bộ sưu tập các lá thư sẽ được giới thiệu trong bản tin tiếp theo.

Lm Trăng Thập Tự Võ Tá Khánh

Thư 189: Gửi Cha Adolphe Roulland

G.M.G.T

23 tháng 6 năm 1896

Cát Minh Lisieux

Giêsu U

Thưa Cha kính mến,

Con đã nghĩ là sẽ làm đẹp lòng Mẹ Nhân Lành khi nhân ngày lễ của Mẹ, 21 tháng 6, dành

tặng Mẹ một bộ khăn thánh và một tấm đậy chén thánh để Mẹ vui lòng gửi cho Cha nhân ngày 29^[1]. Chính là qua Mẹ Đáng Kính mà con sung sướng một cách sâu sắc được kết hiệp với Cha bằng những mối dây liên kết tông đồ bằng lời cầu nguyện và việc hy sinh hãm mình, con cũng khẩn nài Cha, thưa Cha Đáng kính, khi bước lên Bàn Thánh hãy giúp con trả món nợ biết ơn của con đối với Mẹ Đáng Kính.

Con cảm thấy mình không xứng được kết hợp cách đặc biệt với một trong những Nhà Truyền Giáo của Giêsu Đáng Tôn Thờ của chúng ta, nhưng vì đức vâng phục trao phó cho con hai bốn phận^[2] ấy, con đoán chắc là Đức Phu quân thần linh của con sẽ bổ sung cho những công trạng yếu hèn của con (mà con chẳng hề ỷ lại vào đó) và Ngài sẽ chuẩn nhận những ước ao của linh hồn con bằng cách làm cho công việc tông đồ của Cha được nhiều hoa trái. Con sẽ thực sự hạnh phúc khi được cùng làm việc với Cha vì phần rỗi các linh hồn; chính là vì mục đích đó mà con đã chọn cho mình con đường trở thành nữ tu Cát Minh; không thể truyền giáo bằng hoạt động, con đã muốn làm việc đó bằng tình yêu và việc đền tội như Thánh Têrêxa người Mẹ như thiên thần của chúng con... Con xin cùng Cha, thưa Cha Đáng Kính, hãy cầu cùng Giêsu cho con, chớ chi Ngài đoái thương trong lần đầu tiên từ Trời bước xuống qua tiếng Cha kêu cầu, Cha hãy cầu xin Ngài thiêu đốt con bằng ngọn lửa Tình Yêu của Ngài để sau đó con có thể giúp Cha thắp sáng ngọn lửa ấy trong các linh hồn ...^[3] (Lc 12, 49)

Đã từ lâu, con ước ao được quen biết một Tông Đồ sẵn lòng nêu tên con ra trên Bàn Thánh trong ngày Lễ mở tay của vị ấy ... Con mong ước được tự tay chuẩn bị khăn áo thánh và bánh lễ trắng tinh được dùng để che kín Vua Trời Đất... Thiên Chúa đầy Lòng Nhân Hậu ấy rất muốn thực hiện giấc mơ của con và càng lúc càng chỉ cho con biết rõ Ngài vui lòng làm mãn nguyện những ước ao của các linh hồn chỉ yêu một mình Ngài.

Nếu không sợ mình thiếu kín đáo, hẳn là, thưa Cha Đáng Kính, con còn xin Cha thêm một điều nữa, đó là mỗi ngày trên Bàn Thánh hãy nhớ [vô] đến con... Khi nào đại dương ngăn cách Cha với nước Pháp, thì mỗi lần nhìn vào tấm đậy chén thánh mà con đã tự tay vẽ lên đó với lòng đầy sung sướng, Cha sẽ nhớ lại (Xh 17, 8-13) trên núi Cát Minh đang có một linh hồn không ngừng cầu nguyện với Thiên Chúa Tù Nhân Tình Yêu, để công cuộc chinh phục vinh hiển của Cha gặt hái nhiều thành công.

Thưa Cha Đáng Kính, con ước sao sự kết hiệp tông đồ của chúng ta không chỉ có một mình Giêsu biết^[4], và con sẽ xin một trong những phép lành đầu tiên của Cha để dành cho người nào lấy làm hạnh phúc nhắc lại mãi mãi cho mình.

Người Em hèn mọn bất xứng trong Giêsu-Thánh-Thể

Têrêxa Hải Đồng Giêsu Thánh Nhan.

Rel. carm.ind

Thư 193: Gửi Cha Roulland

G.M.G.T

Dòng Cát Minh Lisieux

Giêsu U Ngày 30 tháng 7 năm 1896

Thăm người Anh Em kính mến,

Cha cho phép con, không gọi Cha bằng tên gọi nào khác, bởi Giêsu đã đoái thương hiệp nhất chúng ta bằng những mối dây liên kết tông đồ, phải không thưa Cha?

Với con thật là ngọt ngào khi nghĩ rằng từ muôn đời Chúa chúng ta đã làm nên sự hiệp nhất này để sẽ cứu các linh hồn cho Ngài và đã tạo dựng nên con để làm người chị em gái với Cha...

Hôm qua, chúng con đã nhận được thư Cha; Mẹ Nhân Lành đáng kính đã hân hoan vui

mừng đưa Cha vào trong khu nội cấm. Mẹ cho phép con giữ lại bức ảnh của người anh em^[5] con, đó quả là một ưu đãi *hết sức đặc biệt*, một nữ tu kín ngay cả đến chân dung của những người thân thiết nhất cũng không được giữ nữa là, thế nhưng Mẹ Đấng Kính biết rất rõ là ảnh của Cha, còn xa mới làm con nghĩ đến chuyện thế gian và những tình cảm thế tục, sẽ nâng tâm hồn con lên tận những xứ sở cao cả hơn, làm cho tâm hồn con quên đi chính nó vì vinh quang Thiên Chúa và phần rỗi các linh hồn. Vì vậy, người Anh Em quý mến ơi, trong khi con băng qua biển cả có sự đồng hành của Cha, thì Cha vẫn gần gũi bên con, hết sức lặng lẽ trong căn buồng nghèo khổ của chúng con...

Tất cả những gì đang bao quanh con đây đều nhắc con nhớ đến kỷ niệm về Cha, con đã nhìn chăm chú vào tấm bản đồ của thành phố Tứ Xuyên trên tường phòng thánh nơi con đang làm việc, và bức ảnh Cha đã tặng con^[6] vẫn luôn áp vào lòng con trong quyển Tin Mừng mà con chẳng bao giờ rời xa. Khi ngăn bức ảnh ấy vào giữa những trang sách, tình cờ nó nằm vào đúng đoạn Tin Mừng sau đây: "Phàm ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái hay ruộng đất, vì danh Thầy, thì sẽ được gấp bội và còn được sự sống vĩnh cửu làm gia nghiệp" (Mt 19,29). Những lời ấy của Giêsu đã được [1v^o] thực hiện nơi Cha vì Cha nói với con rằng: "Cha ra đi lòng đầy sung sướng". Con hiểu niềm vui đó hoàn toàn thiêng liêng; Thật không thể rời xa cha mẹ và tổ quốc của mình, mà không cảm thấy nỗi đau xé lòng do phải chịu xa cách... Ôi người Anh Em yêu quý của con ơi! con chịu đau khổ cùng Cha, con cùng dâng với Cha hy lễ cao quý và con khẩn nài Giêsu đổ tràn muôn ơn an ủi xuống cho Song Thân yêu dấu của Cha, đang chờ đợi sự kết hiệp trên Trời nơi mà chúng ta sẽ gặp lại các ngài vui hưởng vinh quang của Cha mà, trong khi lau sạch mọi nước mắt cho các ngài, sẽ làm cho các ngài tràn trề niềm vui sướng hân hoan trong cõi diễm phúc muôn đời.

Tối nay, trong giờ nguyện ngắm, con đã suy niệm một số đoạn trong sách Isaia mà với con có vẻ như hết sức phù hợp với Cha đến nỗi con không ngăn được mình chép lại mà gửi đến Cha.

"Hãy nói rộng lều người đang ở... vì người sẽ tràn ra hai bên tả hữu, dòng dõi người sẽ thừa kế các dân tộc và đến ở trong các thành bỏ hoang... (Is. 54,2-3) Đưa mắt nhìn tứ phía mà xem, tất cả đều tập hợp, kéo đến với người: con trai người từ phương xa tới, con gái người được ẵm bên hông. Trước cảnh đó, mặt mày người rạng rỡ, lòng người rạo rực, vui như mở cờ, vì nguồn giàu sang sẽ đổ về từ biển cả, của cải muôn dân nước sẽ tràn đến với người."(Is. 60,4-5)

Đó chẳng phải là lời hứa ban cho gấp trăm sao? và chẳng phải đến lượt Cha cũng reo lên: "Thần Khí của Đức Chúa là Chúa Thượng ngự trên tôi, vì ĐỨC CHÚA đã xúc dầu tấn phong tôi, sai đi báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn, băng bó những tấm lòng tan nát, công bố lệnh ân xá cho kẻ bị giam cầm ...và an ủi mọi kẻ khóc than (Is. 61,1-2). Tôi mừng rỡ muôn phần nhờ ĐỨC CHÚA, nhờ Thiên Chúa tôi thờ, tôi hớn hờ biết bao! Vì Ngài mặc cho tôi hồng ân cứu độ, choàng cho tôi đức chính trực công minh... Như đất đai làm đâm chồi nảy lộc, như vườn tược cho nảy hạt sinh mầm, ĐỨC CHÚA là Chúa Thượng cũng sẽ làm trổ hoa công chính, làm trổ vang lời ca ngợi trước mặt muôn dân. (Is. 61, 10-11)... Dân của tôi gồm toàn những người công chính... họ sẽ là mầm non trong vườn cây của tôi... (Is. 61, 21) ... Tôi sẽ đến những hải đảo xa xăm chưa hề được nghe nói đến Chúa và chưa hề thấy vinh quang của Chúa. Tôi sẽ loan báo vinh quang của Chúa giữa các dân tộc và sẽ dâng họ làm lễ phẩm tiến dâng ĐỨC CHÚA của tôi." (x. Is.66,19-20).

Nếu chép hết những đoạn Thánh Kinh làm con xúc động nhất, thì con sẽ phải tốn rất nhiều thời gian. Con dừng ở đây, nhưng trước hết con vẫn còn một điều muốn xin Cha. Khi nào có giờ rỗi, xin Cha vui lòng viết cho con về những ngày kỷ niệm đặc biệt trong cuộc đời Cha, nhờ đó mà con sẽ có thể kết hiệp cách đặc biệt với Cha để cảm tạ Chúa Nhân Lành về những hồng ân mà Ngài đã ban cho Cha.

Tạm biệt, người Anh Em kính mến ... khoảng cách không gian sẽ chẳng bao giờ có thể chia cách tâm hồn chúng ta, ngay đến sự chết cũng sẽ làm cho sự kết hiệp của chúng ta càng mật thiết hơn. Nếu con sớm được về Thiên Đàng, con sẽ xin phép Giêsu cho con được đến viếng thăm Cha ở Tứ Xuyên và chúng ta sẽ cùng nhau tiếp tục công cuộc tông đồ của mình. Trong khi chờ đợi, con sẽ luôn kết hiệp với Cha qua lời cầu nguyện và con xin Chúa đừng bao giờ để con vui sướng mà Cha lại phải đau khổ. Thậm chí con còn muốn người Anh Em của con luôn được nhiều an ủi còn con thì được chịu thêm nhiều thử thách, như vậy có

ích kỷ lắm không nhỉ?... Không đâu, bởi *khí giới* duy nhất của con chính là tình yêu và sự đau khổ còn lười gươm sắc của Cha là lời Thiên Chúa^[7] và những công việc tông đồ. (Êp. 6,17)

Một lần nữa, người Anh Em kính mến ơi, hẹn gặp nhau trong Chúa, xin hãy chúc lành cho người mà Giêsu đã ban cho Cha làm người chị em gái với Cha,

Têrêxa Hải Đồng Giêsu Thánh Nhan, Rel. carm. ind.

[1] Ngày lễ mở tay của Cha Roulland, chịu chức ngày hôm trước (28/6).

[2] Xem Thủ bản C, 33v^o, 32r^o và CJ (*Sổ tay vàng*) 8, 7, 16

[3] Xem Thư 17, 10; 24, 17; 35, 5; 47, 5; Kịch 4, 4v^o.

[4] Mẹ Marie de Gonzague đã hỏi Têrêxa về sự kín đáo của việc trao đổi thư từ này. Cha Roulland thuộc cộng đoàn "Đức Mẹ truyền giáo" (xem Thư 221).

[5] Têrêxa sẽ cất giữ tấm hình ấy trong bàn viết của Chị (xem TTTQ tr. 877...)

[6] Anh kỷ niệm ngày thụ phong của Cha Roulland.

[7] Trích từ Luật Dòng Cát Minh.

Lm. TTT. Võ Tá Khánh

VỀ MỤC LỤC

"NĂM THÁNH LINH MỤC" ĐI TÌM CĂN TÍNH THẬT CỦA LINH MỤC (PHẦN II)

PHẦN II: Suy Luận Thần Học về Tương Quan giữa Chúa Cứu Thế và các Chức Tư Tế trong Hội Thánh

L.M.ĐƯỜNG THI

PHẦN I, đã mô tả "*hiện tượng Linh Mục*", qua các hoạt động cụ thể, qua các tiếp xúc thường nhật..đã minh chứng và bộc lộ "CĂN TÍNH THẬT của Linh Mục là: Nhờ những mối *TƯƠNG QUAN* với Cộng Đồng Dân Chúa, nhất là nhờ *Bí Tích Thánh Thể* và *Lời Giảng Thuyết*, đã giúp Linh Mục nên Trọn Lành, nên Thánh. (đã đăng trong số báo GSVN 117, hoặc có thể đọc trực tiếp tại: <http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=27&ia=7414>

PHẦN II: sẽ suy luận về Thần Học, Giáo Lý về mối **LIÊN HỆ** giữa **CHÚA CỨU THỂ, VỊ Thượng Tế Duy Nhất**, và các Chức Tư tế khác như; các Thánh Tông Đồ, các Giám Mục, kể vị các Thánh Tông Đồ, các vị Trưởng Thượng(các Linh Mục) và Chức Tư tế Cộng Đồng(**CHUNG**) của mọi Tín Hữu đã lãnh Phép Bí Tích Rửa Tội.

Như mọi người chúng ta vẫn cảm nghiệm thấy: cuộc khủng hoảng về Ôn Thiên Triệu của các bậc tu trì Nam-Nữ hiện nay trong Hội Thánh, các vụ "lạm dụng tính dục trẻ em", như vừa bùng nổ tại Ái Nhĩ Lan...và trên thế giới...đều liên can đến bản tính hay **Căn Tính của vị Tu sĩ độc thân**.

-Những cuộc khủng hoảng về chức năng và hoạt động Mục vụ của vị Chủ chăn trong vai trò bảo vệ Đoàn chiên: **Lên TIẾNG phản đối hay IM LẶNG trước các bất công xã hội..** tất cả đều trực tiếp hay gián tiếp liên hệ đến CĂN TÍNH, nghĩa là đến lí do tồn tại của Vị Giám mục hay Linh Mục, trong Cộng Đồng DÂN CHÚA,và Dân Tộc.

Những câu vấn nạn luôn nêu lên một cách khẩn thiết: Giám Mục, Linh Mục là **AI?** Đóng Vai Trò gì trong Cộng Đồng DÂN CHÚA, và Dân Tộc? Các Vị có Tương Quan Liên Hệ gì với Chúa Cứu Thế, Vị THƯỢNG TẾ DUY NHẤT? Các Hội Đồng Giám Mục của mỗi Nước liên hệ gì với Roma? Mỗi Địa Phận có Tương Quan gì với Hội Đồng Giám Mục của Một Quốc Gia? Đạo và Đời, hai thể giới hoàn toàn tách biệt: một bên, lo phần rỗi để lên "Thiên Đàng", bỏ qua, thờ ơ trước các bất công xã hội; còn bên kia, chỉ lo phần vật chất, bất chấp Luân Thường Đạo Lý, miễn sao có tiền? Việc LÊN TIẾNG hay IM LẶNG, trong tình trạng nguy ngập của Quốc gia, có phải chỉ vấn đề "nội bộ" của một tôn giáo, hay còn liên hệ đến Vận Mạng của một Dân Tộc? Đạo Thiên Chúa sẽ trả lời với Lịch Sử Dân Tộc như thế nào, nếu chúng ta không tích cực chống các Bất Công Xã Hội?

HĐGM Hoa kỳ, phản đối "Dự Luật Bảo Hiểm Y Tế", trong đó, được dùng tiền của "Liên Bang" để trợ cấp phá thai, ủng hộ phá thai ở ngoại quốc.. Vì phản đối mãnh liệt, nên "Dự Án Y Tế", muốn được thông qua cần phải sửa đổi.. Hành động, LÊN TIẾNG phản đối công khai, biểu tình, đòi buộc sửa đổi.. như vậy, có phải là "LÀM CHÍNH TRỊ không? Vậy tại sao phản kháng việc tham nhũng, buôn phụ nữ, chiếm đất của dân, của Nhà Thờ.., lại cho là "làm chính trị", không dám lên tiếng?

Không thể kể hết những âu lo, khắc khoải thắc mắc của Cộng đồng Dân Chúa và của Quốc gia Dân tộc, trong thời điểm này, đòi buộc các vị hữu trách đào sâu, hiểu biết, "Căn Tính Thật", và Phần Vụ của mình để bênh vực CHÂN LÝ.

Qua các cuộc xáo trộn xảy ra trong Hội Thánh, từ xưa tới nay, ta có thể qui nạp và rút ra một nguyên lý phổ quát cho các cuộc khủng hoảng như sau:

Khi một phần tử trong Hội Thánh, tức Thân Mình Mẫu Nhiệm Chúa Kytô, hành động riêng rẽ, không HIỆP THÔNG với Vị Thủ Lãnh, là Thượng Tế Duy Nhất, và các Chi Thể trong Nhiệm Thể, thì sẽ gây tổn thương cho tất cả toàn THÂN.

Nói một cách dễ hiểu, theo cách diễn tả mộc mạc, nhưng bóng bẩy của Ca dao tục ngữ Dân Việt:

" một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ "

"bầu ơi, thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn "

" anh em như thể tay chân "

Trong phần thảo luận dưới đây, vì là những "suy tư thần học", nghĩa là dùng LÍ TRÍ để tìm hiểu ĐỨC TIN, tức Lời Chúa trong Kinh Thánh, và Giáo Huấn của các Giáo Phụ, của các Thánh Công Đồng.., nên trước hết, nên giải thích và định nghĩa một số danh từ chuyên môn, mà khoa Thần học Thiên Chúa Giáo thường dùng để thảo luận. Nói đến Thần học là bàn đến dòng Lịch sử tiến triển về cùng một CHÂN LÝ được Chúa mặc khải, nhưng theo nhu cầu và thời gian, đã được Giáo Quyền giải thích và áp dụng một cách thích hợp với thời đại, và tâm trí các tín hữu.

Do đó, cần tìm hiểu một số danh từ chuyên môn, như dụng cụ để chuyên chở một số khái niệm thần học trừu tượng.

A.- Một Số Danh Từ chuyên biệt , cần được giải nghĩa:

Ngày nay trong Phụng vụ, Giáo Luật, Giáo Lý., trên toàn quốc chưa được thống nhất về cách dùng những danh từ, nhất là cách Định Nghĩa những danh từ có nội dung chuyên chở những ý niệm riêng biệt trong Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo.. Việt Ngữ là một ngôn ngữ rất phong phú vì gồm những danh từ "Nôm", tức thuần túy Việt Nam, và những danh từ "Hán-Việt", có nguồn gốc từ chữ Hán(dùng chung cho Trung Quốc, Việt nam, Nhật, Hàn Quốc)

LINH MỤC. danh từ này dùng để chỉ các tu sĩ nam đã lãnh Phép Truyền Chức; để chỉ các vị làm Cha Xứ, Cha Sở, cha Phó.. coi các Giáo Xứ . Nhưng khi chiết tự, ta thấy: LINH= thiêng liêng, phần linh hồn; MỤC= mục đồng, người chăn dắt đoàn chiên, đoàn trâu bò.. Danh từ Linh Mục, gần nghĩa với từ "PASTOR" trong tiếng Anh, Đức, Pháp(Pasteur); danh từ này không gợi ý niệm về chức năng "TẾ TỰ", TÊ LỄ"(sacrificial).., nhưng diễn tả nhiều hơn về khía cạnh "mục vụ"(pastoral). Danh từ "Cha"(Father, Père)thường để xưng hô với Linh Mục, người

Trung Hoa dùng danh xưng "*Thần Phụ*" (Cha phần thiêng liêng)

TƯ TẾ: danh từ này cũng thông dụng trong Phụng Vụ, gần nghĩa với danh từ "**Priest**". (Anh), hay "*Prêtre*" (Pháp). Từ "*Tư Tế*" gợi lên ý niệm về Tế Lễ, là đặc điểm dành riêng cho các tu sĩ được Truyền Chức Thánh, làm Thừa Tác Vụ (ministerial Priesthood)

Trong Thần học, phân biệt hai chức Tư Tế: "*Chức Tư Tế Thừa tác*" (ministerial Priesthood), đứng đầu là *Hàng* (order) Giám Mục, vì được hưởng đầy đủ chức năng của *Hàng Tư tế*, kế vị các Thánh Tông đồ. Còn *Hàng* (order) Linh Mục, được truyền chức Tư Tế như "*cộng sự viên*" (cooperatores, coworkers) của các Giám Mục.

Ngoài chức Tư tế Thừa tác, còn *Chức Tư tế Cộng Đồng* (Common Priesthood) chung cho mọi Tín Hữu đã chịu Phép Rửa tội, như Công Đồng Vaticano II dạy, như sau:

Hiển Chế "LUMEN GENTIUM": Mọi tín hữu đã chịu Phép Rửa Tội, được tái sinh, và được Chúa Thánh Thần Xức Dầu Thánh, đều được thánh hiến để trở nên đền thánh thiêng liêng và chức Tư Tế thánh thiện (holy Priesthood)

Thư của Thánh Phêrô cũng viết: (1 Pet 2:9) "Toàn thể Hội Thánh là một dòng tộc tuyển chọn, một tư tế vương giả" (a royal priesthood)

TRƯỞNG LÃO (TRƯỞNG THƯỢNG), danh từ này, chưa quen dùng trong Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam (nhưng không xa lạ trong văn chương, sách báo, tiểu thuyết). Danh từ này, dùng để dịch từ "*PRESBYTER*", vì trong Công Đồng Vaticano II, các nghị phụ dùng danh xưng này (đã có từ lâu) để thay cho dùng danh từ "*Priests*". Vì thời xưa, hội đồng các Trưởng Lão (council of elders), giúp các vị Giám Mục cai quản Hội Thánh.

GIÁM MỤC: danh từ này dịch chữ "*episkopos*", "*episcopus*", nghĩa là :Giám đốc, quán xuyến, trông coi các việc mục vụ (hay trông coi các mục tử, linh mục)

(**Chú ý:** từ "mục" không phải là " mắt", nhưng "mục" là "*chăn dắt*", xin coi: "Sách Truyện ông Thánh Phanchico Xavie, chữ "**Giám Mục**" Phêrô Maria Đông truyền tử, viết bằng chữ Nôm)

TRUYỀN CHỨC: danh từ này dịch chữ "*ORDINATION*", (ordained) gồm từ "**order**", là *thứ tự, bậc, hàng, chức, phẩm trật*. Danh xưng này dùng để chỉ hành vi sáp nhập một tín hữu vào "*Hàng, vào Bậc*" hay vào một "**CHỨC**" như: Giám Mục, Linh Mục, Phó tế.

(tương tự như chữ "*graduation*", lễ ra trường của các khoá sinh cấp B.A, B.S hay M.A, hay Doctorate)

Hội Thánh là một "*Cộng Đồng trật tự, lớp lang*" (an ordered community). Như trong Thư của Thánh Phao Lô Tông Đồ viết: (1 Cor 14:40; 1Cor 12:28-30):

Hội Thánh là Thân Thể Mẫu Nhiệm của Chúa Kitô, mỗi chi thể lĩnh nhận một công việc, phận vụ khác nhau: kẻ làm tông đồ, người là tiên tri, người giảng dạy; người làm phép lạ, người chữa bệnh, người lãnh đạo, người tài giỏi về ngôn ngữ... Trong Hội Thánh có nhiều Ôn Gọi, nhiều chức bậc, và mỗi bậc phải biết chức vị và phận sự của mình để chu toàn, sinh ích lợi cho toàn thể Cộng Đồng.

B- Những Tài Liệu của Hội Thánh về Chức Tư Tế

Tài liệu quan trọng nhất trong Sách Thánh Mạc Khải về Chức Tư Tế là :

a/- Thư của Thánh Phao Lô Tông Đồ gửi Tín Hữu Do Thái. Trong Thư này, Thánh Phao Lô dạy:

CHÚA GIÊSU là VỊ THƯỢNG TẾ (Heb:4:14-5:10) (Xin tóm lược như sau:)

Chúa Giêsu, ngự bên hữu Đức Chúa Cha, và Chúa thi hành Chức Tư Tế do Chúa Cha ban cho; Chúa Giêsu, là Đấng vô tội, nhưng thông cảm với những nỗi yếu hèn của chúng ta; Chúa nhận Sứ Mệnh nơi Chúa Cha; Vì là **THƯỢNG TẾ**, Chúa dâng của Lễ Đền Tội cho Dân Chúa, dâng chính MÌNH như Lễ vật HY SINH; Chúa Vâng Phục Chúa Cha để chịu Đau Khổ; chính sự Đau Khổ của Chúa là nguồn mạch sinh Ôn Cứu Chuộc, thanh tẩy, tha tội, thánh hóa

và hoàn thiện nhân loại.; Chúa Giêsu là Vị Thượng Tế được tuyển chọn bởi Đức Chúa Cha để đi Tiên Phong, làm TRUNG GIAN của Giao Ước mới;

nói tóm lại: Chức Tư Tế của Chúa Giêsu vừa hoàn bị , trỗi vượt lên trên và bãi bỏ việc thờ tự của Cựu Ước.

Hình Ảnh của Melchizedek

"Con là Vị Thượng Tế, theo Phẩm Hàm Melchizedek"(coi: Ps 110::;Heb 5:6, 10; 6:20; 7:17,21)

Chức Vị Tư Tế của Chúa Giêsu, không theo gia truyền như trong bộ lạc Lêvi, thời Đạo Cựu, nhưng được truy tầm về dòng dõi huyền bí của vị Tư tế Melchizedek, như Thánh Vịnh tiên đoán: Psalm:110). Vậy, chức vị của Vị Thượng Tế này có những đặc điểm gì, để ám chỉ về Chúa Cứu Thế?

Nguồn gốc Chức Tư Tế của Chúa Giêsu, trực tiếp do Thiên Chúa, không theo huyết thống loài người như trong Đạo Do Thái; Chúa Giêsu đóng vai trò Tư Tế cho toàn thể Nhân Loại; Chúa dâng Mình làm Lễ Vật và vẫn tiếp tục làm Đấng Trung Gian cầu bầu cho chúng ta trước Toà Chúa(Heb,7:25); Chúa Giêsu vừa là vị Chủ Tế Lễ, vừa là Lễ Vật Hy Tế.

(Chú ý: trong Thư gửi Do Thái, Thánh Phao Lô nhấn mạnh, Chức Vị của Chúa Giêsu là Vị Thượng Tế và là Con Đức Chúa Trời. Thánh nhân đề cập đến chức vụ Hiến Tế(munus liturgicum) của Chúa , nhưng không diễn giảng về chức vụ Giảng dạy(munus docendi) và chức vụ Quản trị(munus regendi)

Điều quan trọng nhất mà Thánh Phao lô muốn nhấn mạnh trong Thư Do Thái là: **căn tính** của Vị Thượng Tế chính là Đấng **TRUNG GIAN** giữa Thiên Chúa và nhân loại, giữa thiêng liêng và thế tục, do đó, đòi buộc vị Tư Tế phải sống Thánh Thiên, sống riêng ra để hoàn toàn Phục Vụ và thi hành những tác vụ về Bí tích, Thờ tự, Hiến tế.

Trong Đạo Cựu, cần nhiều vị Tư Tế, nối tiếp nhau để dâng Lễ Vật. Nhưng từ nay, Chúa Giêsu, Vị Thượng Tế Độc Nhất, chỉ cần Một Mình Chúa, cũng đã đủ để chu toàn Chức Vụ Tư Tế, một cách hoàn hảo rồi, không cần nhiều vị Tư tế nữa.

Chức Vị TƯ TẾ của Chúa Giêsu là **ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ**, không thể sao chép lại(copied) được, luôn là vĩnh cửu, thường hằng(permanent), và liên hệ vào Nhân Vị của Chúa Giêsu(uniquely tied to the person of Christ)

Một vấn nạn về Thần học được đặt ra: Chức Tư Tế của Chúa Giêsu là "Độc Nhất Vô Nhị", vậy tại sao, lại cũng dùng danh từ như: Thầy cả, Tư tế, áp dụng cho các chức vụ tư tế của các Tông Đồ, các Giám Mục, Linh Mục?

Theo cách giải thích của Thần Học Công Giáo, từ Thánh Thomas Aquinô cho đến ngày nay, thì chỉ Chúa Giêsu là Vị Thượng Tế Độc Nhất, còn các Tông Đồ, các Giám mục(Kể vị các Thánh tông Đồ), và các Linh Mục,(là Cộng sự viên của các Giám mục), chỉ được **"tham dự một cách Loại suy"**(analogous participation) vào Chức Thượng Tế của Chúa Giêsu. Các danh xưng dùng trong Thư Gửi Do Thái liên quan mật thiết với căn tính của Chúa Giêsu là Vị Thượng Tế, cũng chỉ có ý nghĩa "Loại suy, Tương tự" khi áp dụng vào Chức Tư Tế Thừa Tắc(ministerial priesthood, presbyterate)

(Chú ý: Phương thức"ANALOGIA", dịch là: Tương tự, Loại suy, Loại tỳ. Muốn tìm hiểu Phương Thức :Loại Tỳ, Thần Học Phủ định..Xin đọc thêm Sách: "Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo"(Đường Thi), trang 34- 51)

b/-Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống các Linh Mục(PRESBYTERORUM ORDINIS)

Sắc Lệnh đã trích dẫn mười một lần những đoạn văn trong Thư gửi người Do Thái, dùng gương mẫu của Chúa Giêsu, Vị Thượng Tế để áp dụng vào Chức Tư tế Thừa tác:

Các Linh Mục sống trên trần gian, nhưng làm trung gian, dâng hiến lễ hy sinh đền tội lên Thiên Chúa; các Ngài được chọn trong Nhân Loại, nhưng luôn giữ tình huynh đệ với mọi người.; *Chức Linh Mục của chúng ta là mô phỏng, bắt chước gương mẫu của Chúa Giêsu*; Giống như Chúa, vị Linh Mục cần luyện tập đức hiếu khách, tử tế hiền hòa và chia sẻ tiền của; Chức Linh Mục luôn để phục vụ cho mọi người và mọi nơi; sự Thánh thiện của Chúa

Giêsu, Vị Thượng Tế, sẽ bổ túc cho sự khiếm khuyết tội lỗi của các Linh Mục; các Linh mục tiến vào cung thánh với lòng thành thực, thực thi Lời Chúa dạy, và chia sẻ sự Khôn Ngoan của Chúa cho mọi người; Linh Mục phải tỏ ra là người có lòng TIN, như Ông Abraham là mẫu mực của Đức Tin.

c/-Tông Thư của ĐGH Gioan Phaolô II: Đào Tạo Linh Mục (PASTORES DABO VOBIS)

Những đặc điểm của Bức Tông Thư, có thể toát lược vào mấy điểm chính sau đây:

Tông Thư nhấn mạnh đến việc đào tạo **NHÂN BẢN**(HUMAN character) của vị mục tử; Tông Thư kêu gọi vị mục tử sống phản ánh "Hình Ảnh Sống Động" của Chúa Giêsu, là Vị Mục Tử Tối Cao của Hội Thánh, trong nếp sống của mình.; những đức tính tốt thuộc NHÂN BẢN, được hòa hợp với những khía cạnh thần linh trong Sứ Mệnh Mục Vụ của Chúa Giêsu, Vị Thượng Tế; vị Mục Tử phải đồng hình đồng dạng (configured) với Chúa KYTÔ, đóng vai trò "Trung Gian", như trong thời Cựu Ước;Ơn Thiên Triệu Linh Mục làƠn gọi mẫu nhiệm của Chúa, cần được đáp lại một cách hoàn toàn tự do. Chúa sẽ giúp chúng ta thêm hoàn thiện, dẫu chúng ta yếu đuối; Chúa Giêsu là LỜI của Thiên Chúa, nên vị mục tử phải được đào luyện cẩn thận để thông truyền sự khôn ngoan của Chúa.

C- Những Suy Luận Thần Học Rút ra từ những Tài Liệu trên:

Qua ba Tài liệu căn bản đã tóm lược ở trên, có thể rút ra những kết luận Thần học như:

1/-Chúa Giêsu là Vị Thượng Tế Ưu Việt. **Chỉ một mình Chúa là Vị Tư Tế chính thực.** Các chức tư tế khác, như giám mục, linh mục chỉ làm thừa tác "**nhân danh vị của Chúa Kytô**" (*in persona Christi*), *in the person of Christ the head of the Church*), vì thực sự, chính Chúa Kytô tác động trong chúng ta (Gal 2:20); chức tư tế cộng đồng (chung) cho các Tín hữu đã lãnh Phép Rửa tội, được tham dự vào "Chức Tư Tế Độc Nhất của Chúa Giêsu.

2/-Chúa Giêsu là Nguồn gốc của Chức Tư Tế, và củaƠn Thiên Triệu. Chúa lãnh nhậnƠn Thiên Triệu từ Chúa Cha, và được Chúa Cha sai Con Chúa xuống trần gian; Chúa Con cũng mời gọi các vị Tư Tế khác, và sai các vị đó đi giảng Tin Mừng.

3/-Chỉ có Chúa Giêsu là Vị Thượng Tế Hoàn Hảo Vô Cùng, còn các vị tư tế khác là loài người "hữu hạn, tương đối", bị giới hạn về nhiều phương diện, nhiều khuyết điểm, cần cố gắng trở nên thánh thiện. Do đó, luôn có sự giằng co, căng thẳng giữa "**Nhân Bản và Thần Thiêng**", (human and divine) nơi các thừa tác viên tư tế,

4/-Một mối liên hệ chặt chẽ giữa đời sống thiêng liêng, kết hợp với Chúa và đời sống mục vụ của các mục tử.

5/-Các mục tử cần noi gương Chúa Giêsu, Vị Thượng Tế, đã chịu đau khổ, và thử thách để hoàn tất việc Cứu Chuộc nhân loại

6/-Một cách tương tự như Chúa Giêsu, các mục tử cần trở nên giống lễ vật "tận hiến, hy sinh" (victim), từ bỏ mình và vâng phục Thánh Ý Chúa Cha, để "**PHỤC VỤ**" tha nhân

7/-Căn Nguyên của Căn tính Tư tế bắt nguồn từ Mẫu Nhiệm "**Một Đức Chúa Trời Ba Ngôi**" (Trinity). Theo "**Pastores Dabo Vobis**" (số 12):

Một vị tư tế (Linh Mục) lãnh Chức Thánh, được Chúa Cha sai đi, nhờ Trung gian của Chúa Con, được "đồng hình đồng dạng" (configured) với Chúa Con, để sống và hành động bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần, và để phục vụ Hội Thánh và sự Cứu Chuộc cho nhân loại. Nhờ đó, căn tính "**LIÊN QUAN, TƯƠNG GIAO**" của vị tư tế được bộc lộ rõ ràng.

8/- Nguồn gốc Chức Tư Tế xuất phát từ "Thiên Chúa Ba Ngôi" (Trinity), ..nên vị Linh Mục, nhờ Bí tích Truyền Chức, được **THÔNG HIỆP** với Giám Mục, với các vị Tư tế (Linh Mục) khác, để phục vụ Dân Chúa và Hội Thánh, và dẫn đưa nhân loại về với Chúa Kytô, như Chúa đã dạy trong "Kinh Lạy Cha"

9/-Danh xưng "**Chúa Kytô thứ hai**" (Alter Christus), được áp dụng cho chức tư tế của các Linh Mục, khi họp Công Đồng Trent, nhưng không còn được thảo luận trong Công đồng Vaticanô II.

Tài liệu "*Pastores Dabo Vobis*" bàn về sự "đồng dạng đồng hình" với Chúa Kytô: "**Chúa Kytô Thứ Hai**" (*Alter Christus*), thì bao gồm tất cả Hội Thánh, mọi Tín hữu đều được tham dự vào Chức Tư Tế của Chúa Giêsu. Chức Tư Tế của các Giám Mục, Linh Mục, (tức Chức Tư Tế Thừa tác), được qui hướng về "chức tư tế cộng đồng, (chung) cho mọi Tín hữu.

10/- Chức Tư Tế của Linh Mục TƯƠNG QUAN mật thiết với Hội Thánh và thế giới.
Đây là mối Liên Hệ "*nội tại*" (immanent", không phải chỉ ghép lại với nhau. Linh Mục liên kết với Chúa Kytô thế nào thì cũng kết hợp chặt chẽ với Hội Thánh như vậy. Cần phải nhấn mạnh đến cơ cấu "**CỘNG THỂ**" (collegial Structure) của Chức Tư Tế của Linh Mục, cần hợp tác với các Giám Mục, hợp nhất với các vị trong Hàng Linh Mục, và kết hợp với Chức Tư Tế Cộng đồng của các Tín hữu đã chịu Phép Rửa Tội, nghĩa là đã được trở nên chi thể trong Nhiệm Thể mà Chúa Kytô là Thủ Lãnh Duy Nhất.

11/- "*Pastores Dabo Vobis*", (đoạn 3), bàn về **Đời Sống Thiêng Liêng** của Chức Tư Tế như:

"NẾU hết mọi tín hữu ở bất cứ Đấng Bậc nào trong xã hội đều được mời gọi để sống trọn lành, nên thánh của người KyTô-hữu, và kiện toàn Đức BÁC ÁI, thì không miễn trừ cho vị lãnh Chức Tư Tế hàng Linh Mục trở nên **THÁNH THIÊN**"

12/- Đức BÁC ÁI Mục Tử (Pastoral Charity) là nguyên lý nội tại của đời sống thiêng liêng của vị Linh Mục. Chính Chúa Giêsu đã dùng hình ảnh "*người Mục Tử Nhân Ái*" (đoạn 21), để biểu lộ tình thương yêu, từ bi, chăm sóc nuôi dưỡng và Hy sinh mạng sống vì đoàn chiên. Chúa ám chỉ tình Chúa thương yêu Hội Thánh, như tình "phụ-thê"

Vị Tư tế Mục Tử không tách biệt ra khỏi Cộng đoàn các Tín hữu (đoạn 22):

"Vị đó luôn là phần tử ở trong Cộng Đồng với các anh chị em chi thể khác các đã được Chúa Thánh Thần kêu gọi" Mặc dầu, vị mục tử được ở vị thế "tiên phong" trong Hội thánh.

Do đó, "**Đức BÁC ÁI Mục Tử**", đòi buộc vị mục tử hoàn toàn tận hiến đời sống, không e dè, vì công ích của Cộng đồng Dân Chúa. Vị Mục Tử luôn tâm niệm, ý thức được: mình là "Chúa Kytô Thứ Hai", sẽ mau mắn thi hành các hoạt động mục vụ mà Hội Thánh chỉ định, đồng thời thúc giục vị ấy nên trọn lành nên thánh

13/- Đời sống của vị Mục Tử cần theo một cách triệt để ba điều Khuyên của Phúc Âm là:

-ĐỨC VÂNG PHỤC: vâng phục Thánh ý Chúa đã sai đi Giảng Đạo; vâng lời Đức Giáo Hoàng, các vị Giám mục. Đây là khía cạnh "*Cộng Thể, Cộng Đồng*", liên hệ tới tình HỢP NHẤT, và Đồng Trách Nhiệm với các vị Mục tử khác.

Vị Mục tử vừa hiến thân, tận tụy hoạt động việc tông đồ, chẳng những cho toàn thể Hội Thánh, nhưng cũng đặc biệt cho Hội Thánh địa phương mà mình đã "*nhập tịch*" (incardination). Các Linh mục "*Dòng*" (religious priests) cũng phải thi hành mục vụ, hợp nhất với Giám mục sở tại, và Cộng đồng địa phương.

-ĐỨC THANH BẦN: nếp sống đơn giản, để hòa mình với giới nghèo trong xã hội, và có tinh thần trách nhiệm quản trị các tài sản của Hội Thánh

-ĐỨC TRINH KHIẾT: được hiểu như sự "đồng hình đồng dạng" với Chúa KyTô, tận hiến đời sống mình trong và với Chúa Kytô cho Hội Thánh, để **PHỤC VỤ** Dân Chúa (đoạn 29)

D./Những Thách Thức đối với các vị Giám Mục, Linh Mục và Giáo Dân

Để TẠM KẾT, xin nêu ra mấy vấn nạn, và mấy khó khăn trong Hội Thánh và trong các Cộng đồng Công Giáo cũng như ngoài Xã Hội, Quốc gia ..đối với Giới Giáo Sĩ và Giáo dân:

1/ " KYTÔ-GIÁO" ("*Thiên Chúa Giáo*"),, từ thời các Thánh Tông Đồ, Hội Thánh luôn sống và hoạt động theo ý định của Chúa Cứu Thế, là một **CỘNG ĐỒNG HIỆP THÔNG**. Tuy Hội Thánh bao gồm nhiều chi thể, giữ các nhiệm vụ khác nhau trong Hội Thánh, nhưng luôn hành động với tinh thần "**Cộng Thể**" (collegiality) và "**Công Giáo**" (catholicity). Vì thế, không đặt ra vấn đề "*giai cấp*", *đẳng cấp*" (classes) như xã hội thế tục.

Như Chúa Cứu Thế đã sống và làm mẫu mực: **"Ta đến không để ĐƯỢC người ta phục vụ, nhưng để *"PHỤC VỤ"* kẻ khác**(Non ministrari, sed ministrare) và các vị Giáo Tông cũng nhận khẩu hiệu: "Đầy tớ của các đầy tớ(Servus Servorum)

2/ Theo dòng Lịch sử trong Hội Thánh Chúa, đã và vẫn còn xuất hiện, óc bè phái, giai cấp cai trị và giai cấp bị trị. Danh xưng "*Chúa Kytô thứ hai*"(Alter Christus) chỉ áp dụng cho chức linh mục, và óc "*giáo sĩ trị*"(clericalism) đã làm sai lạc "**Căn Tính Thật**" của chức Tư Tế. Nhiều linh mục vẫn coi mình như thuộc một *giai cấp đặc ân(privileged class)*, vì được một số giáo dân không hiểu biết, nâng lên hàng "*khánh tướng*", "*vinh qui bái tổ*"...

Vì quen sống "*ÍCH KỈ*", mất tinh thần "*Cộng Thể*", nên một số giáo sĩ mất "*Tính Nhạy Cảm*" trước những bất công xã hội, nghèo khó của Dân Chúa, miễn là mình vẫn bảo vệ được tư lợi của giai cấp.

3/ Trong tình thế khẩn trương, "một mất một còn" của Dân Nước, mọi phần tử trong Hội Thánh Công Giáo đều có bốn phận công dân tham gia việc Quốc gia Xã hội.

Do đó, cần phải thảo luận rộng rãi, xác định vai trò của mọi phần tử trong Hội Thánh: từ HĐGM cấp Quốc gia, các Giám Mục, cấp Địa phận, mọi Linh Mục, mọi Giáo Dân..đối với nền **CÔNG ÍCH, TỰ DO, ĐỘC LẬP, NHÂN PHẨM** của mọi Công Dân. Không nên và không được dùng danh từ, "*LÀM CHÍNH TRỊ*", một cách mập mờ, mà *không xác định ý nghĩa chân chính của nó*, khiến làm nản lòng những ai muốn **Phụng sự Thiên Chúa và Tổ Quốc**.

Lễ Phục Sinh 2010

VỀ MỤC LỤC

ĐẠO ĐỂ LÀM GÌ ?

Chuyện lạ đời chưa từng xảy ra

Hình như cho đến nay, chưa hề có một cuộc lễ nào của Công Giáo, mà Ban Tổ Chức phải ra thông cáo thận trọng dặn dò các tín hữu đi tham dự thánh lễ : "*đừng mang theo những gì không cần thiết*", như trường hợp lễ nhậm chức Phó Tổng Giám Mục Hà Nội của Đức Cha Phê-rô Nguyễn Văn Nhơn ngày 07-05-2010 vừa qua. Nay thì Ban Tổ Chức có thể thở phào nhẹ nhõm, vì đã không có gì đáng tiếc xảy ra. Ta hãy thử xem có thể **học được gì** từ buổi lễ khác thường này.

Chiên chứ không phải cừ

Sở dĩ đã không có gì đáng tiếc xảy ra vì giáo dân Việt Nam vốn có tinh thần kỷ luật rất cao. Ngay cả lúc xảy ra những vụ đầu sôi lửa bỏng như Thái Hà hay Tam Tòa, họ vẫn biết tự chế. Nhưng cái mới, cái lạ là ngày nay giáo dân, tuy là những con chiên, nhưng không còn chấp nhận là những con cừ, ai nói gì cũng nghe, ai bảo sao cũng được. Cứ đọc bao nhiêu bài viết trên mạng trong thời gian vừa qua thì thấy rõ. Những khi cần, và có dịp để bày tỏ ý kiến, giáo dân không còn sợ nữa. Và họ có dư thừa sáng kiến để bày tỏ nguyện vọng của mình, tình cảm của mình. Lễ nhậm chức Giám mục Phát Diệm của Đức Cha Nguyễn Năng đã là một ví dụ. Nay đến lễ nhậm chức Phó Tổng Giám Mục Hà Nội của Đức Cha Nhơn. Trước mặt tiền nhà thờ chính toà Hà Nội, ta thấy một biểu ngữ nền đỏ chữ vàng **Hân hoan chào mừng Đức Tân TGM Phó Phêrô**. Biểu ngữ này chắc chắn là của Ban Tổ Chức. Nhưng tội nghiệp cho cái biểu ngữ đó : nó mới lè loi làm sao, đơn độc làm sao, giữa một rừng biểu ngữ nền vàng chữ đỏ :

- **Tôn vinh Đức Tổng Giám Mục Ngô Quang Kiệt**
- **Chúng con yêu mến Đức Tổng Giu-se**
- **Chúng con đồng hành với Đức Tổng Giu-se**

- **Đức Tổng Ngô Quang Kiệt mới là người chủ chăn đích thực**
- **Đức Cha Giu-se Ngô Quang Kiệt mãi mãi là Tổng Giám Mục của chúng con**
- **Tinh thần Ngô Quang Kiệt bất diệt, v.v...**

Được biết là trước lễ nhậm chức này, đã có một thỉnh nguyện thư với trên 15 000 chữ ký (nếu có thời gian và điều kiện để gom chữ ký, chắc con số này sẽ tăng lên rất nhiều lần). Nội dung thư này là xin Đức Giáo Hoàng đừng chấp nhận đơn xin từ chức của Đức Cha Ngô Quang Kiệt, nhưng tiếp tục giữ ngài lại trong chức vụ Tổng Giám Mục Hà Nội. Nghe đâu có vị quan chức người Việt bên Vatican nghe biết sự việc, đã vội bắn tiếng : *làm như thế là chống đối Toà Thánh !* Đúng là trò nhát con nít, vì bày tỏ nguyện vọng và chống đối là hai việc khác nhau. Và những con người nặng óc giáo sĩ trị, thì chỉ muốn giáo dân mãi mãi là những trẻ vị thành niên, và rất sợ những tín hữu trưởng thành. Nhưng điều đáng ngạc nhiên, mà lại rất đáng mừng, là hôm nay giáo dân, rõ ràng nhất là tại Hà Nội, không chỉ biết vâng lời, nghĩa là tuân lệnh, nhưng còn biết đối thoại, biết bày tỏ ý kiến của mình, biết đề đạt nguyện vọng của mình.

Trên bậc thang quyền bính, thì giám mục, đến linh mục, rồi mới đến giáo dân. Nhưng những gì ta chứng kiến trong cuộc lễ hôm nay cho ta hiểu tại sao Đức Cha Lê Đức Trọng, về cuối đời, lại nhận định : giáo dân hơn linh mục, linh mục hơn giám mục. Giá mà nhận định này cũng là nhận định nếu không phải của mọi giám mục, thì cũng là một số nhiều nhiều, và nhận định đó được đưa ra sớm sớm trước khi gần nhắm mắt, thì phúc cho Giáo Hội biết chừng nào !

Dấu ấn Ngô Quang Kiệt

Câu hỏi đặt ra là do đâu mà Đức Tổng Kiệt lại được giáo dân ngưỡng mộ, kính yêu đến như vậy. Ngài không thuộc hàng khoa bảng, bằng cấp cùng mình, không phải là người có tài hùng biện để thu hút, mê hoặc người nghe. Năm năm làm Tổng Giám Mục Hà Nội là thời gian quá ngắn để đáng được lưu danh bằng cách đặt tên mình cho một công trình kiến trúc như hội trường tại một Trung Tâm Mục Vụ. Thế nhưng cứ nhìn rừng biển ngử được giương cao, nhìn những tấm hình của ngài được các tín hữu ôm trước ngực một cách vừa kính cẩn, vừa triu mến, ta có thể hiểu được dấu ấn Đức Tổng Kiệt để lại trong óc, trong tim người giáo dân Hà Nội sâu đậm đến mức nào. Có lẽ tấm biển ngử "*Tinh thần Ngô Quang Kiệt bất diệt*" đã gói ghém mọi lý do của lòng cảm phục sâu sắc và yêu mến thiết tha mà giáo dân Hà Nội dành cho ngài. Tinh thần Đức Tổng Kiệt được thể hiện qua cách ngài làm mục vụ : không quản ngại đến chia sẻ với người dân khi họ gặp khó khăn thử thách, chẳng hạn lúc xảy ra thiên tai, đến thăm viếng ủi an khi họ bị đập đánh, bị thương tật, mạnh dạn tuyên bố sẵn sàng thay thế cho ai vì nghe lời ngài kêu gọi cầu nguyện mà phải đi tù.

Liều chết vì đoàn chiên

Nhưng có lẽ quan trọng nhất là Đức Tổng Kiệt đã dám đứng về phía người nghèo, người bị lường gạt, bị bóc lột, bị áp bức, để đồng dạc tuyên bố trước bạo quyền : *Tự do tôn giáo là quyền chứ không phải là ân huệ xin-cho*. Tìm ra được một gương mặt quả cảm trong hàng ngũ lãnh đạo hôm nay là chuyện quá hiếm. Ngài không ngoảnh mặt lên trời mà nói sảng, không dừng lại nơi những lý thuyết cao xa, những nguyên tắc trừu tượng. Khi mục tử bất chấp hiểm nguy cho tính mạng, can đảm đứng ra bênh vực đoàn chiên, thì lòng kính trọng và ưu ái được dành cho ngài chẳng có gì khó hiểu. Mục tử không phải là kẻ chăn thuê, chính Đức Giê-su đã từng cảnh báo (Ga 10,12). Đức Tổng Kiệt đã thể hiện lời giáo huấn của Chúa Giê-su : "*Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình*" (Ga 15,13). Nay ngài ra đi, nhưng tinh thần của ngài sẽ tồn tại mãi.

Lời người ra đi

Trong buổi lễ nhậm chức, Đức Tổng Kiệt là người giới thiệu Tân Tổng Giám Mục Phó. Nghe giọng nói đĩnh đạc, đanh thép của Đức Tổng Kiệt, ta không thể nghĩ đó là giọng nói của một người mệt mỏi vì mất ngủ triền miên. Lời giới thiệu của ngài ngắn gọn, nhưng đầy đủ những điều cần nói, và nói rất hay. Một áng văn tuyệt vời ! *Quá nhiều thiệt thòi và quá nhiều đau khổ*, đó là nhận định của ngài về Tổng Giáo Phận Hà Nội. Tuy là gốc Bắc, nhưng ngài sinh trưởng ở miền Nam. Ra làm giám mục Lạng Sơn, rồi về Hà Nội, ngài có điều kiện để so sánh xã hội và nhất là Giáo Hội ở hai miền Nam Bắc. Nếu hỏi : *Quá nhiều thiệt thòi, quá*

nhieu đau khổ do đâu, thì câu trả lời là quá rõ : là vì miền Bắc hơn miền Nam 30 năm xã hội chủ nghĩa (từ 1945 đến 1975). Đứa con trong gia đình chịu thua thiệt thì cha mẹ phải thương hơn, phải quan tâm chăm sóc hơn. Như thế nào ? Thì đây câu trả lời : "Từ nay ngài (Đức Tân Tổng Giám Mục Phó) không chỉ đồng cảm hay đồng hành với anh chị em nhưng sẽ đồng sinh đồng tử với anh chị em, với giáo phận. Đây không phải là một kiểu nói bóng bẩy của một người làm văn, mà là xác tín sâu xa, hơn thế nữa là kinh nghiệm xương máu của người mục tử sắp phải chia tay với đoàn chiên, và cũng là một lời cầu chúc, một lời nhắn gửi, nếu không nói là một lời troi trắng cho người đến thay thế.

"Chàng rể" mới

Chiếc nhẫn của giám mục biểu trưng sự gắn bó keo sơn của giám mục với giáo phận của mình, cũng như chiếc nhẫn cưới của cô dâu hay chàng rể. Trong Thánh lễ nhậm chức ngày 7 tháng 5, trông dáng dấp "chàng rể" 72 tuổi, bước chân nặng nề, vẻ mặt căng thẳng, mắt nhìn xuống đất, ta không thấy được vẻ tự tin của người chủ đi về nhà mình. Đọc bài chia sẻ của ngài, ta có cảm tưởng ngài đang đi dây : cố gắng thế nào cho khỏi ngã, khỏi té : một bài chia sẻ Lời Chúa mang tính kinh điển có thể áp dụng cho bất cứ dịp lễ nào. Trong hoàn cảnh khó khăn tế nhị hôm nay, ta không thể đòi hỏi ngài nhiều hơn nữa. Trước cũng như sau Thánh Lễ, nhìn ngài bước đi lẫm lẫm, trông thật cô đơn. Giá mà kỳ đại hội các giám mục tại Xuân Lộc tháng 10 năm 2008 mà các thành viên trong Hội Đồng, đứng đầu là Đức Cha Chủ Tịch, nghĩ đến giám mục cô đơn Ngô Quang Kiệt, thì ngày hôm nay, Đức Tân Phó Tổng Giám Mục Hà Nội đã không phải cô đơn như thế. Nhưng dù sao thì sự cũng đã rồi !

Người chịu lắng nghe để rút kinh nghiệm

Bài diễn văn thứ ba của buổi lễ là của Đức Cha Nguyễn Chí Linh, giám mục giáo phận Thanh Hoá, Phó Chủ Tịch HĐGM/VN. Bài của Đức Cha Linh vừa tạo được sự ngạc nhiên và thích thú, vừa khơi lên niềm hy vọng giữa lúc bao người đang hồi hộp lo âu, băn khoăn tự hỏi : mai này, khi HĐGM/VN và ngay cả Tòa Thánh Vatican đã mất nhiều uy tín, trong tình trạng yếu kém vì chia rẽ, lãnh đạo chịu khuất phục kẻ thù, liệu Giáo Hội sẽ đi về đâu ? Bài của Đức Cha Linh không có vẻ gì là lên tiếng cũng như không lên tiếng. Ngài không né tránh, nhưng dám nhìn thẳng vào vấn đề. Đức Cha đã quan tâm theo dõi thời cuộc, không coi thường truyền thông, biết lắng nghe cả những tiếng nói ngược chiều, không vội vàng kết án, nhưng nhìn nhận vai trò tích cực và thiện chí xây dựng ngay cả những người dám phê bình chỉ trích. Ngài nói : *"Điểm tích cực đầu tiên là mọi thành phần Dân Chúa đã có cơ hội nói lên nguyện vọng của mình một cách chân thành, đồng thời cũng có kinh nghiệm sâu sắc hơn về vai trò và sứ mệnh của các phương tiện truyền thông thời hiện đại. Kỷ niệm 50 năm thành lập, Hàng Giáo phẩm Việt Nam bước vào một giai đoạn mới qua đó, các bậc chủ chăn được lắng nghe tiếng nói cộng đồng Dân Chúa cách phong phú và cụ thể hơn, đồng thời cũng học được bài học biện phân cách bình tĩnh hơn đối với những thông tin mỗi lúc một đa dạng, đa chiều và phức tạp hơn. Điểm tích cực thứ hai là dù khác biệt, thậm chí có khi là đối lập, nhưng tất cả mọi quan điểm đều có một mẫu số chung là lòng yêu mến Giáo Hội. Suy nghĩ và cách biểu hiện khác nhau, nhưng lòng yêu mến vẫn là một. Trong bối cảnh và tinh thần Năm Thánh 2010, chúng ta hãy xem đây là cơ hội sống tình hiệp thông cách đặc biệt hơn : chúng ta cần phải can đảm hơn khi đối diện với các dị biệt, chúng ta cần phải mở xẻ chuyện Giáo Hội cách rõ ràng hơn, công khai hơn, nhưng đồng thời trải nghiệm được cái giá phải trả để bảo vệ tình huynh đệ trong đại gia đình Giáo Hội."* Bản thân tôi, và chắc nhiều người khác cũng vậy, nghe bài diễn văn này xong, cảm thấy phấn khởi.

Nhưng rồi tôi lại tự hỏi : liệu Đức Cha Phó Chủ Tịch HĐGM/VN có phản ánh quan điểm của HĐGM/VN vào thời điểm này sau khi đã rút tĩa kinh nghiệm từ nhiều bài học đắt giá, hay đây chỉ là quan điểm của cá nhân ngài ? Liệu suy nghĩ này sẽ tồn tại được bao lâu, có sẽ được thể hiện qua những việc làm cụ thể, hay rồi khi cuộc lễ đã tàn thì đâu lại vào đó ? Tâm trạng hoài nghi của tôi chẳng phải không có cơ sở, vì cách đây đúng một năm Đức Cha Nguyễn Văn Khảm đã có một bài viết mang tựa đề *"Quan điểm Công Giáo về trách nhiệm của Giáo Hội trước các vấn đề xã hội"* trong đó có những lời khẳng định rất mạnh mẽ, tỷ dụ như : *"Các vấn đề chính trị và xã hội liên quan đến khía cạnh đạo đức là **trách nhiệm đặc thù của Giáo Hội, chẳng hạn chiến tranh, tham nhũng, phá thai, gian dối...**"*. Thế nhưng một năm đã trôi qua, bài viết của Đức Cha Khảm chỉ nằm trên giấy.

Trở lại với bài diễn văn của Đức Cha Phó Chủ Tịch HĐGM/VN, ta chỉ có thể cầu mong cho

thiện ý của ngài, cách nhìn, cách đánh giá tích cực của ngài thực sự phản ánh một thay đổi, tuy muộn màng, của hàng giáo phẩm Việt Nam đối với truyền thông, đối với công luận, để nhìn nhận *vox populi, vox Dei*, ý dân là ý Trời. Chỉ có vậy mới có thể mong rằng từ cuộc khủng hoảng trầm trọng hiện nay, Giáo Hội Việt Nam có thể vươn mình đứng dậy, khởi đầu bằng việc sám hối.

Tin giờ chót

Tôi viết bài này khi Đức Tổng Kiệt đang trong máy bay rời khỏi Việt Nam. Là chứng nhân của Chúa Ki-tô, chứng nhân của sự thật, của công lý, cây tùng cây bách Ngô Quang Kiệt không chỉ bị đồn ngã, bị trốc gốc, mà còn phải bứng đi cho khỏi nước Việt Nam, cho khuất mắt nhà cầm quyền Hà Nội. Cây phải đồn vì cây bị bệnh, nhưng đó chỉ là cái cớ. Điều đáng nói là cây bị đồn cách hợp pháp, với phép lành của Tòa Thánh Vatican, và ít nhất là với sự đồng tình của HĐGM/VN. Nhà cầm quyền Việt Nam có thể an lòng : từ nay sẽ không có giám mục nào đứng ra kêu gọi cầu nguyện như Đức Tổng Kiệt nữa. Và có xảy ra điều gì thì cũng sẽ là chuyện địa phương thôi. Nguyên tắc đã có sẵn rồi.

Kết luận

Những diễn biến vừa qua cho thấy rằng : Chuyện bắt đạo kiểu xưa đã qua rồi. Đức Tổng Kiệt rời Hà Nội để một vị khác đến, không đơn thuần chỉ là chuyện thay đổi nhân sự. Nay thì không ai "bắt đạo" đâu. Nhưng đạo muốn tồn tại thì phải "biết điều" ! Sẽ có những cuộc lễ linh đình trọng thể, với đầy đủ trống phách, với các tư tế mũ cao áo rộng, sẽ có những cơ sở hoành tráng nếu có tiền (nghe đâu Trung Tâm Hành Hương La Vang dự kiến tốn đến 25 triệu Mỹ Kim trên miền đất "chó ăn đá gà ăn sỏi"). Miễn là đạo đừng ra khỏi nhà thờ, đừng đụng chạm gì đến chế độ độc tài, bất nhân, mặc cho xã hội hoàn toàn băng hoại, dân nghèo bị nghiền nát, trong khi một nhóm tư bản đồ tự do tung hoành, mặc cho dân tộc ngày càng chui đầu vào vòng nô lệ giặc Tàu, nợ nần quốc gia cứ cao như núi, vì người đi vay biết chắc : người trả sẽ không phải là mình... Trong một xã hội như thế mà người có đạo chỉ vòng tay ngậm miệng đứng nhìn, thì câu hỏi đặt ra là : **đạo để làm gì ?**

Sài-gòn, ngày 13 tháng 05 năm 2010

Pascal Nguyễn Ngọc Tinh ofm pascaltinh@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

Ngày Cha Đi...

(Tâm thư tiễn biệt Đức Tổng Giuse kính yêu)

Ngày Cha đi thế nhân sầu ứa lệ

Dối trông theo dáng Hiền Phụ thân thương

Đã kề vai sát cánh những nẻo đường

Cùng đoàn con suốt dặm trường Khổ Nạn

Như chiều xưa, Can-vê bi tráng

Thập Tự hồng giang rộng gọi mời Cha

Hãy bước lên mà đỡ lấy xót xa

Cho bao người đang vật vờ quỵ ngã

Cha ra đi để nỗi niềm trần trở

Giữa mù đen điểm tựa biết đâu tìm ?

Ngày thì rộng đêm u ám dài thêm

Tội nghiệp chúng con, mong ngày về chính bến !

Tội nghiệp chúng con, oằn mình trong cuộc chiến

Với kẻ thù của Sự Thật, Cha ơi !

Ai tiên phong giữa máu đổ, lệ rơi ?

Ai dũng tâm cất cao lời bênh đỡ ?

Cha ra đi cho sáng danh tình Chúa

Vì yêu thương quên vương miện, hoàng bào

Vì yêu thương quên địa vị sang cao

Vì yêu thương nên vện nghĩa anh hào

Dù hôm nay lòng nhân thế cạn sâu

Cha đã bước đi trên con đường thẳng

Ai dám tự hào giương oai chiến thắng

Trước Một Tâm Hồn – Một Nhân Cách Lớn như Cha !

Chúng con tin, Chân Lý sẽ thắng hoa

Đời sẽ ngợi ca lời vị tha ngày ấy

Giữa tan hoang đầm đề máu chảy

Cha đã nói thay, vực dậy thương đau

Chúng con tin ngày mai sẽ tươi màu

Đời sẽ viết tên Cha: Chứng Nhân Hy Vọng

Lịch sử sẽ gọi tên Cha: Người Gieo Mầm Sống

Trên héo tàn và hoang phế niềm tin

Ngọn lửa hồng Cha đã thắp lên

Vẫn sáng bừng giữa muôn tim nồng cháy

Mong ngày mai khi tình yêu thức dậy

Bóng đêm tàn, Hoa Công Lý nở tươi

Chúng con tin ở Chúa, Cha ơi !

Đã dùng Cha như khí cụ tuyệt vời

Nên dấu chỉ cho người đời thấu hiểu:

Đức Ki-tô từ đau khổ lên ngôi

Ngày Cha đi, đắng cay buốt nhói

Chúng con vẫn tin ở phía ngày mai !!!....

J.B. Nguyễn Quốc Tuấn

VỀ MỤC LỤC

SỐNG - CHẾT, CHẾT - SỐNG

Quy luật hết sức tự nhiên của con người là con người có sống thì ắt cũng đến ngày nào đó phải chết. Thế nhưng, là con người, sống như thế nào thật là quan trọng và quan trọng hơn nữa là chết như thế nào ? Chết lành hay chết dữ ? Chết trong lòng bàn tay của Thiên Chúa hay trong lòng bàn tay của thế gian ?

Ở đời, có những người sống nhưng người ta đã coi như là đã chết nhưng ngược lại, có những người tạm coi như là chết nhưng kỳ thực họ đang sống và sống một cách viên mãn. Cách riêng, với người kitô hữu thì đặc biệt hơn nữa, có những người vì danh Chúa phải chết và có thể dưới con mắt của thế gian là chết nhục nhã nhưng trong Chúa họ đang hưởng vinh phúc Nước Trời.

Trải dài dòng chảy của lịch sử cứu độ, có những người vì Công Lý, vì Sự Thật và vì Tin Mừng đã chết và chết một cách nhục nhã. Cũng chẳng ngạc nhiên gì khi nhìn thấy những cái chết như vậy. Những cái chết như vậy hết sức bình thường vì lẽ Công Lý, Sự Thật và Tin Mừng thì ngược với những gì gọi là thế gian, là gian dối, là độc ác.

Nước Trời thì đương nhiên phải đối nghịch với thế gian. Người ta đã dùng hai chữ “thế gian” để chỉ về thế giới tạm bợ ở trần gian. Thế giới tạm bợ ấy vẫn chạy theo những giá trị của trần gian. Những giá trị trần gian thì mau qua chóng tàn và thật hão huyền. Nước Trời, nơi đó gồm những con người yêu Công Lý, yêu Hoà Bình và yêu Sự Thật ngự trị. Thủ Lãnh của Nước Trời là Đấng Công Chính, là Sự Thật, là Bình An. Thủ Lãnh Nước Trời mời gọi công dân Nước Trời sống thật, sống công chính như Thủ Lãnh Nước Trời đã sống. Ngược lại Thủ Lãnh của thế gian lại yêu thích và mời gọi những người khác sống theo đường lối của mình nghịch với đường lối của Nước Trời.

Nếu dừng lại, nghiền ngẫm những tranh Thánh Kinh, chúng ta thấy có bao giờ Tin Mừng của Chúa lại thoả hiệp với thế gian. Những ai sống mâu nhiệm Nước Trời đều bị thế gian phi báng và loại trừ.

Chỉ cần mở những trang Tân Ước thôi, bằng chứng sống của một Gioan Tẩy Giả vẫn còn

đó. Vì không thoả hiệp với con người gian dân là Hêrôđê nên ông đã bị mất đầu. Với thể gian, với những người cùng thời thì Gioan Tẩy giả chết nhưng với Thiên Chúa, Gioan đã đi vào cõi Vĩnh Hằng, vào Nước Chúa. Nếu như Gioan thoả hiệp cho hành động gian dân của Hêrôđê thì Gioan sẽ được sống và được sống dồi dào nhờ những bổng lộc do Hêrôđê mang lại. Gioan là một hình ảnh tuyệt đẹp cho một đời sống Công Chính, một đời sống bảo vệ Công Lý và Sự Thật.

Gioan Tẩy Giả cũng chính là Gioan Tiền Hô, Gioan Tiền Hô đã tiên báo Con Một Thiên Chúa sẽ xuống thế làm người. Con Một Thiên Chúa đã xuống thế làm người thật và cũng đã chết thật. Đặc biệt, nơi cái chết của Con Một là một cái chết bất công, một cái chết oan khiên. Con Một - Đấng không hề biết tội là gì - nhưng đã chết vì tội lỗi, chết thay cho con người gian dối.

Cũng như Gioan, cái chết của Chúa Giêsu dưới con mắt người đời thì Chúa Giêsu chết coi như là hết nhưng cái chết của Chúa Giêsu đã mang lại sự sống vĩnh cửu không chỉ cho Chúa Giêsu và cho cả nhân loại. Chúa Giêsu chết với tội, chết với thể gian nhưng đã sống trong Thiên Chúa. Không chỉ sống nhưng còn được tôn vinh bên hữu Thiên Chúa như thư Thánh Phaolô tông đồ gửi tín hữu Philipphê :

Đức Giê-su Ki-tô vốn dĩ là Thiên Chúa mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa,

nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế.

Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự.

Chính vì thế, Thiên Chúa đã siêu tôn Người và tặng ban danh hiệu trổi vượt trên muôn ngàn danh hiệu.(Pl 2, 6-9).

Cái chết của Chúa Giêsu - Con Một Thiên Chúa - đã mở đường cho những ai đi theo Sự Thật và sống theo Sự Thật như Chúa Giêsu đã sống.

Trải dài lịch sử cứu độ hơn hai ngàn năm qua, dù đối đầu với biết bao nhiêu sóng gió, biết bao nhiêu thử thách nhưng vẫn có, vẫn có và vẫn có những con người hay nói đúng hơn là những môn đệ đã dám sống, đã chết như Thầy Chí Thánh Giêsu. Những cái chết nhục nhã đối với thể gian như Chúa Giêsu đã chết ấy lại chính là hạt giống gieo vào lòng đất để nảy sinh nhiều bông hạt khác. Chính những cái chết ấy như là dưỡng chất để nuôi dưỡng để làm triển nở một Nước Trời ngay giữa lòng thể gian đầy gian dối.

Những ngày này, chúng ta đang chứng kiến một cái "chết" của một con người ở độ tuổi 58. Vì lý do "sức khỏe" mà người con của Chúa phải chết. Thật sự ra mà nói chẳng phải vì sức khỏe đâu nhưng là vì Tin Mừng, vì Công Lý, vì Sự Thật mà thôi.

Nếu như người con của Chúa này thoả hiệp với một thể gian đầy gian tà thì sẽ chẳng phải chết sớm như vậy.

Tính ra thì người con của Chúa này không phải mất đầu như Gioan Tẩy Giả ngày xưa, người con của Chúa này cũng chẳng phải chịu chết treo thập giá như Con Một Thiên Chúa nhưng đã bị người ta thoả hiệp tước đi "quyền sống" của một con người. "Vì Thầy và vì Tin Mừng mà anh em bị thể gian loại bỏ", lời ấy ngày hôm nay ứng nghiệm trên cuộc đời của người con Chúa mang tên Giuse Ngô Quang Kiệt.

Người con của Chúa này hình như cũng phảng phất hình ảnh đẹp nơi Gioan, nơi Thầy Chí Thánh Giêsu là bị người đời loại bỏ và đau hơn nữa là "những kẻ chấm cùng một chén với Thầy" đã giơ gót đạp Thầy.

Lời cuối trên thập giá của Chúa Giêsu là lời tha thứ cho những con người hại chết mình. Lời của người con Chúa đứng trước bàn thờ thập tự ngày 7-5 là lời chúc mừng, là lời hết sức trân trọng gửi đến những con người hãm hại mình. Hai tâm tình ấy, hai ngôn lời ấy dù là hai nhưng chỉ là một : yêu thương và tha thứ.

Thật sự ra mà nói thì tất cả những đau khổ ngày hôm nay người con của Chúa vì Công

Lý, vì Sự Thật, vì Tin Mừng đáng chịu cũng chỉ thêm vào những đau khổ mà ngày xưa Chúa Giêsu chưa chịu như tâm tình của Thánh Phaolô. Những đau khổ của người con Chúa này như là đang chia sẻ, đang thông phần những đau khổ xưa kia của Thầy Chí Thánh Giêsu. Và vì vậy, con đường mà người con của Chúa này là con đường hết sức đẹp.

Vốn dĩ là con người, chúng ta, những người thân yêu thì ai ai cũng đượm một chút buồn, một chút lệ trước sự “ra đi” của người con của Chúa này. Thế nhưng, dừng lại một chút trong lòng tin, chúng ta sẽ nhận ra đây là hồng phúc lớn lao mà Thiên Chúa đã dành cho công dân Nước Trời : Giuse Ngô Quang Kiệt.

Giờ đây, trong lòng tin, Giuse Ngô Quang Kiệt đã có tấm hộ chiếu để ra khỏi thế gian đầy gian dối này và đã có visa để đi vào Nước Trời. Không gian và thời gian không còn cản đường Giuse Ngô Quang Kiệt được nữa. Giuse Ngô Quang Kiệt hạnh phúc khi cầm trong tay tấm hộ chiếu ra khỏi thế gian và hạnh phúc hơn nữa khi đường vào Nước Trời đang rộng mở chào đón người công dân hết lòng sống theo Công Lý và Sự Thật.

Người con của Chúa, xét theo khía cạnh của người đời, của thế gian thì coi như đã chết nhưng ở viễn cảnh Nước Trời thì người con của Chúa này đã sống và sống thật viên mãn. Hạnh phúc nhất của người con của Chúa này đã được nếm hạnh phúc Nước Trời ngay cuộc sống khổ hạnh ở trần gian.

Cái “chết” trẻ 58 tuổi đời của người con Chúa chính là đường dẫn vào sự sống đời đời mà Chúa Giêsu đã hứa. Người con yêu Giuse Ngô Quang Kiệt đã chết với thế gian nhưng đã sống đời với Chúa và trong Chúa.

Anmai, CSsR

VỀ MỤC LỤC

THỬ TRẢ LỜI CÂU HỎI: “TẠI SAO MỤC TỬ IM LẶNG?”

Khi giáo dân bị đánh đập, bị phân tán, nhiều mục tử im lặng. Khi một vị linh mục vì công lý mà bị kết án oan ức, nhiều mục tử khác im lặng. Khi một vị Tổng Giám Mục anh dũng và nhân hậu đứng bên cạnh dân Chúa và bị sỉ nhục, bị lên án, nhiều mục tử vẫn giữ im lặng. Và đỉnh cao nhất của sự im lặng ấy là khi Thánh Giá Chúa bị đập vỡ tan tành, nhiều vị mục tử cũng không nói gì. Không những im lặng, có ông còn viết đại khái lên tiếng cũng như không!

Giáo dân sống sờ. Các mục tử chân chính cũng sống sờ. Lý do sâu xa nhất làm người ta kinh hãi trước sự im lặng nặng nề của nhiều mục tử, ấy là sự im lặng đi ngược lại với giáo huấn của Đức Giêsu và ngược lại với chính bản tính của Ngôi Lời nhập thể.

Giáo Hội là nhiệm thể Chúa Kitô, chia sẻ sứ vụ ngôn sứ của Người, do đó Giáo Hội phải lên tiếng trước bất công, cho dù là bất công nhỏ nhất (mà thật ra đã là bất công thì luôn nghiêm trọng vì tự bản chất nó chống lại Thiên Chúa là Đấng tuyệt đối công chính). Đức Hồng y Angelo Sodano, Quốc Vụ Khanh, Bộ Trưởng Ngoại giao Tòa Thánh Vatican viết: “Suốt dòng lịch sử Giáo Hội và đặc biệt trong mấy thế kỷ gần đây, Giáo Hội – theo lời Đức Lêô XIII – đã không ngừng nói lên tiếng nói của mình về những câu hỏi liên quan đến cuộc sống trong xã hội” (Lời giới thiệu Học Thuyết Xã Hội Công Giáo).

Và Học Thuyết Xã Hội Công Giáo nhấn mạnh: “Giáo Hội nhớ lời thánh Phaolô nói với môn đệ Timôthê của mình: “Hãy rao giảng Lời Chúa, hãy lên tiếng, lúc thuận tiện cũng như lúc không thuận tiện; hãy biện bác, ngăn đe, khuyên nhủ với tất cả lòng nhẫn nại và chủ tâm dạy dỗ.” (số 2)

Trong sứ vụ lên tiếng ấy, “*Học thuyết xã hội này cũng bao gồm cả nghĩa vụ phải tố cáo* mỗi khi tội có mặt: tội bất công và tội bạo lực, cách này hay cách khác, đang lan tràn qua xã hội và thâm nhập vào xã hội. Nhờ biết tố cáo, học thuyết xã hội trở nên giống các thẩm phán và các nhà bảo vệ những quyền lợi không được nhìn nhận và hay bị xâm phạm, nhất là các quyền lợi của người nghèo, người yếu kém.” (số 81)

Như vậy, nếu là mục tử của Hội Thánh Công Giáo Rôma, thì không được quyền từ chối lên tiếng và cũng không cần đặt vấn đề lên tiếng hay không. Nếu không tin vào Học Thuyết Xã Hội, người ta có quyền mở sách Tin Mừng, và chắc chắn họ sẽ gặp lời Đức Kytô: "*Tôi bảo các ông: họ mà làm thính, thì sỏi đá cũng sẽ kêu lên!*"(Lc.19,40)

Bọn cường quyền và giả hình trong xã hội Do thái không muốn nghe lời ca tụng Đức Giêsu và họ xin Người bảo các môn đệ im tiếng, và Người trả lời như thế, để nhắc cho dân Người, nhất là các mục tử về sứ vụ làm chứng bằng lời, chứ không chỉ bằng đời sống. Và lời làm chứng còn phải là lời chứng cho công lý, sự thật, chứ không chỉ là lời giảng chung chung.

Thế nhưng, nỗi ưu tư và lo buồn đang bao trùm nhiều triệu người Công giáo Việt nam, cũng như phản ứng mạnh mẽ trước các sự kiện đau lòng đang lan ra nhanh chóng. Một trong những lý do là dân Chúa ngạc nhiên không hiểu sao nhiều vị mục tử vẫn giữ im lặng, sự im lặng làm nhiều giáo dân cảm thấy hoang mang, ngỡ vực và thậm chí có người muốn bỏ đạo.

Các mục tử sẽ trách móc: Có gì đâu mà hoang mang? Có gì đâu mà phải bỏ đạo? Lòng đạo thể là không trưởng thành! Nhưng người con trưởng thành sao nổi khi bố mẹ thấy cướp vào nhà bắt con, cướp của mà bố mẹ thản nhiên mời cướp uống rượu!

Thế thì vấn đề đặt ra là tại sao mục tử im lặng? Các ngài là những người có học, được đào tạo kỹ nhiều năm ở trong nhà Chúa, luôn đọc kinh cầu nguyện, mỗi ngày nguyện ngắm để Lời Chúa ngấm vào mình. Và còn rao giảng Tin Mừng hàng ngày nữa. Vậy tại sao nhiều mục tử không làm theo lệnh Chúa truyền?

Câu trả lời đầu tiên là có lẽ các ngài quá đạo đức (?!). Vì quá đạo đức, các ngài không muốn có xung đột xã hội. Vì quá đạo đức, các ngài sợ kẻ xấu bị tổn thương. Cũng vì quá đạo đức, các ngài muốn được yên ổn trong giáo phận hay giáo xứ mình, để mình có thể làm việc mục vụ mà không gặp khó khăn gì. Và cũng vì lòng đạo quá sâu xa, các ngài nghĩ ai cũng tốt lành như mình. Do đó các ngài tin rằng dù họ giết dân, đánh dân đổ máu ra, họ vẫn là người yêu công lý hoà bình.

Lý do thứ hai có lẽ vì các mục tử đã có kinh nghiệm nào đó với những người làm hại Hội Thánh. Kinh nghiệm gì và kinh nghiệm ấy ảnh hưởng đến các ngài thế nào thì thật khó nói vì đó là những tương quan hết sức cá nhân và tế nhị. Và kinh nghiệm ấy bảo các ngài cứ im lặng để mọi chuyện trôi chảy, phải có nước chảy thì thuyền mới trôi!

Lý do thứ ba là điều mà dân Chúa nghi ngờ, và người viết cầu mong điều này không bao giờ là sự thật. Đó là danh lợi, đó là sự dụ dỗ ngọt ngào và sự yên ấm cho riêng mình. Dĩ nhiên các ngài là những con người, và nếu các ngài có lỡ sa ngã thì cũng là chuyện bình thường. Nhưng các ngài còn là mục tử nữa kia mà.

Nhưng cũng còn một lý do nữa, khá ngược đời. Ấy là một số mục tử cho rằng "chuyện ấy đâu phải là chuyện tôn giáo". Câu biện hộ này có hai cái chưa đúng. Phải hiểu rằng mục tử công minh phải chống lại bất công, đừng nghĩ rằng "người ta cướp của hàng xóm chứ có cướp của con cái tôi đâu?". Thứ hai, hễ người ta xâm phạm đến giáo xứ, đến giáo dân... là chuyện tôn giáo, chứ chẳng lẽ phải động đến mục tử mới là xâm phạm đến tôn giáo? Lý do này thường dễ bị phản ứng nhất.

Những phân tích ấy có lẽ còn thiếu sót. Nhưng là người tín hữu, ai cũng mong cho các mục tử sống đúng Tin Mừng mà các ngài đã đọc, đã tin và đã rao giảng. Dân Chúa cần vâng lời các mục tử, nhưng lời mà dân Chúa vâng phải là Lời của Chúa, chứ không thể là lời của một thể lực nào nhờ mục tử nói thay.

Và hy vọng một ngày nào đó, một vị mục tử chân chính sẽ lớn tiếng giữa ngàn dân: "Chúng tôi lên tiếng để nói lời công lý". Khi đó các ngài sẽ được dân Chúa kính yêu vâng phục, mà gương Đức Tổng Philipphê và Đức Tổng Giuse còn rõ rệt. Khi các ngài đứng hay ngồi hay ở vị thế khác bên quyền lực, các ngài sẽ phải đứng, ngồi... cô đơn. Và chắc chắn các thứ quyền lực chẳng bao giờ yêu các ngài thật sự.

Gioan Lê Quang Vinh

Vào một buổi chiều tối ngày 27 tháng 12 năm 1982, Jack Kelly, một vận động viên Olympic nổi tiếng, cùng vợ là Sandee ngừng xe tại trạm xăng trong thành phố Fort Lauderdale, tiểu bang Florida, Hoa Kỳ. Ông bước vào hộp điện thoại công cộng để hỏi người bạn về đường đi đến một buổi tiệc. Khi Ông Kelly vừa cầm điện thoại lên, ông cảm thấy ớn lạnh phía sau của mình vì một họng súng chỉ thẳng vào gáy ông. Kẻ cầm súng yêu cầu ông Kelly phải đưa hũ tiền. Kelly nói, "tôi bị lạc." Giọng tên cướp nói nhỏ vừa đủ nghe, "Vợ của mày sẽ là người tiếp theo nếu mày không đưa tiền cho tao." Dĩ nhiên ngay sau đó, Kelly bị gây tổn thương và tên cướp bỏ đi. Kelly được đưa đi cấp cứu ngay sau đó; và trên đường tới bệnh viện Broward General Medical Center, Kelly thều thào với vợ mình, "Em hãy cứu lấy anh ta, vì anh ta đã cứu cuộc đời của anh." ^[1]

Kính thưa quý vị và các bạn, chúng ta đang cùng nhau học hỏi về chủ đề tha thứ. Qua những câu chuyện mà mục *Sống Sao Cho Đẹp* minh họa, chúng như nêu cao giá trị của con người khi chúng ta sống cuộc đời bằng lối cư xử đẹp, cao thượng và quảng đại. Đặc biệt câu chuyện của ông Kelly hôm nay một lần nữa nhắc chúng ta rằng: Thái độ nhận ra ân huệ của sự sống sẽ giúp chúng ta dễ dàng thực hiện sự tha thứ.

Làm thế nào ông Kelly lại dễ dàng bảo vợ mình là hãy tha thứ và cứu lấy tên cướp, dù tên này đã bắn hại chính mình. Có lẽ ông Kelly đã nói một cách dễ dàng như thế, là vì ông đã cảm nghiệm giá trị của cuộc sống. Với ông sự sống là một quà tặng mà tự chính ông không thể có được. Dù bị hại, nhưng ông vẫn nhìn thấy sự may mắn vì còn sống và phải biết nói lời cảm ơn đối với kẻ hại mình, vì kẻ hại mình chưa giết mình. Lòng quảng đại của ông Kelly dường như là một điều vượt quá khả năng của chúng ta. Nhưng thực ra, vẫn có những con người đã thực hiện như thế.

Vào ngày 13 tháng 5 năm 1983, Đức Giáo Hoàng John Paul II bị Mehmet Ali Agca ám sát. Sau khi bình phục, Đức Giáo Hoàng đã và nhà tù để thăm người đã giết hại mình, và đồng thời Ngài đã tha thứ cho anh ta.

Các bạn thân mến, lòng quảng đại và sự tha thứ của ông Kelly và của Đức Giáo Hoàng John Paul II làm cho chúng ta phải cúi đầu suy gẫm, ngưỡng phục. Vậy nếu những con người xương thịt như chúng ta cũng đã tha thứ cho kẻ cố ý hãm hại mình- là những con người hoàn toàn xa lạ, thì chúng ta còn ngần ngại gì nữa mà không tha thứ cho những người thân của mình - những người mà chỉ xúc phạm đến chúng ta qua qua những lời nói vì thiếu suy nghĩ, đại dốt, và vụng về? Chẳng lẽ chúng ta không thể tha thứ cho những người từng chung sống dưới một mái nhà, từng chia sẻ một bàn ăn, và có khi cùng chung một giòng máu hay sao?

Sự sống của mỗi con người là vô giá và không có gì có thể thay thế được. Nhận ra giá trị chân thật này sẽ giúp chúng ta yêu thích sự sống hơn. Những ai đã từng đối diện hay chứng kiến người thân mình trong giây phút lâm chung chắc đã hiểu rõ giá trị của sự sống. Chính giây phút ấy lâm chung ấy, chúng ta đối diện với sự bất lực của con người. Chính giây phút lâm tử ấy, không ai có thể níu kéo sự sống của người thân của chúng ta lại được cả. Hiểu như thế, chúng mới thấy được giá trị của hạnh phúc, của sự sum họp, của tình anh em bạn hữu. Hiểu thân phận ngắn ngủi của chính chúng ta để chúng ta có thể sống đại lượng hơn, bao dung hơn và sẵn sàng tha thứ dễ dàng hơn.

Lạy Chúa, xin giúp chúng con nhận ra giá trị sự sống mà Chúa ban cho chúng con. Vì chính khi nhận ra giá trị này, chúng con sẽ dễ dàng tha thứ hơn cho chính mình và cho anh em mình. Amen.

Br. Huynhquảng

^[1] G. Curtis Jones, *1000 Illustrations for Preaching and Teaching* (Broadman Press, 1986), 223.

Tác phẩm: Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô - MỤC VỤ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tác giả: D. WAHRHEIT (Lm. Minh Anh, GP. Huế tổng hợp biên tập)

A3. HIỂU VỢ VÀ CẢM THÔNG VỚI VỢ

Những năm gần đây, báo chí không ngừng nói đến cuộc hôn phối không mấy êm đẹp giữa Hoàng tử Charles và Công chúa Diane của nước Anh.

Sau 11 năm chung sống và được hai mặt con, người ta có cảm tưởng như cặp vợ chồng quý tộc này không thể tiếp tục hoà hợp được với nhau nữa. Hoàng tử thì mê man trong những thú vui thể thao và mối quan tâm về môi sinh. Công chúa thì khóc thầm vì không được Hoàng tử săn sóc với những sở thích của mình. Hai tính khí như hai con đường song song với nhau.

Hoàng tử Charles đã chuẩn bị kỹ lưỡng những kỹ năng cần thiết để làm một vị vua, nhưng có lẽ ông chưa chuẩn bị đủ để làm một người chồng tốt.

Một người chồng tốt thiết yếu là một người đàn ông luôn biết quan tâm đến vợ mình. Quan tâm đến vợ cũng có nghĩa là ý thức được những khác biệt của vợ, đoán biết đâu là những chờ đợi của vợ.

Sự hiểu biết và thông cảm đó chính là quy luật cơ bản mà chúng tôi xin được nhắc gửi tới những người chồng trẻ.

1. Trong đời sống vợ chồng, có lẽ không hình ảnh nào đẹp cho bằng hình ảnh người vợ chờ chồng đi làm về. Người vợ như muốn cho chồng mình thấy rằng, chồng là tất cả của họ. Suốt một ngày chờ đợi như nổ tung ra khi người chồng xuất hiện. Người vợ sẽ phá tan sự căng thẳng chờ đợi ấy bằng đủ thứ chuyện mà chị muốn kể cho chồng mình nghe. Từ chuyện những người hàng xóm đến chuyện con cái, quay sang chuyện chợ búa, bếp núc. Người vợ muốn chồng nghe tất cả những gì mà mình đã sống trong một ngày chờ đợi. Có những chuyện quan trọng mà có thể cũng có những chuyện không quan trọng.

Nhưng đối với người vợ, điều quan trọng không phải là nội dung của những gì họ kể ra cho bằng chính nhu cầu được nói, được tâm sự, được chia sẻ.

Cô đơn là thử thách nặng nề nhất đối với người đàn bà. Do đó, nhu cầu lớn nhất của họ là được ra khỏi chính mình. Người chồng tốt là một người chồng luôn biết quan tâm đến nhu cầu ấy.

Sau một ngày vất vả ngoài đồng áng, sau một ngày tất bật nơi sở làm, sau một ngày bị bao vây bởi không biết bao nhiêu bức bối, người chồng nào cũng mong tìm được những giây phút thanh thản yên lặng. Nhưng họ nên nhớ rằng, nhu cầu được thông tin, được chia sẻ của người vợ có lẽ còn lớn hơn cả nhu cầu được yên tĩnh của họ. Sự hoà hợp trong đời sống vợ chồng đòi hỏi người chồng bước thêm một bước nữa trong sự hy sinh của mình. Đó là lắng nghe, cảm thông với vợ mình.

2. Nhu cầu được chia sẻ, được lắng nghe, được nói, được ra khỏi chính mình thật ra, cũng là sự thể hiện một nét đẹp thiên phú của tâm hồn nữ giới. Đó là được dâng hiến, trao ban. Nhu cầu ấy là động lực nguyên thủy trong tâm hồn người đàn bà.

Người đàn ông có thể cuộn mình trong cái vỏ của họ để hưởng thụ, để sống một mình mà không cần quan tâm đến sự hiện hữu của những người chung quanh. Người đàn bà thì trái lại, họ không thể sống, không thể hành động, không thể hưởng thụ một mình. Họ muốn cho những cảm xúc của họ được vang dội trong tâm hồn người khác. Họ muốn cho sự hy sinh của mình được người khác nhìn nhận và biết ơn. Họ muốn niềm vui của mình cũng được chia sẻ cho người khác.

Diễn hình nhất hần là tâm hồn đầy nữ tính của Mẹ Maria. Ngay sau khi được mang thai bởi phép Chúa Thánh Thần, Mẹ đã vội vã lên đường đến chia sẻ niềm vui với người chị họ. Người ta cũng thấy rõ sự nhạy cảm đầy nữ tính của Mẹ trong tiệc cưới Cana. Không đợi cho chủ tiệc gợi ý, Mẹ đã đi trước sự cầu cứu của ông.

Sự nhạy cảm, nhu cầu muốn chia sẻ được thể hiện không chỉ qua những cử chỉ quảng đại, nhưng đồng thời, qua cả những chuyện vụn vặt bình thường. Đó là mẫu số chung của mọi tâm hồn nữ giới mà thiết tưởng một người chồng tốt không thể không quan tâm đến.

3. Trao ban và dâng hiến, người đàn bà xem đó như một thể hiện của nữ tính. Đó là một cách thể để họ khẳng định chính mình. Bởi đây, người đàn bà còn có nhu cầu được nhìn nhận và biết ơn. Một tiếng cảm ơn, dù chỉ được nói lên một cách máy móc, sẽ được người đàn bà đón nhận và cất giữ rất trân trọng.

Trong một bài huấn đức ngắn, vị Giáo Hoàng văn số là Đức Gioan Phaolô I có kể câu chuyện này:

Một người đàn bà đảm đang phục vụ cho một ông chồng, mấy đứa con trai và mấy người anh em trai khác trong nhà. Những người đàn ông trong nhà không biết lay một ngón tay để giúp đỡ bà. Một buổi sáng chủ nhật kia, họ kéo nhau đi chơi ở ngoài, chỉ còn lại người đàn bà với đủ thứ công việc nội trợ. Buổi trưa khi về đến nhà, thay cho mâm cơm trên bàn họ chỉ thấy mặt bàn trống trơn.

Chờ cho những người người đàn ông chấm dứt những lời than phiền kẻ cả của họ, người đàn bà mới lên tiếng nói: "Các ông chỉ chờ cho tôi sai sót để trách móc. Từ bao lâu nay tôi hầu hạ các ông, mà các ông có bao giờ mở miệng nói lên một lời cảm ơn hay khen ngợi tôi không?"

4. Người đàn bà có nhu cầu được khen ngợi và đón nhận những lời cảm ơn của người khác. Một người đàn ông muốn giữ vợ, một người đàn ông muốn sống hoà thuận với vợ, người đàn ông ấy phải biết mở miệng khen ngợi và cảm ơn vợ mình.

Một người chồng tốt sẽ không bao giờ coi những việc vợ làm cho mình là một bổn phận, là điều phải làm. Hãy đón nhận tất cả những gì vợ làm cho mình như một trao ban. Hãy không ngừng nói lên những tiếng cảm ơn và những lời khen tặng. Nhạc sĩ Bach đã có lần nói với vợ ông, "Cho dầu gương mặt em có vẻ mệt mỏi, cho dầu tóc em có bạc màu, em vẫn trẻ đẹp như cách đây hai mươi năm".

Những tiếng cảm ơn và những lời khen tặng mà người chồng dành cho vợ không chỉ là những công thức của phép lịch sự và xã giao, mà phải xuất phát từ lòng chân tình của mình. Cái chân tình ấy không xuất phát cách tự nhiên, mà là kết quả của sự thay đổi trong cái nhìn.

Người chồng đừng quên rằng, những cái mà ông cho là nhỏ nhặt, là vớ vẩn, là chuyện đàn bà có thể là những điều rất quan trọng đối với vợ ông. Nếu người đàn ông biết nhìn ra tầm quan trọng của những cái nhỏ nhặt, không ra gì đó có lẽ ông đã tìm ra được bí quyết của

hạnh phúc gia đình.

Nói cách khác, người chồng đó đã hiểu được vợ, đã cảm thông với vợ, và nhất là đã biết quan tâm đến vợ mình.

Tác giả: D. WAHRHEIT (Lm. Minh Anh, GP. Huế tổng hợp biên tập)

VỀ MỤC LỤC

TÍNH THÂN MẬT CỦA ĐỜI SỐNG ĐỘC THÂN LINH MỤC

[BẢN THẢO]

LINH MỤC GIÁO PHẬN SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN

TRONG BỐI CẢNH THỰC TẾ CỦA GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM HÔM NAY

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

CHƯƠNG MỘT

LINH MỤC GIÁO PHẬN TƯƠNG LAI

SỐNG TỐT ĐỜI SỐNG ĐỘC THÂN LINH MỤC

TRONG BỐI CẢNH GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM HÔM NAY

(tiếp theo)

C. TÍNH THÂN MẬT CỦA ĐỜI SỐNG ĐỘC THÂN LINH MỤC

C.I. TƯƠNG QUAN NAM NỮ VÀ THÂN MẬT GIỚI TÍNH

C.I.1 Tương quan Nam Nữ

Tương quan nam nữ khởi sự từ đầu khi Thiên Chúa sáng tạo con người: người nam và người nữ là một phần của nhau, bổ túc cho nhau và sự sống vẫn tiếp tục trải ra và phát triển, cả nhân bản và thiêng liêng.

Thiên Chúa đã dựng nên con người có nam có nữ. Biểu tượng Âm-Dương chứa đựng tất cả triết lý về cuộc sống con người. Vòng tròn mô tả tính phổ quát của âm dương. Phần màu đen tượng trưng cho Âm, còn phần màu trắng tượng trưng cho Dương.

Âm Dương tách biệt nhau, không phải bằng một đường thẳng, song bởi một đường cong hòa điệu và mềm mại. Do đó, tất cả những gì tiến tới, hoạt động và sáng là dương, còn những gì lùi lại, tiếp nhận và tối là âm. Dương tượng trưng cho trời, ngày, mặt trời, đàn ông, lửa, hành động, sức mạnh, niềm vui. Ngược lại, Âm tượng trưng cho đất, đêm, mặt trăng, đàn bà, nước, nghỉ ngơi, yếu đuối, đau khổ.

C.I.2 Thân mật giới tính

Desmond Morris (người Anh) chia các hành vi của các bộ phận cơ thể đối ứng tương tác với nhau theo hai giai đoạn yêu thương:

1) Giai đoạn yêu thương chia sẻ:

- . Mắt đối với cơ thể
- . Mắt đối mắt

. Lời nói đối lời nói

2) Giai đoạn yêu thương có tiếp xúc cơ thể trực tiếp:

. Bàn tay đối bàn tay

. Cánh tay đối vai

. Cánh tay đối eo

. Miệng đối miệng

. Tay đối ngực

. Miệng đối ngực

. Tay đối cơ quan sinh dục

. Cơ quan sinh dục đối cơ quan sinh dục

Khi đôi bạn chuyển từ giai đoạn yêu thương chia sẻ sang giai đoạn yêu thương có tiếp xúc cơ thể trực tiếp bằng một thứ ngôn ngữ không lời, thì tình cảm giữa họ càng sâu đậm hơn. Các hành vi đầu giúp thắt chặt thêm tình cảm giữa hai người, còn giai đoạn cuối cùng là hiệu ứng nảy sinh từ những hành vi thân thiết ấy, có tác dụng kết tinh tình cảm và tình dục của cả hai.

Đối với loài người, hành vi tình dục đem lại những cảm nghiệm sâu đậm đến tận xương tủy, gắn liền với những yếu tố nền tảng của luân lý và đạo đức. Hãy dành thời gian học cách yêu thương, học cách nhận biết và đáp đền. Hai bên hãy kìm giữ tốc độ chậm lại, ngay cả sức lực định dồn vào chuyện yêu đương cũng nên chuyển thành dịu dàng và kiên nhẫn, đồng thời tăng mức độ và thời gian suy nghĩ, cảm nhận, hướng về nhau.

Tình dục không nằm trong sự bảo trợ của tình yêu nồng thắm thì không những không thúc đẩy tình yêu thăng hoa, mà ngược lại còn có thể giết chết tình yêu. Sự phát triển tâm lý giới tính thường trải qua 3 giai đoạn:

- thời kỳ phân cảm giới tính dẫn đến xa lánh người khác phái,
- thời kỳ cảm tình với người khác phái,
- và thời kỳ luyện ái lãng mạn.

Những xúc động, xao xuyến của tình cảm đầu đời nếu được sẻ chia, nâng đỡ, định hướng đúng sẽ là con đường đạt tới sự nếm trải trọn vẹn hạnh phúc làm người. Nếu không được quan tâm và giáo dục đúng, để mặc các em mò mẫm tự tìm cho mình lời giải đáp, sẽ dễ bị sa ngã dưới sức ép của bản năng.

Thân thể của ta chỉ thuộc về ta, ta phải chịu trách nhiệm về nó. Biết trân trọng thân thể của mình, biết yêu lấy chính mình là ta biết cách ứng phó với mọi tình huống, có cách nhìn nhận về tình bạn, tình yêu, quan hệ giới tính một cách nghiêm túc, tránh được sa ngã và những hậu quả thương tổn đến đời sống thể lý, tâm lý, thiêng liêng và hành trình ơn gọi.

Do đó, mỗi người cần được trang bị những kiến thức đúng đắn về giới tính; không chỉ là những kiến thức khoa học về sinh lý, sự thai nghén sinh nở, di truyền, các bệnh tình dục... mà điều quan trọng chính là giáo dục về nhân bản, tình bằng hữu, tình yêu thương, sự tự do, ý thức trách nhiệm, lòng thủy chung với chọn lựa và cam kết cuộc đời.

C.II. LINH MỤC CŨNG LÀ CON NGƯỜI

C.II.1 Nhu cầu tình yêu

Nhu cầu là một cái gì cần phải có để làm đầy đủ nhân cách của chúng ta. Nó là một đòi hỏi bên trong cần phải được thỏa mãn một cách phải lẽ, nếu chúng ta muốn có hạnh phúc trong đời sống mình.

Khi nhu cầu được thỏa mãn thì có sự điều chỉnh thích hợp, còn khi nhu cầu không được thỏa mãn thì có sự điều chỉnh không ăn khớp trong nhân cách của chúng ta. Kết quả của việc không thỏa mãn nhu cầu là chúng ta cảm thấy hụt hẫng, căng thẳng, mất quân bình, không ổn định trong đời sống, ảnh hưởng đến đời sống thiêng liêng và sứ vụ.

Mọi con người đều có một ước nguyện nội tâm và nhu cầu tình yêu, một nhu cầu tâm lý cơ bản. Một trong những thúc đẩy sâu xa nhất của bản tính tự nhiên của con người là yêu và được yêu.

Yêu một người nào có nghĩa là lắng nghe, hiểu biết, thấu cảm, chấp nhận, tôn trọng, và quan tâm, săn sóc người đó. Được yêu có nghĩa là được người khác chọn làm đối tượng đặc biệt của cảm giác yêu mến và thích thú của họ. Được yêu làm cho người ta hạnh phúc, và càng được yêu, người ta càng trở nên tự do hơn để yêu chính mình và yêu những người khác.

Khi nhu cầu tâm lý này không được thỏa mãn, bị bỏ bê, bị lừa dối thì một sự trống rỗng sâu xa phát triển nơi một người, và kết quả là người ấy cảm nghiệm những chán nản, khó chịu, thiếu hạnh phúc, tha hóa, vỡ mộng, cô đơn v.v... tác động tiêu cực lên đời sống thiêng liêng và sứ vụ.

Do không thỏa mãn nhu cầu yêu thương này, người ta đau khổ vì thiếu dinh dưỡng tâm lý và tình yêu; có thể nhiễm chứng căng thẳng thần kinh, bị stress, cản trở việc tăng trưởng thiêng liêng.

Con người cố gắng đáp ứng những nhu cầu tâm lý qua cách ứng xử của mình. Và việc thiết lập tình bạn thân mật sẽ thỏa mãn nhu cầu tâm lý căn bản yêu và được yêu của mình. Nhưng sự thỏa mãn đó phải được biểu lộ trong bối cảnh của đời sống ơn gọi thánh hiến.

(xin đọc "Tình bạn như nhiệm tích").

C.II.2 Nhu cầu thân mật

Thân mật là một tình cảm đặc biệt đối với một người nào đó. Mọi người cần đến loại thân mật này để sống nhân bản lành mạnh. Tuy nhiên cấp độ của sự thân mật này có thể thay đổi từ người này đến người khác.

Con người ai cũng ước mong sự liên hệ này, tức là muốn yêu thương một người nào đó và muốn được người ấy yêu thương mình. Là người độc thân thánh hiến, chúng ta cũng nên thừa nhận rằng chúng ta cũng có những nhu cầu này trong cuộc sống, và những nhu cầu này phải được đáp ứng bên trong bối cảnh ơn gọi của chúng ta.

Nếu mỗi người chân thành yêu thương người khác và cảm nhận được người khác yêu thương thì nhu cầu kia được thỏa mãn và tình cảm con tim được bảo hòa. Chúng ta nên nhớ rằng tất cả chúng ta đều là những con người bất toàn, chứ không phải những con người hoàn hảo. Chúng ta không thể nói rằng chúng ta đã được giải thoát khỏi mọi nhu cầu này, vì chúng ta đã hiến dâng cuộc đời vì Nước Thiên Chúa. Chúng ta không thể nói rằng những nhu cầu này không có ảnh hưởng gì trên cuộc đời chúng ta vì chúng ta được Thiên Chúa kêu gọi để thi hành sứ mệnh của Người. Hãy nhìn nhận sự kiện chúng ta trước hết là con người, rồi là linh mục; và những nhu cầu này phải được kiện toàn trong bối cảnh ơn gọi của mình.

(video "Tình yêu và sứ mệnh")

Trước Vatican II, sự quen thân và tình bạn thân mật chỉ được chia sẻ với Chúa Kitô, chứ không được chia sẻ với con người nào khác. Nhưng sau Vatican II, người ta hiểu rằng chúng ta không được lơ là thân mật với Chúa, nhưng đồng thời được khuyến khích thân mật với con người. Quả thế, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay nói: *"Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ... Họ phải cảm thấy thực sự liên hệ mật thiết với loài người và lịch sử nhân loại"*^[15]

Đôi khi chúng ta chia ra từng ngăn đời sống bằng cách nói rằng chúng ta, những linh mục và tu sĩ, phải kính mến một mình Thiên Chúa thôi, con người không được xen vào: "... *Người không kết bạn thì chuyên lo việc Chúa và tìm cách làm đẹp lòng Người. Còn người kết bạn thì lo lắng việc đời và tìm cách làm đẹp lòng bạn mình, thế là bị phân chia*" (1 Cor 7,32). Thánh Gioan Tông Đồ nhấn mạnh tính cách quan trọng của lòng kính mến Chúa và yêu thương cận nhân: "*Nếu ai có của cải thế gian và thấy anh em mình lâm cảnh túng thiếu, mà chẳng động lòng thương thì làm sao tình yêu Thiên Chúa ở lại trong người ấy được?*" (1 Ga 3, 17)

Ngài nói tiếp: "*Thiên Chúa chưa ai được chiêm ngưỡng bao giờ. Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta, và tình yêu của Người nơi chúng ta mới nên hoàn hảo*" (1Ga 4, 12). "*Nếu ai nói: 'Tôi yêu mến Thiên Chúa' mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối, vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy.*" (1Ga 4, 20)

Vậy mệnh đề trái tim không phân chia không làm tương phản liên hệ hay tình yêu của người độc thân thánh hiến và người có gia đình đối với Thiên Chúa và tha nhân, đúng hơn nó biểu thị phẩm tính của mỗi liên hệ tình yêu nơi người tín hữu và người độc thân thánh hiến: Thiên Chúa là nguyên ủy và là trọng tâm.

(Slideshow Tình yêu đã chọn)

C.II.3 Nhu cầu hạnh phúc

Con người luôn luôn khao khát hạnh phúc, tìm kiếm hạnh phúc và dừng lại để thụ hưởng hạnh phúc, từ hạnh phúc cao khiết của tinh thần, cho đến cảm khoái vật chất và nhục dục. Nhưng không bao giờ con người cảm nhận được thỏa mãn hạnh phúc trọn vẹn ở trong những sự đời này.

Từ chỗ đó, con người đi tìm hạnh phúc vĩnh cửu và bắt gặp được Thiên Chúa. Thánh Augustinô cảm nghiệm sâu sắc điều đó khi ngài nói: "Linh hồn tôi khắc khoải cho đến khi nào được nghỉ yên trong Chúa."

C.III. TÍNH DỤC VÀ KHOÁI CẢM

Tính dục là hồng ân của Thiên Chúa ban như một chiều kích tích cực và lành mạnh của nhân cách. Tính dục có thể là tính dục tình ý hay tính dục sinh dục (tính dục).

C.III.1 Tính dục tình ý

Tính dục tình ý là phần tình cảm của nhân cách. Nó là khía cạnh liên hệ nhân bản và bao gồm tính nhạy cảm, sự hiểu biết, sự đón nhận, sự nồng ấm, sự cảm kích, lòng trắc ẩn, sự nâng đỡ, sự săn sóc v.v... Tính dục tình ý biểu lộ cảm giác yêu mến, gồm những đặc tính tinh thần, xã hội, dễ xúc động với tâm lý riêng cho nam và nữ.

C.III.2 Tính dục sinh dục

Tính dục sinh dục hay tình dục ám chỉ những gì liên quan đến kích thích hay sử dụng bộ phận sinh dục của thân thể con người (tự mình hay bởi người khác và cho người khác). Tính dục Sinh dục gồm hai khía cạnh/mức độ: Tình yêu sinh dục và Ứng xử sinh dục

C.III.2a Tình yêu sinh dục

Tình yêu sinh dục là có những ham muốn sinh dục, cảm giác sinh dục, tư tưởng sinh dục, tưởng tượng sinh dục... nhưng không được thực hiện thành ứng xử. Cảm nhận tình yêu sinh dục là điều bình thường vì tất cả chúng ta đều là những con người. Tình yêu sinh dục có thể xảy ra, được hoạt hóa tự nhiên hoặc thăng tiến một cách tự phát hay chủ ý.

Cuộc sống hiền ngang đầy can đảm,

Mưu thần chúc quý biết phòng xa,

Khổ đau không để chôn chân bước,

*Nẻo chính hằng theo bỏ lối tà.
Không ngừng bảo vệ luôn gìn giữ,
Thể xác tâm linh mãi vẹn toàn,
Đốt lửa cháy bùng tin cậy mến,
Tiểu trừ tà ý khỏi tâm can.
Đoan trang đức hạnh ngay từ sớm,
Tựa buổi ban mai dật nắng hồng,
Lửa nóng tin yêu thành chính ngộ,
Tâm thần sẽ thoát cảnh hoàng hôn.*

Thánh Thi Kinh Sáng Thứ Hai Tuần I

C.III.2b Cách xử lý tình yêu sinh dục

1) Làm hài lòng

Con người có thể làm hài lòng những cảm giác sinh dục của mình qua ứng xử sinh dục. Nhưng làm hài lòng những cảm giác sinh dục không có chỗ trong đời sống độc thân linh mục:

"Về điểm này, đừng ai làm tổn thương hay lừa dối anh chị em mình, vì Chúa là Đấng trừng phạt tất cả những cái đó, như chúng tôi đã từng báo trước và cảnh cáo anh em. Thật vậy, Thiên Chúa đã không kêu gọi chúng ta sống ô uế, nhưng sống thánh thiện" (1 Th 4, 6-7)

2) Ưc chế

Ưc chế là cách thức xô ngã những cảm giác sinh dục vào vô thức. Nó là phương pháp loại trừ khỏi ý thức những thúc đẩy, cảm nhận, cảm giác làm xáo trộn tâm lý. Đây là sự cố tình không chú ý tới, quên lãng đi, hay hướng qua một cái gì khác.

3) Đàn áp

Đàn áp là hành vi ý thức kiểm soát và kiềm chế một ý nghĩ, một cảm giác và không chấp nhận nó. Người ta ý thức và cố ý gạt bỏ những cảm giác sinh dục, không cho chúng biểu hiện, dựa trên lý trí và có cân nhắc, nghĩa là khi đàn áp những cảm giác sinh dục, chúng ta quyết định không tác động chúng. Đàn áp những cảm giác sinh dục đôi khi là tốt, nhưng nó cũng có thể gây phiền phức. Trong việc đàn áp những cảm giác sinh dục, nghị lực tâm linh cũng tác động bên trong cơ thể chúng ta.

Đường anh anh đi, đường em em đi, tình nghĩa đôi ta có thể thôi, đã quyết không mong sum họp nữa, bận lòng chi nữa lúc chia phôi

(Nửa Chừng Xuân)

4) Thăng hoa

Thăng hoa là tiến trình của nghị lực tâm linh chuyển những cảm giác không chấp nhận được sang hành động và cách ứng xử được xã hội chấp nhận, tán thành: (xem Hồn Bướm Mơ Tiên: "Yêu nhau trong tinh thần, trong lý tưởng...").

Thăng hoa có lẽ là cơ chế hiệu quả nhất trong việc xử lý những cảm xúc sinh dục. Chúng ta có thể thăng hoa những cảm giác sinh dục bằng cách tái hướng nghị lực đến hành động thăng tiến đời sống tu trì đích thực ("*bắt đầu và lại bắt đầu*")

Chúa đã gọi anh,

Chúa đã gọi em.

Chúa đã gọi sao còn một tiếng gọi?!

Lòng như lòng can đảm đẹp mến thương,

Vâng tiếng Chúa,

Quyết giúp nhau sống cho tròn sứ mệnh.

(Hát Xin giữ con)

C.III.2c Ứng xử sinh dục

Chính con người mới có tình yêu sinh dục và chỉ có con người mới biểu lộ tình yêu sinh dục (làm tình) bất cứ mùa nào, lúc nào và bất cứ ở đâu; khác với loài vật chỉ có mùa theo bản năng. Nhưng để là con người thì không nhất thiết phải ứng xử theo tình dục. Một người trưởng thành có thể không tự cho phép mình ứng xử theo tình dục, hướng chi là một người sống đời thánh hiến trưởng thành [tiết dục trọn vẹn và trường kỳ].

Ứng xử sinh dục đòi sự cam kết hôn nhân, nên chỉ hôn nhân mới được đòi liên hệ ứng xử sinh dục. Như thế, ứng xử sinh dục không có chỗ trong đời sống độc thân linh mục và trong tình bạn độc thân thánh hiến, vì tình bạn của người độc thân thánh hiến luôn luôn là không có ứng xử sinh dục. Ứng xử sinh dục đối với một người độc thân thánh hiến là không trong sạch.

(Slideshow Chúa đã chiếm đoạt con rồi)

C.III.3 KHOÁI CẢM

Biết loại khoái cảm mà chúng ta cảm nhận trong mình và tìm cách tốt nhất để xử lý chúng là điều tốt.

C.III.3a Khoái cảm tinh thần

Khoái cảm này nổi lên từ sự vận hành của trí tuệ con người, nghĩa là trí năng và ý chí (đọc một cuốn sách hay, thưởng thức một bản nhạc ý nghĩa, ngắm một phong cảnh đẹp, v.v...). Không nên lẫn lộn khoái cảm tinh thần với khoái cảm sinh dục.

C.III.3b Khoái cảm giác quan

Khoái cảm này đi theo sự vận hành của các giác quan như thị giác, xúc giác, thính giác, vị giác và khứu giác. Có hai loại khoái cảm giác quan:

1) Khoái cảm giác quan đơn thuần

Nổi lên từ hoạt động của các giác quan và thường không liên kết với khoái cảm sinh dục. Không nên lẫn lộn khoái cảm giác quan đơn thuần với khoái cảm sinh dục.

2) Khoái cảm giác quan liên quan đến tình dục

Nổi lên từ sự vận hành của các giác quan và dẫn đến khoái cảm sinh dục.

Lạy Cha cực thánh, nguyện hồng ân vô hạn, Chặn đứng ngay những khoái cảm bên ngoài, Lén vào hồn xúi dục tình náo loạn, Ép tinh thần sa chước độc trần ai.

(Thánh Thi Kinh Sáng thứ Ba tuần IV)

Này ngôn ngữ, xin dẫn cho êm lại, Nổi bất bình, thu xếp gọn một bên, Còn đôi mắt, ngăn đừng cho cuồng dại, Thu bóng hình những ảo ảnh phù vân.

Cho tấc dạ trinh bạch như tuyết trắng, Mãi can trường trong thử thách đau thương, Khi tiết độ, khi cầu kinh nguyện ngắm, Vững tâm theo đường đạo lý luân thường.

(Thánh thi kinh Sáng Thứ Nam tuần IV)

C.III.3c Khoái cảm sinh dục

Khoái cảm sinh dục nổi lên là kết quả của sự kích thích cơ quan sinh dục. Sự vận hành của các giác quan cũng có thể kích thích khoái cảm sinh dục nơi một người. Hai loại khoái cảm sinh dục:

1) Khoái cảm sinh dục được muốn trực tiếp

Nếu mục đích chính của một hành động là để có khoái cảm sinh dục thì đó là khoái cảm sinh dục được muốn trực tiếp (ứng xử tình dục). Độc thân thánh hiến loại trừ khoái cảm sinh dục được muốn trực tiếp.

Xin thương bảo vệ hương thanh khiết,

Sợ lúc đêm về giữa cô đơn,

Lợi dụng tối tăm thần quỷ quyết,

Phóng tên ác độc giết tâm hồn.

Xin che chở trí lòng luôn thoát khỏi,

Dục tình cường bạo cứ đuổi theo,

Và muôn cảm nghĩ đầy tội lỗi,

Cho mảnh hồn thiêng mãi yêu kiều

(Thánh thi Kinh Chiều thứ Ba tuần IV)

2) Khoái cảm sinh dục được muốn gián tiếp

Nếu khoái cảm sinh dục nổi lên như một phó phẩm của một hành động không trực tiếp muốn, thì đó là khoái cảm sinh dục được muốn gián tiếp (không phải ứng xử tình dục). Ở đây mục đích chính của hành động là cái gì khác, chứ không phải để tìm khoái cảm sinh dục. Thí dụ vào dịp sinh nhật của một người bạn, bạn mang quà đến tặng diễn tả tình cảm của bạn với người bạn ấy, bạn có thể cảm nhận khoái cảm sinh dục nơi bạn, vì bạn là một con người. Nhưng khoái cảm bạn đang cảm nhận chỉ là phó phẩm của việc bạn bày tỏ tình thương mến.

C.IV CÁC LOẠI THÂN MẬT CỦA LINH MỤC

C.IV.1 Thân mật không dành riêng

Thân mật dành riêng là tình bạn được tập trung vào một người duy nhất, có khả năng dẫn đến ứng xử sinh dục. Sự thân mật người độc thân thánh hiến phải luôn luôn là không dành riêng, bởi vì tình yêu người độc thân thánh hiến không chỉ hướng tới một người duy nhất, nhưng luôn luôn phải mở ra đối với mọi người. Sự thân mật dành riêng là kẻ thù đối với sự thân mật của người độc thân thánh hiến.

C.IV.2 Thân mật không sở hữu

Người đang yêu muốn được sở hữu đối tượng. Ghen tương là khuynh hướng sở hữu trong thân mật. Ghen tương nổi lên là kết quả của so sánh. So sánh dẫn đến những mặc cảm tự ti. Không có so sánh thì không có ghen tương. Không có ghen tương có nghĩa là không có sở hữu. Timothy Radcliffe chỉ ra rằng tình bạn mời gọi những người độc thân thánh hiến giúp đỡ người khác mà không tìm cách sở hữu. Chấp nhận bạn như bạn là, và chấp nhận người bạn yêu như người ấy là, lòng bạn sẽ bình an và đời sống thiêng liêng của bạn sẽ tiến bộ.

C.IV.3 Thân mật có chọn lựa

Chúng ta được kêu gọi để yêu thương mọi người, nam cũng như nữ. Một người cố gắng sống thân mật với mọi người thì không cảm nghiệm thân mật với riêng một ai cả. Do đó sự

thân mật của chúng ta có tính cách chọn lựa. Song chọn lựa ở đây không có nghĩa là chỉ có một người. Nếu chỉ một người mà thôi, thì đó là tình bạn dành riêng. Nhưng thân mật dành riêng không có chỗ trong đời sống người độc thân thánh hiến, nhất là đối với người khác phái.

C.IV.4 Khoảng cách và sự riêng tư

Trong sự thân mật của người độc thân thánh hiến, người ta phải giữ khoảng cách trong một số liên hệ, để duy trì tình bạn với những người khác. Cũng như cuộc sống cá nhân đòi hỏi sự riêng tư thì tình bạn cũng cần sự riêng tư. Bạn bè có quyền có sự riêng tư và tin cẩn gần như tòa trong vậy.

C.IV.5 Độc lập trong thân mật

Dấu hiệu của sự trưởng thành trong liên hệ tình bạn là tính cách độc lập. Bạn bè phải có sự độc lập của mình. Quá tùy thuộc trong thân mật cũng là dấu hiệu của sự thiếu trưởng thành, vì nó dẫn đến thái độ bất cập hoặc thái quá.

C.IV.6 Đụng chạm và thân mật

Liên hệ đụng chạm không sinh dục là điều có thể được trong thân mật của người độc thân thánh hiến. Nhưng nên nhớ rằng đụng chạm cũng có thể dẫn tới ứng xử sinh dục. Khả năng đụng chạm là một hồng ân Chúa ban, và việc đụng chạm có thể thật đầm ấm, nên dùng nó với đúng người và vào đúng lúc. Sự thân mật người độc thân thánh hiến không đòi đụng chạm thể lý, nhưng nó cũng không loại trừ hay ngăn ngừa.

C.IV.7 Đối đầu trong thân mật

Đối đầu là một cố gắng chủ ý để giúp người kia khảo sát những hậu quả của một ứng xử nào đó của mình. Do đó đối đầu là một lời mời gọi xét mình, kiểm điểm đời sống, thay đổi cách sống, cách hành xử. Mục tiêu của đối đầu là một cách diễn tả tình yêu và sự quan tâm đối với người kia. Nó cũng là một cách tăng cường mối tương quan với người ấy. Chúng ta không mong giúp đỡ được người bạn, nếu không cố ý tăng cường tình bạn của chúng ta với người ấy.

Phê bình, chỉ trích, trách mắng, thi hành kỷ luật v.v... sẽ không mang lại sự thay đổi nơi người kia, vì thay đổi là kết quả của sự đối đầu cộng với tình yêu và ơn Chúa. Cần lưu ý rằng rất thường chúng ta thấy đối đầu với người mà chúng ta không thích thì dễ, còn đối đầu với những người chúng ta yêu mến thật khó, vì hay vị nể và sợ mất lòng. Do đó, đối đầu trong thân mật của người độc thân thánh hiến rất quan trọng để lớn lên, không những trong tình bạn mà còn trong con đường lý tưởng.

C.IV.8 Cởi mở trong thân mật

Cần phải cởi mở về sự thân mật đối với Chúa, cha giải tội, vị linh hướng, bề trên và bạn thân. Có thể có những thời gian chúng ta phải đối mặt với những vấn đề, khó khăn, nghi ngờ trong các mối tương quan. Trong những thời gian này, chúng ta nên chia sẻ những khó khăn của chúng ta với một người tin cẩn nào đó để có được sự giúp đỡ thích hợp của họ.

C.IV.9 Trung thành với ơn gọi

Người độc thân thánh hiến phải bén rễ sâu trong ơn gọi độc thân thánh hiến của mình với Chúa Giêsu, với Giáo hội, và với thừa tác vụ của mình. Khi lớn lên trong thân mật thì ta cũng phải lớn lên trong sự mộ mến độc thân linh mục. Tình bạn độc thân thánh hiến cho ta nghị lực tâm lý và thiêng liêng để thực hiện thừa tác vụ của mình tốt hơn và sống xứng ơn gọi của mình.

Để sống tốt đời độc thân linh mục, chúng ta phải thực hành cầu nguyện, suy niệm và khổ chế cá nhân dựa trên các nhân đức được sống trong đời sống hằng ngày. Đời sống độc thân linh mục vì Nước Trời phải được trình bày như một chọn lựa rất thuận lợi cho việc hân hoan loan báo Chúa Kitô Phục Sinh. Ở tình trạng này, chúng ta dễ dàng ở gần Chúa Kitô hơn, với một trái tim không chia sẻ, và được tự do hơn trong việc trao hiến chính mình phục vụ Chúa và Dân Chúa với lòng quảng đại.

Nhờ đời sống cầu nguyện, hiệp nhất với Chúa Kitô và tình huynh đệ chân thành, ta có thể giữ gìn cách hân hoan và trọn vẹn đời sống độc thân linh mục của mình. Cùng với Hội Thánh, linh mục phải khiêm tốn và kiên định cầu nguyện cho ơn trung thành và sử dụng mọi sự trợ giúp siêu nhiên cũng như tự nhiên, đặc biệt là lối thực hành khổ chế đã được trải nghiệm và chấp nhận trong Hội Thánh.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

VẤN ĐÁP ẤM THỰC

1- Sữa Ong Chúa” là gì? Giá trị dinh dưỡng và trị bệnh ra sao?

Tiếng Anh của Sữa Ong Chúa là “Royal Jelly”.

Đây là một chất lỏng như sữa do những hạch đặc biệt ở họng của ong thợ sản xuất chứ không phải do Ong Chúa làm ra. Ong thợ hòa lẫn phần hoa với mật ong và vài loại enzym để có sữa. Thành ra có lẽ phải gọi là sữa Nuôi Ong Chúa mới chính xác.

Tất cả các ấu trùng ong đều được nuôi với sữa này trong vòng 2,3 ngày để rồi đến ngày thứ tư thì ngưng và trở thành ong thợ. Đặc biệt một vài trong số các ấu trùng được lựa chọn và tiếp tục chăm mình tiêu thụ chất dinh dưỡng này để trở thành Ong Chúa.

Ong Chúa tăng trưởng lớn nặng gấp đôi các ong khác và đẻ ra vô số trứng. Theo nhiều nghiên cứu, ong chúa sống lâu tới 5,6 năm trong khi đó tuổi thọ của ong thợ chỉ từ 35-45 ngày. Ong chúa có khả năng đẻ ra 3000 trứng mỗi ngày trong suốt mùa ong và kéo dài tới 5 năm. Đây là một số trong nhiều yếu tố mà các nhà sản xuất sữa căn cứ vào để quảng cáo ảnh hưởng có lợi của sữa lên con người. Ong chúa khỏe mạnh, tuổi thọ cao, thời gian哺乳 sinh đẻ phong phú.

Sữa ong chúa có khoảng 60% nước, các chất dinh dưỡng như đạm, đường, chất béo cộng thêm các vitamin nhóm B, niacin, folic acid, một số enzym. Sữa được thu nhận từ các ngăn trong tổ ong mà ong chúa nằm. Trung bình, trong mùa ong từ 5-6 tháng, mỗi tổ ong cho khoảng 500- 700gr sữa.

Cho tới nay, khoa học vẫn chưa tìm ra một chất dinh dưỡng quan trọng nào trong sản phẩm này mà thực phẩm thường dùng đã có. Theo nhiều nghiên cứu, dù sữa có đủ các loại enzym đặc biệt, chúng cũng không giúp ích gì cho sức khỏe vì chúng bị biến đổi trong việc tiêu hóa chứ không trực tiếp hấp thụ nguyên trạng vào các cơ quan.

Nhiều người dùng sữa ong chúa trong các bệnh như cao cholesterol, hen suyễn, khó ngủ, loét bao tử, viêm gan, tuyến tụy, tăng cường miễn dịch, hói tóc. Một vài nghiên cứu gợi ý rằng sữa ong chúa có thể làm hạ cholesterol, chống viêm, có tác dụng như chất kháng sinh, giúp vết thương mau lành, ngăn ngừa sự thành hình u bướu, xơ cứng lòng động mạch. Một số ý kiến cho là sữa có tác dụng lên toàn cơ thể chứ không riêng cho một chức năng sinh học nào. Do đó, còn cần có nhiều nghiên cứu khoa học nữa để xác định tác dụng trị bệnh của sữa ong chúa với các bệnh kể trên.

Năm 1992, Ủy Ban Thương Mại Hoa Kỳ (FTC) chịu trách nhiệm về thực phẩm, có cảnh cáo công ty CC Pollen khi công ty này quảng cáo rằng chỉ có honeybee pollen là có đủ tất cả các loại enzym với tỷ lệ hoàn toàn cân bằng. Quảng cáo này không được dẫn chứng khoa học hỗ trợ và công ty đã phải bỏ lời quảng cáo có tính cách phóng đại này.

Điều cần lưu ý là mật ong hoặc sữa ong chúa có thể gây ra dị ứng như nổi ngứa trên da, hen khó thở, viêm xuất huyết dạ dày hoặc phản ứng sốc trầm trọng (phản vệ), đôi khi tử vong (1). Lý do là ong lấy phấn từ nhiều loại hoa khác nhau và nhiều người có thể đã bị dị ứng với phấn hoa này. Do đó không nên dùng khi bị bệnh hen suyễn để tránh bệnh trầm trọng hơn.

Chưa có chứng minh an toàn của sữa ong chúa với phụ nữ có thai hoặc cho con bú sữa

mẹ. Do đó, các nhà chuyên môn y khoa đề nghị là các vị này không nên dùng sữa ong chúa, để bảo đảm an toàn cho thai nhi. Họ cũng khuyên là không nên dùng sữa ong chúa quá lâu để tránh các rủi ro dị ứng. Có báo cáo cho hay là người đang dùng thuốc chống đông máu Coumadin, nên cẩn thận vì sữa có thể tăng tác dụng của Coumadin, khiến cho rủi ro出血, xuất huyết xảy ra nhiều hơn.

Trên thị trường, sữa được bán như một thực phẩm phụ (food supplement) dưới hình thức hơi đặc tự nhiên, cần cất giữ trong tủ lạnh, dạng khô trong viên thuốc hoặc trong các mỹ phẩm thoa da. Vì không phải là dược phẩm, nên sữa không đặt dưới sự kiểm soát của cơ quan thực dược phẩm công quyền. Nhờ đó, các nhà sản xuất tự do "khuyến mãi, quảng cáo".

Về liều lượng, nên theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

Và cũng nên tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi dùng các chất thiên nhiên, trong đó có sữa nuôi ong chúa.

2- Thịt bò, thịt heo do sinh sản vô tính (clone) tạo ra có an toàn cho người tiêu thụ không?

Đây là vấn đề còn có rất nhiều tranh luận, không những về khía cạnh an toàn thực phẩm mà còn về đạo đức, tôn giáo.

Trước hết clone động vật là gì?

Trứng của một vật được lấy đi phần nhân di truyền và thay thế bằng nhân di truyền của con vật khác mà mình muốn clone. Nhân này có thể từ một tế bào nào đó ở dưới da, tai của con vật.

Một luồng điện nhỏ kích thích để trứng rụng với nhân di truyền rồi phân sinh làm hai, làm bốn...như các trứng thụ tinh bình thường khác và trở thành phôi bào.

Phôi bào được đặt vào tử cung của bò hoặc heo nào đó để mang thai hộ rồi đẻ ra con. Thế là ta được một con vật do sinh sản vô tính với các đặc tính mà mình muốn có.

Sinh sản vô tính được thực hiện lần đầu vào năm 1996, khi các khoa học gia bên Anh tạo ra cừu Dolly.

Tháng Giêng năm 2008, Cơ quan Thực-Dược Phẩm Hoa Kỳ tuyên bố là thịt và sữa từ bò, cừu, heo do clone đều hoàn toàn giống như thịt từ súc vật sinh đẻ tự nhiên, bình thường, do đó an toàn cho người tiêu thụ. Đây là kết quả các nghiên cứu mà cơ quan đã thực hiện từ năm 2001. Cơ quan này cũng cho biết là nhà sản xuất không cần ghi nguồn gốc thực phẩm là do sinh sản vô tính trên nhãn hiệu thực phẩm.

Tuy nhiên, giới tiêu thụ vẫn còn ngần ngại với lý do là chưa có đủ dữ kiện khoa học chứng minh thịt do clone an toàn.

Ngoài ra, vấn đề đạo đức cũng được nêu ra. Như là khi clone như vậy, con người đã đóng vai Thượng Đế để tạo ra một sinh vật và xâm phạm vào lãnh vực ngoài giới hạn của mình.

Thịt súc vật clone chưa được bày bán vì đúng ra, mục đích của sự clone không phải để lấy thịt mà là để tạo ra con giống tốt. Con cái của những con giống tốt này mới là mục tiêu của nhà sản xuất.

Và lại, clone một con vật cũng rất tốn kém: con bò tốn 18.000 mỹ kim, con heo tốn 6000 mỹ kim.

3- Thiếu sinh tố A có thể gây ra những bệnh gì?

Vitamin A thuộc nhóm các sinh tố hòa tan trong chất béo với các nhiệm vụ như giúp nhìn rõ hơn vào ban đêm, giúp kiến tạo và bảo trì răng, da, xương, giúp sự sinh sản bình thường.

Thiếu sinh tố A sẽ đưa tới giảm thị lực, đục giác mạc, còi cọc cơ thể, xương chậm phát triển, da khô có vảy, sỏi thận, giảm khả năng thụ thai, thai nhi kém tăng trưởng.

Vitamin A có nhiều trong dầu gan cá, gan, thận, sữa và các sản phẩm chế biến từ sữa như sữa chua, pho mát. Hiện nay, nhiều loại thức ăn điểm tâm như các loại ngũ cốc khô đều được tăng cường với sinh tố A, cho nên ít khi ta bị thiếu.

Ngược lại khi tiêu thụ quá nhiều sinh tố A có thể gây ra ăn mất ngon, nhức đầu, rụng tóc, mờ mắt, da khô, tính tình nóng nảy.

4- Xin chỉ cho cách cắt giảm chất béo trong món ăn.

Thực ra, chất béo rất cần vì chúng là nguồn cung cấp năng lượng quan trọng cho cơ thể, nhiều hơn là từ chất đạm và carbohydrates. Chất béo cũng có vai trò trong nhiều phản ứng sinh hóa học, cần thiết cho sự tăng trưởng của trẻ em, là thành phần cấu tạo các hormon testosterone, estrogen, là dung môi hòa tan chuyên chở các vitamin A,D,E và K. Tuy nhiên nếu tiêu thụ quá nhiều chất béo thì có rủi ro mắc phải các bệnh tim, mạch máu.

Để cắt giảm chất béo trong thức ăn, có thể áp dụng mấy phương thức như sau:

- Trước khi nấu, hãy lọc bỏ tất cả các sợi mỡ mà ta nhìn thấy trên miếng thịt hoặc lẫn trong thịt băm, Với gà, vịt, loại bỏ da và lớp mỡ nằm ngay dưới da.
- Ăn cá vài ba lần trong tuần, đặc biệt các loại cá có nhiều chất béo omega-3 như cá hồi, cá ngừ, cá thu, cá trích. Cá càng lớn thì omega-3 càng nhiều.
- Khi nướng thịt, đặt thịt trên một cái vỉ, để mỡ chảy xuống dưới, thay vì ngấm vào thịt.
- Ninh hầm hoặc om thịt để chất béo thoát ra khỏi thịt rồi sau đó gạn bỏ.
- Món thịt có nhiều chất béo sau khi nấu, có thể để trong tủ lạnh. Chất béo sẽ đông lại ở bên trên và có thể được loại bỏ dễ dàng. Khi ăn, chỉ cần hâm nóng món ăn.
- Khi hâm món thịt, ta có thể làm thịt mềm ẩm mà không cần thêm mỡ. Hãy đắp một lá cải xanh dưới nồi, đặt thịt lên trên rồi phủ với miếng cải khác. Châm thêm một chút nước dưới đáy nồi. Hâm như vậy, hơi nước sẽ làm cho thịt trở nên mềm và có hương vị ngon hơn.
- Xịt xoong chảo với chất chống dính trước khi chiên, như vậy không cần phải dùng đến bơ, dầu.
- Khi cần một chút dầu cho món ăn có vị béo, nên dùng dầu mè hoặc dầu olive loại tốt. Các dầu này có nhiều hương vị mạnh, do đó chỉ cần dùng mười giọt là đã có được một bát súp, món sà lách, đĩa rau ngon miệng.
- Thay thế bơ với các loại rau có mùi thơm như cà chua, hành, tỏi, nấm, ớt cũng làm tăng hương vị món ăn, như là với bơ vậy.
- Để ý các loại bánh bích quy mỏng, vì chúng thường có nhiều chất béo ma (Tranfasty-acid), không tốt cho cơ thể.
- Lựa cá hộp bảo quản với nước chứ không với các loại dầu.
- Dành một chút thời gian để đọc nhãn hiệu thực phẩm coi xem có những chất béo gì và số lượng nhiều ít ra sao.

Nói chung, để giảm chất béo, nên tiêu thụ nhiều cá, rau, trái cây, và các loại hạt nguyên vẹn.

Bác sĩ Nguyễn Ý- Đức, M.D.

Texas-Hoa Kỳ

(1)Thien FCK, Leung R, Baldo BA, et al. Asthma and anaphylaxis induced by royal jelly. *Clin Exp Allergy* 1996;26:216-22.

Leung R, Ho A, Chan J, et al. Royal jelly consumption and hypersensitivity in the community. *Clin Exp Allergy* 1997;27:333-6.

Yonei Y, Shibagaki K, Tsukada N, et al. Case report: haemorrhagic colitis associated with royal jelly intake. *J Gastroenterol Hepatol* 1997;12:495-9.

Takahashi M, Matsuo I, Ohkido M. Contact dermatitis due to honeybee royal jelly. *Contact Dermatitis* 1983;9:452-5.

Sách "Cổ Học Tinh Hoa" có truyện rằng :

Án Tử làm tướng nước Tề, một hôm đi việc quan, có tên đánh xe theo hầu.

Vợ tên đánh dòm qua khe cửa, thấy chồng tay cầm cái dù, tay cầm dây cương, mặt vác lên trời, dương dương tự đắc.

Lúc chồng về nhà, nàng xin từ bỏ nhà ra đi. Chồng hỏi :

- Tại làm sao ?

Nàng nói :

- Án Tử người gầy thấp và bé nhỏ, nhưng làm đến tướng nước Tề, danh tiếng lừng lẫy khắp thiên hạ, thế mà thiếp xem ông ấy vẫn có ý chín chắn và khiêm nhường, như chưa bằng ai. Chớ như chàng cao lớn đầy đà, mới chỉ làm được một tên đánh xe tầm thường và hèn hạ, thế mà thiếp xem chàng đã ra dáng lấy làm vinh hạnh, tưởng không ai bằng. Thiếp xin bỏ chàng, thiếp đi.

Từ hôm ấy, tên đánh xe bỏ được cái bộ vênh váo, chừa được cái tính nông nổi. Án Tử thấy thế, lấy làm lạ, bèn hỏi. Tên đánh xe bèn đem việc nhà mà kể lại. Án Tử bèn cất cho làm đại phu.

Qua câu chuyện trên, gã bèn nhớ tới một câu nói, được xếp vào hàng "ranh ngôn", như sau:

- Mặc dù vợ không có công sinh ta ra, nhưng lại có công nuôi dưỡng và dạy dỗ ta nên người.

Câu ranh ngôn này, được một tác giả nào đó ngẫu hứng làm thành một bài thơ với tựa đề là "Sợ Vợ" :

- Dù không sinh đẻ ra ta,

Nhưng công nuôi dưỡng thật là lớn lao.

Khi ta đau ốm xanh xao,

Vợ lo chăm sóc hồng hào khỏe ngay.

Sợ ta đi trật đường rầy,

Vợ liền theo dõi, kéo ngay về nhà.

Khi ta tán tỉnh ba hoa,

Vợ liền "quát nạt", để mà răn đe.

Vợ mà dạy, phải lắng nghe,

Mai sau "khôn lớn", mà khoe mọi người.

Nói ra xin hãy chớ cười,

Vợ ta, ta sợ! Vợ người...còn lâu!

Câu ranh ngôn này còn được chứng thực bằng những kinh nghiệm đời thường.

Bên cạnh nhà gã có một anh chàng mới lớn, tính tình rất ngang bướng, lại thích làm đại

ca, nên hễ có chỗ nào đánh nhau, hăn liền vác búa, vác dao tới tham dự, cho dù chỉ là đánh hôi, đánh chùa...Vì thế, hăn được coi là một đại họa cho bà con lối xóm.

Trong một lần “đánh hội đồng”, phe hăn gây thương tích hơi bị nặng cho một anh chàng ở làng khác. Đàn em bỏ chạy, hăn đứng ra chịu tội, nên được ưu ái mời vào nhà tù mấy năm.

Trong trại cải tạo, hăn được tôn làm đại bàng vì thái độ ngông nghênh coi trời bằng vung. Hết thời gian ngồi bóc lịch, hăn trở về quê cũ. Chẳng hiểu ông già bà già hăn tí tê, đồ ngon đồ ngọt thế nào, mà bỗng dưng hăn bằng lòng đi lấy vợ.

Và cũng kể từ khi có bà xã kè kè bên cạnh, hăn như người được lột xác, được thuần hóa, trở nên hiền hòa, chí thú làm ăn, dễ thương và dễ mến, khiến bàn dân thiên hạ phải tấm tắc ngợi khen.

Thành thử, mỗi khi có người cha hay người mẹ nào than phiền về đứa con ngỗ nghịch của mình, các cụ trong dân đều góp ý :

- Cứ bắt cái vợ cho nó là xong ngay. Chỉ mình vợ nó mới trị được nó mà thôi.

Sự dạy dỗ của chị vợ tuy âm thầm mà lại kết quả, tuy êm dịu mà lại thành công, đúng với kế sách :

- Mưa dầm, thấm đất.

- Mật ngọt chết ruồi.

Hay như bàn dân thiên hạ thường nói :

- Người ta bắt được nhiều ruồi bằng một giọt mật, còn hơn bằng cả một thùng dấm chua!

Cũng vì thế, mà gã mới nghiệm ra rằng :

- Sau lưng anh đồn ông đức độ, đều có bóng dáng một chị đồn bà.

Sách “Cổ Học Tinh Hoa” cũng có truyện rằng :

Đời nhà Đường, giặc Lý Hy Liệt đã đánh được Châu Biện, kéo đến đánh huyện Hạng Thành. Quan huyện Hạng Thành là Lý Khản, muốn chạy trốn. Bà huyện, người họ Dương, bèn nói :

- Giặc đến cướp thành thì phải hết sức giữ thành. Giữ mà không được, thì phải liều chết với thành. Nay ông lại chực chạy trốn, nghĩa là làm sao ? Bây giờ cứ mộ quân cho nhiều, khao thưởng cho to, thiết tưởng còn có thể giữ được thành.

Nói rồi, chính bà huyện hội họp cả nha lệ, sĩ dân lại mà hiểu dụ rằng :

- Quan huyện là chủ của các người thật đấy, song chẳng qua chỉ ở đây độ dăm ba năm, rồi cũng thiên di nơi khác, không liên can lắm bằng cách người sinh trưởng ở đất này, gây dựng cơ nghiệp ở đất này, mồ mà cha ông ở đất này. Vậy sống chết, các người cũng phải hết sức mà giữ lấy thành thì mới được.

Ai nấy nghe đều cảm động, rơm rớm nước mắt và đoan xin liều chết để cố giữ thành. Bà huyện hạ lệnh rằng :

- Ai lấy gạch đá đánh được giặc, thưởng tiền một nghìn. Ai lấy gươm giáo giết được giặc, thưởng tiền một muôn.

Tất cả được hơn một trăm người kéo nhau ra giữ thành, chống lại với giặc. Bà huyện thân đi trông nom lương thực cho quân lính. Khi giao chiến, quan huyện trúng phải một mũi tên lui về, ý không muốn đánh nữa. Bà huyện giận mà nói :

- Ông không ở đây, thì ai chịu liều chết ? Cho dù ông giữ thành mà chết, lại chẳng hơn là chết ở xó giường ư ?

Ông huyện nghe cảm kích, hăng hái hơn trước, lại chạy lên thành, liều đánh một trận

nữa. Quân giặc túng thế phải kéo đi. Huyện Hạng Thành nhờ vậy mà được an toàn.

Câu chuyện trên thật đúng với kinh nghiệm của các cụ ta ngày xưa :

- Gái ngoan làm quan cho chồng.

Trong công việc làm ăn, không phải lúc nào anh chồng cũng gặp được cảnh thuận buồm xuôi gió, trái lại nhiều lúc đã phải cắn răng chịu đựng những cảnh xất bất xang bang, cũng như những thất bại ê chề.

Vì vậy, anh chồng rất cần đến sự góp ý của chị vợ, để đánh giá đúng mức tình hình, có được một cái nhìn sáng suốt và đưa ra những giải pháp vừa hợp tình lại vừa hợp lý, bởi vì :

- Hai cái đầu bao giờ cũng hơn một cái đầu.

Hay như ca dao cũng bảo :

- Chồng khôn vợ được đi hài,

Vợ khôn chồng được nhiều bài cây trồng,

Hơn thế nữa, trong những lúc thất vọng nản chí, anh chồng rất cần đến những lời an ủi và khích lệ của chị vợ, để lấy lại sự bình tĩnh và can đảm.

Và nếu như cả hai vợ chồng đều cộng tác với nhau, thì quả thật là trên cả tuyệt vời :

- Chồng như đó, vợ như hom.

- Trên đồng cạn dưới đồng sâu,

Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa.

Với sự cộng tác như vậy, gã thảm nghĩ : Khó khăn nào cũng có thể vượt qua, thử thách nào cũng có thể giải quyết. Hay như tục ngữ đã nói :

- Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn.

Sau đây gã xin đưa ra hai thí dụ chứng thực cho kinh nghiệm gã vừa mới trình bày.

Đầu tiên là trường hợp của cặp vợ chồng bác học, ông bà Curie.

Ông đã phải ba năm đeo đuổi mới đạt được mục tiêu. Bí quyết của họ là yêu thương nhau trong sự cộng tác. Về tài năng, có thể nói ông tám lạng thì bà cũng nửa cân, nhưng cả hai đều biết tôn kính và nể trọng nhau. Cùng học và cùng làm việc trong phòng thí nghiệm. Bằng chứng là ghế giáo sư vật lý tại đại học đã được dành cho bà, là người phụ nữ đầu tiên, thế chỗ cho ông sau khi ông mất.

Lúc nhận chức, bà chỉ khiêm tốn nói :

- Tôi thử cố gắng dạy.

Và quả nhiên, bà đã thành công không kém gì ông.

Tiếp đến là trường hợp của bà Nixon.

Sự nghiệp của ông tổng thống nước Mỹ này phần lớn là do bà vợ. Bà luôn ở bên ông trong mọi việc và trong mọi lúc để chia sẻ những cực nhọc thuở hàn vi, cũng như phụ giúp đắc lực cho ông trong việc tranh cử, soạn diễn văn, tiếp đón quan khách. Bà là người đầu tiên xứng đáng để cho ông giới thiệu với các ký giả lúc tuyên thệ nhận chức tổng thống.

Thảo nào mà các vị quan lớn, mỗi khi đi đâu cũng kéo theo cái "rờ mọc" là bà xã của mình, để tạo nên mình hình ảnh hài hòa và đẹp đẽ trước mặt bàn dân thiên hạ.

- Chồng sang vợ được đi giày,

Vợ sang chồng được nhiều ngày cây trồng.

Ngay cả Clinton, tổng thống của nước Mỹ, mặc dù đang bị báo chí làm rùm beng vì chuyện lẹo tẹo tình cảm với cô tập sinh Monica, còn Hilary, mặc dù đang giận thâm gan tím ruột vì chuyện ăn...phở của đức ông chồng, thế mà cả hai người vẫn cứ đàng hoàng khoác tay nhau trong những chuyến công du, như chẳng hề có những ngọn sóng ngầm trào dâng trong cõi lòng.

Từ những sự việc cụ thể kể trên, một lần nữa gã lại nghiệm ra rằng :

- Sau lưng anh đồn ông thành công, đều có bóng dáng một chị đồn bà.

Tuy nhiên, như một đồng tiền có hai mặt : mặt phải và mặt trái, đã nói đi thì cũng phải nói lại. Nếu sau lưng anh đồn ông đức độ và thành công, đều có bóng dáng một chị đồn bà, thì sau lưng anh đồn ông bị thất bại te tua, cũng đều có bóng dáng một chị đồn bà.

Chắc hẳn tận đáy lòng, chị vợ nào mà lại chẳng muốn cho anh chồng của mình gặt hái được những thành quả tốt đẹp trên bước đường công danh và sự nghiệp, thế nhưng lắm khi chỉ vì những lời nói và những thái độ của mình, một cách hữu ý hay vô tình, đã tích cực góp phần đẩy anh chồng của mình vào một tình trạng thê thảm.

Dĩ nhiên là có rất nhiều cách hại chồng, nhưng trong phạm vi bài viết này, gã chỉ xin trình bày một "độc chiêu" mà thôi. Đó là có những chị vợ đã vô tình "chặt chân tay của chồng", bằng cách làm cho chồng mất hết bạn bè, cũng như mất hết người cộng tác trong công việc giao dịch và làm ăn.

Đối với anh chồng, bạn bè cùng phái là một nhu cầu rất cần thiết cho cuộc sống, như tục ngữ đã xác quyết :

- Giàu vì bạn, sang vì vợ.

Có những anh chồng còn mạnh dạn tuyên bố :

- Nhiều chuyện tớ chỉ dám nói với bè bạn, chứ không thể nào nói với bà xã được.

Dĩ nhiên, có những người bạn mà vừa nhìn mặt, chị vợ đã thấy ghét, chẳng hạn như bạn ăn nhậu, bạn cờ bạc...Đó là điều rất bình thường và chính đáng, vì chị vợ không muốn anh chồng sa đà vào những chốn chơi bời, dễ rồi trở thành hư thân mất nết lúc nào cũng không hay.

Thế nhưng, có những chị vợ muốn chiếm giữ độc quyền anh chồng bên mình. Hết giờ làm việc là phải trở về nhà với vợ con, không được cà kê dè ngổng chỗ ở này hay chỗ khác, với anh nọ và anh kia. Thậm chí, chị vợ còn tỏ ra bức bối mỗi khi bạn bè của anh chồng tới nhà chơi.

Bạn bè cùng lớp mỗi năm có thói quen họp mặt một lần và năm nay, mọi người đều nhất trí và đồng ý sẽ gặp nhau tại nhà anh. Anh vui vẻ nhận lời vì cho đó chỉ là chuyện nhỏ.

Tuy nhiên, khi về nhà bàn với chị vợ, thì chị vợ lại đưa ra đủ thứ lý do để từ chối, không muốn "đăng cai" tổ chức, nào là nhà cửa chật chội, nào là ăn uống bầy hầy và tốn kém...

Anh chồng ra sức thuyết phục :

- Điều chính yếu không phải là chuyện ăn uống phủ phê hay nhà cửa tiện nghi, mà là một không gian ấm cúng để được thoải mái sống cái tình bè bạn và nhớ lại những kỷ niệm xa xưa.

Bất đắc dĩ chị vợ phải chấp nhận. Tới ngày gặp gỡ, mặt mũi chị vợ lạnh tanh lạnh ngắt như bánh bao chiều. Không nói một lời, không cười một tiếng, làm cho bầu khí bỗng trở nên nặng nề và ngột ngạt, mặc dù anh chồng đã ra sức cứu vãn bằng những cái bắt tay và những câu chuyện cười, đồng thời chữa cháy bằng những ly rượu mời...

Khi ra về, một tên bạn ghé tai và nói nhỏ với anh:

- Chắc là tụi này cách đến già, hổng dám tới nhà bạn nữa đâu.

Mới đây, hôm mồng hai tết, một anh bạn dẫn con tới chúc tuổi. Trong lúc anh chồng vui vẻ tiếp bạn, thì chỉ vợ đi qua đi lại, nói xiên nói xỏ, đại khái rằng :

- Tôi không muốn những hạng người như anh giao du với nhà tôi.

Thấy hoàn cảnh không được thuận lợi để ngồi uống với nhau ly rượu mừng xuân, anh bạn bèn bỏ của chạy lấy người, dẫn con ra về cái một. Và khi anh bạn vừa đi khỏi, thì liền diễn ra cảnh vợ chồng đóng cửa...đay nhau. Thế là những ngày đầu năm đang vui bỗng biến thành buồn và mất toi một cái tết.

Đối với những bạn bè cùng phái mà còn như vậy, huống nữa là đối với những bạn bè khác phái của anh chồng. Việc kiểm soát lại càng trở nên gắt gao và nghiêm ngặt, còn hơn cả lệnh giới nghiêm.

Ai cũng phải công nhận điện thoại di động thật tiện lợi và hữu ích, vì mình có thể liên lạc được với nhau ở mọi nơi và trong mọi lúc. Thế nhưng, đối với anh chồng thì lại khác. Kể từ khi được chị vợ sắm cho một "con để nhỏ nhỏ xinh xinh", anh chồng cảm thấy sự tự do của mình bị cắt xén và lúc nào cũng nhận ra sự canh chừng của chị vợ ở sát ngay bên mình.

Bất kỳ lúc nào chị vợ cũng có thể gọi để kiểm tra xem anh chồng có mặt trong sở hay là lại đang vi vút ở đâu và với ai...Nếu trong giờ làm việc, mà điện thoại "tạm thời không liên lạc được", hay "ở ngoài vòng phủ sóng", thì chị vợ bèn tức tốc chạy thẳng tới sở hay gọi tới gọi lui cho đám bè bạn để điều tra về sự...mất tăm mất tích đột xuất này.

Giữa đêm hôm khuya khoắt mà bỗng có tiếng dế kêu, thế nào chị vợ cũng hỏi xem ai gọi và gọi để làm gì. Nếu anh chồng trả lời ngập ngừng thì hẳn là có vấn đề. Còn nếu anh chồng trả lời trơn tru, thì lại bị cho là dẻo mép, quen thói dối vợ có bài bốn dọn sẵn.

Năm vững tình hình của hai vợ chồng là như vậy, đám bè bạn "trời đánh thánh vật không chết" lâu lâu lại cắt một thang thuốc, bày ra một trò chơi, bằng cách "phệu" một tin nhắn thật lâm ly và bi đát, cho chui tọt vào máy của anh chồng...Rồi chờ xem chiến sự xảy ra như thế nào?

Nếu chẳng may chị vợ khám phá ra một tin nhắn được lưu lại trong máy với những lời lẽ nhõng nhẽo hay ngọt ngào, thì anh chồng chỉ còn nước từ chết đến bị thương mà thôi.

Những giận hờn triền miên không biết đến bao giờ mới hết, những day dứt kéo dài tưởng chừng như vô tận, mặc cho anh chồng ra sức thanh minh thanh nga. Và dù anh chồng có thể sống thề chết, thì cũng chẳng tạo được một chút niềm tin nơi chị vợ.

Mặc dù không được huấn luyện hay trải qua trường lớp, chị vợ vẫn cứ nghiêm nhiên là một nhà thám tử. Và dưới mắt chị vợ, thì hình như mọi phụ nữ đều có thể trở thành tình địch, trở thành người thứ ba, sẵn sàng chớp lấy anh chồng của mình.

Người ta thường bảo, có yêu thì mới ghen, như tục ngữ đã diễn tả :

- Ớt nào là ớt chẳng cay,

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng,

Vôi nào là vôi chẳng nong,

Gái nào là gái có chồng chẳng ghen.

Một cái ghen sáng suốt, nhẹ nhàng có thể làm cho tình yêu thêm mặn nồng, nhưng trái lại một cái ghen mù quáng và điên cuồng có thể giết chết tình yêu và dẫn tới những hậu quả thảm khốc. Gã đã từng thấy có chị vợ đã nổi máu ghen khi anh chồng gặp gỡ, chào hỏi và nói chuyện với đám học học trò mình.

Sống trong cảnh bị "kìm kẹp" như vậy, anh chồng không bị suy sụp tinh thần mới là chuyện lạ, bởi vì chẳng còn ai muốn giao du và đi lại với anh ta nữa.

Còn rất nhiều những "độc chiêu" khác nữa. Chẳng hạn như vì tiêu xài theo kiểu con nhà

lính tính nhà quan, bóc ngăn cản dài, khiến tình trạng tài chánh trong gia đình bị thâm thủng nặng nề, hay vì lòng tham không đáy của mình, chị vợ chỉ mong sao anh chồng kiếm được nhiều tiền lắm bạc bằng những lời tĩ tê. Và thế là anh chồng cũng liều nhắm mắt đưa chân, nhận phong bì hối lộ, còn chị vợ thì mở cửa sau để nhận quà cáp. Rồi tới một ngày ông chồng bị công an sờ gáy và mời vô khám nằm bóc lịch...

Chẳng hạn như cái tật phát ngôn bừa bãi, thích nói hành nói tỏi người này người nọ, thậm chí sẵn sàng kể ra những thói hư của chồng, để mua vui cho bàn dân thiên hạ, bất chấp sự ngượng ngùng, tủi hổ của anh chồng...

Những "độc chiêu" này, khi có dịp gã sẽ bàn tới sau. Còn bây giờ xin lặp lại lời đã nói ở trên như một kết luận :

- Nếu sau lưng anh đồn ông thành công rực rỡ, đều có bóng dáng một chị đồn bà, thì sau lưng anh đồn ông thất bại te tua, cũng đều có bóng dáng một chị đồn bà.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc "Trợ lực Giáo sĩ" bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những "Linh mục" không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
